

PHẠM TRẦN ANH

NHÂN VẬT LỊCH SỬ THỜI ĐẠI II
HỒ CHÍ MINH

VIỆN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ & VĂN HÓA VIỆT NAM
VIETNAM TOMORROW FOUNDATION ỨNG HÀNH
IN LẦN THỨ NHẤT TẠI HOA KỲ 2024
NXB VĂN HIẾN & TÁC GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN



Nam quốc Sơn hà Nam đế cử
Tiết nhiên định phận tại thiên thu
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Như đang hàng phen thua bại hử?
Lý Thường Kiệt
Hạ Văn 2010

Sông núi trời Nam của nước Nam
Sách trời định rõ tự muôn ngàn
Cường công giặc dữ vào xâm lấn
Chuồn lấy bại vong, lũ bạo tàn...

PHẠM TRẦN ANH
cản dịch

**KÍNH DÂNG
HỒN THIÊN SÔNG NÚI
DÒNG GIỐNG RỒNG TIÊN
QUỐC TỔ HÙNG VƯƠNG LẬP QUỐC
ANH THƯ HÀO KIỆT ĐỜI ĐỜI BẢO QUỐC AN DÂN**



Nhớ xưa Quốc Tổ dựng nền
Ngàn năm văn hiến sử thiên anh hùng
Bọc điều trăm họ thai chung
Đồng bào tiếng gọi vô cùng Việt Nam!

PHẠM TRẦN ANH



DI CHỨC MUÔN ĐỜI

“Các người chớ quên, chính nước lớn mới làm những điều bậy bạ, trái đạo. Vì rằng họ cho mình cái quyền nói một đường làm một nẻo. Cho nên cái họa lâu đời của ta là họa Trung Quốc. Chớ coi thường chuyện vụn vặt xảy ra trên biên ải mà ta phải nghĩ tới chuyện khác lớn hơn là họ không bao giờ tôn trọng biên giới quy ước. Họ cứ luôn luôn đặt ra những cái cớ để tranh chấp. Không thôn tính được ta, thì gặm nhấm ta. Họ gặm nhấm đất đai của ta, lâu dần họ sẽ biến giang san của ta từ cái tổ đại bàng thành cái tổ chim chích. Vậy nên các người phải nhớ lời ta dặn: Một tấc đất của tiền nhân để lại, cũng không được để lọt vào tay kẻ khác...

Ta muốn lời nhắn nhủ này như một di chúc cho con cháu muôn đời sau. Quá khứ là gốc rễ của tương lai, rễ càng đâm sâu thì cây mới vững vàng và càng vươn cao”.

VUA TRẦN NHÂN TÔNG (1258-1308)



Tượng đồng vua Lê Thánh Tông ở Văn Miếu, Quốc Tử Giám Hà Nội.

“Một thước núi, một tấc sông của ta, lẽ nào có thể vứt bỏ? Ngươi phải kiên quyết tranh biện, chớ cho họ lấn dần. Nếu họ không nghe, còn có thể sai sứ sang phương Bắc trình bày rõ điều ngay, lẽ gian. Nếu ngươi dám đem một thước sông, một tấc đất của Thái Tổ làm mồi cho giặc, thì phải tội tru di ...”.

VUA LÊ THÁNH TÔNG (1447-1497)



DUY NGÃ ĐẠI VIỆT CHI QUỐC
THỰC VI VĂN HIẾN CHI BANG...

DANH NHÂN VĂN HÓA NGUYỄN TRÃI

CHỈ NƯỚC ĐẠI VIỆT TA TỪ TRƯỚC
MỚI CÓ NỀN VĂN HIẾN NGÀN NĂM ...

PHẠM TRẦN ANH
Cẩn dịch

NHÂN VẬT LỊCH SỬ THỜI ĐẠI II 9

“Chúng ta đều do Tổ Tiên sinh ra, không cứ là trai gái già trẻ, không cứ là chi tộc nào, dòng họ nào. Mọi người đều là CON RỒNG CHÁU TIÊN, từ một bào thai của mẹ Âu nên tất cả đều từ một mẹ sinh ra các ngành các chi mà thôi.

Cành cây lớn muôn lá, gốc vốn ở rễ. Nước có nghìn dòng sông, muôn ngọn suối, vốn có gốc từ một ngọn nguồn. Cảnh vật còn như vậy, huống chi là con người chúng ta. Con người sinh ra đời, đời đời nối tiếp về sau, đều do các người đời trước nuôi nấng dìu dắt vậy.

Ngưỡng mộ và tưởng nhớ Tổ Tiên, chúng ta hãy lấy việc siêng năng mà bồi đắp cho gốc rễ. Lấy sự cần kiệm làm răn rồi tu nhân tích đức, giàu lòng thương người hơn là chê bai ghen ghét người. Là con cháu thì chúng ta phải nối tiếp truyền thống của Tổ Tiên, chứ lẽ nào con cháu mà lại không suy nghĩ về ý nghĩa thâm trầm cao đẹp nói trên hay sao?”.

HOÀNG ĐẾ QUANG TRUNG

(Nói chuyện với các bô lão làng Vân Nội)

BÁCH VIỆT TỪ ĐƯỜNG TỘC PHẢ

Chú giải của La Sơn Phu Tử

“Độ lượng bao dung, khoan hòa giáo hóa, không báo thù kẻ vô đạo, đó là sức mạnh của phương Nam, người quân tử ở đây ứng xử như vậy... Mặc giáp cuir ngựa, xông pha giáo mác, đến chết không chán, đó là sức mạnh của phương Bắc. Kẻ cường đạo ở đó hành động như thế”.

KHÔNG PHU TỬ

“Giao Chỉ là đất văn hiến, núi sông hun đúc, trân bảo rất nhiều, văn vật khả quan, nhân tài kiệt xuất”.

HÁN HIẾN ĐẾ (189-220)

“Việt tuy gọi là man di nhưng tiên khởi đã có đại công đức với muôn dân vậy...”.

TƯ MÃ THIÊN

“Tên Giao Chỉ đã có từ lâu. Kinh Thư gọi là Minh Đô, thực đáng là cái vực sâu, cái chằm rậm chứa đựng văn minh của nhân loại”.¹

LÊ QUÝ ĐÔN

¹ Văn Đài Loại Ngữ của Lê Quý Đôn, bản dịch của Phạm Vũ và Lê Hiền.

“Người Việt đã bao nhiêu thế kỷ chịu ảnh hưởng của văn minh Hán Hoa, đã ăn sâu vào cá tính và có thái độ cho rằng mình thua kém, chỉ thu thập văn minh và văn hóa Trung Quốc mà không tin rằng, văn hóa Trung Quốc thật sự đã nhận được sự đóng góp đáng kể từ các dân tộc Bách Việt ở phương Nam. Những nếp sống văn hoá này đem vào Trung Hoa thời Tiền sử mang yếu tố “Biển” rõ rệt và có thể mô tả bằng một chữ, đó là chữ “VIỆT” mà trước kia thường gọi sai lầm là Thái cổ (ProtoThai).” Tôi xác định chữ Việt nay là quốc hiệu của một nước vùng Đông Nam châu Á: Nước Việt Nam. Sự thật bị che phủ hàng ngàn năm cùng với ảnh hưởng của ngàn năm thống trị nô dịch văn hóa khiến ngay cả người Việt cũng ngỡ ngàng, không tin đó là sự thật ...”.

J. NEEDHAM

“Ngay từ ngày lập quốc, tất cả then chốt của lịch sử Việt Nam đều ở cái tinh thần đối kháng kết hợp một cách kỳ lạ, một bên là năng lực đồng hoá lạ lùng, bên kia là ý chí quật khởi quốc gia không chịu khuất phục mặc dầu bị thua trận, bị phân tán, bị chinh phục. Hơn một ngàn năm bị sát nhập hoàn toàn vào Trung Quốc, từ thế kỷ thứ hai trước công nguyên đến thế kỷ thứ mười sau kỷ nguyên, thay vì làm cho dân tộc Việt Nam kiệt quệ thì ngược lại đã làm cho dân tộc Việt trở nên hùng cường... Việt Nam đầy rẫy những triết gia hiểu biết theo nghĩa là những con người có chiều sâu tư tưởng, biết suy nghĩ trăn trở. Càng về đồng quê, thôn cùng xóm vắng thì càng nhiều, đó là xã hội lý tưởng của Platon mơ ước đã hiện thực ở Việt Nam từ lâu rồi”.

PAUL MUS

“Chúng ta thấy ở đây là cả một nền văn minh, mọi thứ được xây dựng từ lâu. Nghệ thuật, khoa học, kể cả khoa quản lý quốc gia đều phát triển mạnh. Luật pháp, phong tục, tôn giáo, văn học, tất cả đều đã hoàn chỉnh và hòa hợp với nhau, trải qua bao nhiêu thế kỷ, đã được điều hòa và ngày càng hoàn hảo hơn. Những vết tích man rợ đã hết từ lâu. Dân tộc này đã sống trong một xã hội thuần thực có tổ chức, trong khi người phương Tây còn ở trong tình trạng bán khai. Yêu mến quê hương, quyến luyến gia đình, tôn kính tổ tiên, yêu chuộng công lý, tôn trọng chính nghĩa, ham thích khoa học, coi trọng lời nói Thánh hiền, thương yêu nòi giống, tôn trọng lẽ phải, ghét xa hoa, không ham tiền tài, khinh ghét vũ lực, không sợ gian khổ, sẵn sàng hy sinh... Đó là đức tính của người dân Việt. Tất cả người Việt Nam bình thường, mà người ta gặp bất cứ nơi đâu cũng đều như thế...”

Học giả Couve De Pourville

“Văn Miếu không phải để cầu kinh hay làm bùa phép mà là nơi trang trọng ghi ơn các anh hùng dân tộc, các danh nhân văn hoá, các vị Tiến sĩ với những chuẩn mực đạo đức để con cháu đời sau ghi sâu vào tâm khảm bài học về đạo làm người Việt Nam, xứng đáng với hoài bão của Tiên Nhân”.

Nhà Việt Nam Học Henri Bernard Maitre

“Việt Nam là một dân tộc có tinh thần tôn giáo cao độ.”.

Linh mục Cadière

“Trải qua hơn bốn nghìn năm lịch sử, dân tộc Việt Nam đã chứng tỏ có một sức sống phi thường. Suốt mười thế kỷ bị Trung Quốc thôn tính, người Việt Nam vẫn giữ nguyên bản sắc dân tộc và liên tiếp nổi dậy đánh đuổi kẻ xâm lược ỷ vào sức mạnh tưởng có thể khuất phục được dân tộc này. Lịch sử đã đặt lòng tin vào dân tộc ấy và họ đã chứng minh khả năng đề kháng, óc sáng tạo, tính kiên trì và sự thích ứng với mọi cuộc chiến gian khổ nhất, khó khăn nhất và kể cả không cân sức nhất... Người Việt Nam tự hào với quá khứ của mình, tôn vinh những bậc vĩ nhân đã tô điểm rạng rỡ quá khứ đó và quá khứ dù xa xăm hay gần đây luôn luôn có mặt khắp nơi trên đất Việt Nam, tác động mạnh mẽ vào hiện tại và tương lai.

Nhà sử học Phillipe Devilère

“Một việc phi thường mà không một sử gia nào có thể giải thích được một cách thỏa đáng, mặc dầu đã nghiên cứu rất nhiều là tại sao sau hơn 1 ngàn năm bị đô hộ, dân tộc Việt Nam vẫn không bị đồng hóa và Việt Nam vẫn giành lại nền độc lập dân tộc”.

G. BUTTINGER

(The smaller Dragon, NewYork, Praeger 1958)

“Người trong nước có thông hiểu những sự tích nước mình mới có lòng yêu nước, yêu nhà, mới biết cố gắng học hành, hết sức làm lụng, để vun đắp thêm vào cái nền xã-hội của Tổ tiên đã xây dựng nên mà để lại cho mình”.

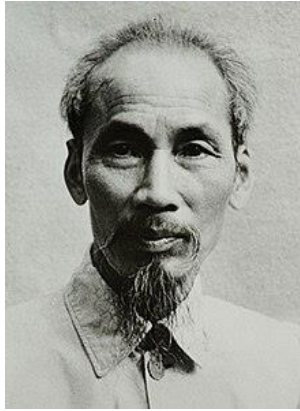
TRẦN TRỌNG KIM (Việt Nam Sử Lược)

Bước sang thiên niên kỷ thứ ba, dưới ánh sáng của khoa học sự thật lịch sử về Nguồn cội văn hóa và Lịch sử Việt đã được phục hồi. Dân tộc Việt là người Hòa Bình Hoabinhian thuộc đại chủng Hoabinhoid=> Previetnamese. Người Tiên Việt đã thiên cư lên chân cao nguyên Tây Tạng Tibetan Plateau để tránh nạn biển tiến trở thành TibertoViets. Khi nước biển rút thì tiến xuống lưu vực Hoàng Hà Dương Tử định cư hình thành các nền văn minh Trung Hoa Cổ đại của Đại chủng Việt (Hundred - Viets).

Truyền thuyết khởi nguyên dân tộc chính là truyền kỳ lịch sử Việt Nam được hư cấu dưới lớp vỏ huyền thoại được hư cấu như một huyền tích trong đó đề cao con người với ý nghĩa nhân bản truyền thống. Truyền thuyết Việt Nam biểu trưng một triết lý văn hoá cao đẹp không những thấm đậm tính nhân đạo, chan chứa về nhân văn, mà còn tràn đầy tình đồng bào, nghĩa ruột thịt qua hình tượng “Bọc điều trăm trứng nở trăm con”. Truyền thuyết khởi nguyên dân tộc cho chúng ta thấy rằng chúng ta cùng một mẹ sinh ra nên chúng ta mới gọi nhau là “Đồng Bào” vì chúng ta là anh em cùng trong bào thai mẹ sinh ra: “Bọc Điều Trăm Họ Thai Chung, Đồng Bào Tiếng gọi Vô cùng Việt Nam...”.

Chúng ta có một “Quốc Tổ Hùng Vương”, từ Quốc Tổ đảo ngược để thăng hoa thành ý niệm “Tổ Quốc”, biểu trưng tinh thần dân tộc u linh bàng bạc trong tâm khảm của mọi con dân đất Việt. Từ ý niệm đồng bào mà người Việt Nam khi nói tới yêu nước thường gắn liền với thương nòi vì chúng ta là một quốc gia, một dân tộc cùng chung một nòi giống “Tiên Rồng”. Chúng ta cùng chung một ông Tổ là “Quốc Tổ Hùng Vương”, cùng chung một “Tổ Quốc Việt Nam”. Đối với người Việt, việc thờ cúng Ông bà Tiên tổ là đạo lý làm người trong đời sống tâm linh của người Việt. Đạo thờ cúng ông bà là một “Việt Đạo” của nền minh triết Việt. Chúng ta tự hào là một dân tộc có lịch sử lâu đời và là một dân tộc có gần năm ngàn năm văn hiến.

PHẠM TRẦN ANH (Việt Nam Nước Tôi)



Hồ Chí Minh năm 1946



Hồ Tiếp Charong "38 tuổi" sinh ngày 19 tháng 5 năm 1890 là tuổi thật của Hồ Chí Minh.

Nguyễn Ái Quốc "49 tuổi", sinh vào năm 1939. Nguồn: The Missing Years.



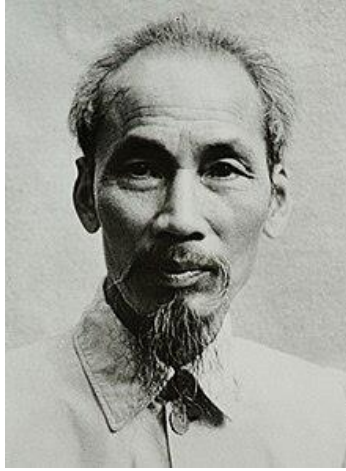
HỒ CHÍ MINH
CT NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA



Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập ngày 2-9-1945
(Lá cờ đỏ sao vàng trên khán đài là lá cờ của Cộng Sản Phúc Kiến Trung Quốc)



CT Hồ Chí Minh và Cố vấn Cựu Hoàng Bảo Đại



Hồ Chí Minh năm 1946



Hồ Chí Minh và Phạm Văn Đồng tại Paris, 1946.

Hồ Chí Minh và Chủ tịch Cộng hòa Dân chủ Đức Wilhelm Pieck, 1957.

Ảnh chân dung thường thấy hiện nay của Hồ Chí Minh được treo ở các nơi quan trọng của Việt Nam là do nhiếp ảnh gia Lục Văn Tuấn của "Quảng Đông họa báo" chụp trong thời gian ông điều dưỡng trị liệu ở suối nước nóng Tòng Hòa tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc đầu tháng 9 năm 1963. Chu Ân Lai và Trần Nghị từ Bắc Kinh đến thăm Hồ Chí Minh.

Trên trang Điện Tử Hồ Chí Minh ghi tiểu sử của CT Hồ Chí Minh như sau:



Chủ tịch Hồ Chí Minh
(1890 - 1969)

Tiểu sử Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890 - 1969)

Chủ tịch Hồ Chí Minh (lúc nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung, khi đi học là Nguyễn Tất Thành, trong nhiều năm hoạt động cách mạng lấy tên là Nguyễn Ái Quốc và nhiều bí danh, bút danh khác) sinh ngày 19/5/1890 ở xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; mất ngày 2/9/1969 tại Hà Nội.

Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, lớn lên ở một địa phương có truyền thống anh dũng chống giặc ngoại

xâm. Sống trong hoàn cảnh đất nước chìm dưới ách đô hộ của thực dân Pháp, thời niên thiếu và thanh niên của mình, Hồ Chí Minh đã chứng kiến nỗi khổ cực của đồng bào và những phong trào đấu tranh chống thực dân, Hồ Chí Minh sớm có chí đuổi thực dân, giành độc lập cho đất nước, đem lại tự do, hạnh phúc cho đồng bào. Với ý chí và quyết tâm đó, tháng 6/1911, Hồ Chí Minh đã rời Tổ quốc đi sang phương Tây để tìm con đường giải phóng dân tộc.

Từ năm 1912 - 1917, dưới cái tên Nguyễn Tất Thành, Hồ Chí Minh đến nhiều nước ở châu Á, châu Âu, châu Mỹ, châu Phi, sống hoà mình với nhân dân lao động. Qua thực tiễn, Hồ Chí Minh cảm thông sâu sắc cuộc sống khổ cực của nhân dân lao động và các dân tộc thuộc địa cũng như nguyện vọng thiêng liêng của họ. Hồ Chí Minh sớm nhận thức được cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam là một bộ phận trong cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới và tích cực hoạt động nhằm đoàn kết nhân dân các dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do.

Cuối năm 1917, Hồ Chí Minh từ Anh trở lại Pháp, hoạt động trong phong trào Việt kiều và phong trào công nhân Pháp.

Năm 1919, lấy tên là Nguyễn Ái Quốc, thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, Hồ Chí Minh đã gửi tới Hội nghị Vécxây (Versailles) bản yêu sách đòi quyền tự do cho nhân dân Việt Nam và cũng là quyền tự do cho nhân dân các nước thuộc địa.

Dưới ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 và Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, tháng 12/1920, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp và bỏ phiếu tán thành Đảng gia nhập Quốc tế III (Quốc tế Cộng sản), trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Từ một người yêu nước trở thành một người cộng sản, Hồ Chí Minh khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”.

Năm 1921, cùng với một số người yêu nước của các thuộc địa Pháp, Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa. Tháng 4/1922, Hội xuất bản báo “Người cùng khổ” (Le Paria) nhằm đoàn kết, tổ chức và hướng dẫn phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Nhiều bài báo của Nguyễn Ái Quốc đã được đưa vào tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp”, xuất bản tại Paris năm 1925. Đây là một công trình nghiên cứu về bản chất của chủ nghĩa thực dân, góp phần thức tỉnh và cổ vũ nhân dân các nước thuộc địa đứng lên tự giải phóng.

Tháng 6 năm 1923, Nguyễn Ái Quốc từ Pháp sang Liên Xô, làm việc tại Quốc tế Cộng sản. Tháng 10 năm 1923, tại Hội nghị Quốc tế Nông dân lần thứ nhất, Nguyễn Ái Quốc được bầu vào Hội đồng Quốc tế Nông dân và là đại biểu duy nhất của nông dân thuộc địa được cử vào Đoàn Chủ tịch của Hội đồng. Tiếp đó tham dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V, Đại hội Quốc tế Thanh niên lần thứ IV, Đại hội Quốc tế Công hội đỏ. Tại các đại hội, Nguyễn Ái Quốc kiên trì bảo vệ và phát triển sáng tạo tư tưởng của V.I. Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, hướng sự quan tâm của Quốc tế Cộng sản tới phong trào giải phóng dân tộc.

Tháng 11 năm 1924, với tư cách là Ủy viên Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản và Ủy viên Đoàn Chủ tịch Quốc tế Nông dân, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc). Tại Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc làm việc trong đoàn cố vấn Bôrôđin của Chính phủ Liên Xô bên cạnh Chính phủ Tôn Dật Tiên.

Năm 1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, trực tiếp mở lớp huấn luyện đào tạo cán bộ cách mạng, ra tuần báo “Thanh niên”, tờ báo cách mạng đầu tiên của Việt Nam nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về Việt Nam, chuẩn bị cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện được tập hợp in thành sách “Đường Kách mệnh” - một văn kiện lý luận quan trọng đặt cơ sở tư tưởng cho đường lối cách mạng Việt Nam.

Tháng 5 năm 1927, Nguyễn Ái Quốc rời Quảng Châu đi Mátxcova (Liên Xô), sau đó đi Béclin (Đức), đi Brúcxen (Bi), tham dự phiên họp mở rộng của Đại hội đồng Liên đoàn chống chiến tranh đế quốc, sau đó đi Ý và từ đây về châu Á.

Từ tháng 7 năm 1928 đến tháng 11 năm 1929, Nguyễn Ái Quốc hoạt động trong phong trào Việt kiều yêu nước ở Xiêm (Thái Lan), tiếp tục chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tháng 2 năm 1930, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị thành lập Đảng họp tại Cửu Long, thuộc Hồng Kông (Trung Quốc). Hội nghị đã thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân và toàn thể dân tộc Việt Nam.

Tháng 6 năm 1931, Nguyễn Ái Quốc bị chính quyền Anh bắt giam tại Hồng Kông. Đầu năm 1933, Nguyễn Ái Quốc được trả tự do.

Từ năm 1934 đến năm 1938, Nguyễn Ái Quốc nghiên cứu tại Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc thuộc địa tại Mátxcova (Liên Xô). Kiên trì con đường đã xác định cho cách mạng Việt Nam, Người tiếp tục theo dõi, chỉ đạo phong trào cách mạng trong nước. Tháng 10/1938, Người rời Liên Xô sang Trung Quốc, bắt liên lạc với tổ chức Đảng chuẩn bị về nước.

Ngày 28 tháng 1 năm 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước sau hơn 30 năm xa Tổ quốc.

Tháng 5 năm 1941, Nguyễn Ái Quốc triệu tập Hội nghị lần thứ VIII Ban Chấp hành Trung ương Đảng, quyết định đường lối cứu nước trong thời kỳ mới, thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh), tổ chức xây dựng lực lượng vũ trang giải phóng, xây dựng căn cứ địa cách mạng.

Tháng 8 năm 1942, lấy tên mới là Hồ Chí Minh, Người đại diện cho Mặt trận Việt Minh và Phân hội Việt Nam thuộc Hiệp hội Quốc tế chống xâm lược sang Trung Quốc tìm sự liên minh quốc tế, cùng phối hợp hành động chống phát xít trên chiến trường Thái Bình Dương. Người bị chính quyền địa phương của Tưởng Giới Thạch bắt giam trong các nhà lao của tỉnh Quảng Tây. Trong thời gian một năm 14 ngày bị tù, Người đã viết tập thơ “Nhật ký trong tù” với 133 bài thơ chữ Hán. Tháng 9/1943, Hồ Chí Minh được trả tự do.

Tháng 9 năm 1944, Hồ Chí Minh trở về căn cứ Cao Bằng.

Tháng 12 năm 1944, Hồ Chí Minh chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Tháng 5 năm 1945, Hồ Chí Minh rời Cao Bằng về Tân Trào (Tuyên Quang). Tại đây theo đề nghị của Hồ Chí Minh, Hội nghị toàn quốc của Đảng và Đại hội Quốc dân đã họp quyết định Tổng khởi nghĩa. Đại hội Quốc dân đã bầu ra Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam (tức Chính phủ lâm thời) do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Tháng 8 năm 1945, Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi. Ngày 26-8, Hồ Chí Minh về trú ngụ và làm việc tại căn nhà số 48 phố Hàng Ngang. Tối hôm đó lần đầu tiên họp thường vụ Trung ương Đảng. Hồ Chí Minh đề nghị mở rộng thành phần chính phủ cho có đủ mọi tầng lớp, người của Đảng chỉ cần giữ các bộ quan trọng mà thôi. Một số thành viên Cộng sản do Trường Chinh dự trù trước đây đã tự động xin rút tên.² Ngày 27-8 năm 1945, Việt Minh ra tuyên cáo cho biết sẽ thành lập một chính phủ Lâm thời, không phải hoàn toàn do người của Mặt trận Việt Minh mà còn có các thành phần khác.

² Bùi Anh Trinh dẫn Tài liệu của Viện Sử học CSVN: Việt Nam những sự kiện lịch sử 1919-1945, trang 421. Sự thật là sau khi tiếp xúc với Patti, Hồ Chí Minh đã khôn khéo không đề trong chính phủ quá nhiều đảng viên Cộng sản khiến Patti sẽ từ chối ủng hộ Việt Minh nên chỉ có Hồ Chí Minh và Chu văn Tấn là Cộng sản mà thôi.

Ngày 28-8, Việt Minh công bố danh sách các thành viên của Chính phủ:

Hồ Chí Minh, Chủ tịch kiêm Bộ trưởng Ngoại giao. Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Nội vụ. Trần Huy Liệu, Bộ trưởng Thông tin tuyên truyền. Phạm Văn Đồng, Bộ trưởng Tài chính. Chu Văn Tấn, Bộ trưởng Quốc phòng. Nguyễn Văn Tố, Bộ trưởng Xã hội Vũ Đình Hòe (nhà báo Thanh Nghị), Bộ trưởng Giáo dục. Phạm Ngọc Thạch, Bộ trưởng Y tế ... Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Hồ Chí Minh đọc “Tuyên ngôn độc lập”, tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và trở thành vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam độc lập.³

Ngay sau đó, thực dân Pháp gây chiến tranh, âm mưu xâm chiếm Việt Nam một lần nữa. Trước nạn ngoại xâm, Hồ Chí Minh kêu gọi cả nước đứng lên bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc với tinh thần: “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Người đã khởi xướng phong trào thi đua yêu nước, cùng Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân Việt Nam tiên hành cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính, từng bước giành thắng lợi.

Tháng 2 năm 1951, tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, Người được bầu làm Chủ tịch Đảng Lao động Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược đã giành thắng lợi to lớn, kết thúc vẻ vang bằng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (1954), giải phóng hoàn toàn miền Bắc.

Từ năm 1954, Người cùng Trung ương Đảng Lao động Việt Nam lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

³ Hồi ký của Patti cho biết ông ta có giúp Hồ Chí Minh soạn bài diễn văn này.

Tháng 9 năm 1960, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, Người được bầu làm Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Quốc hội khóa II, khóa III đã bầu Người làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Năm 1964, đế quốc Mỹ mở cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân đánh phá miền Bắc Việt Nam. Người động viên toàn thể nhân dân Việt Nam vượt mọi khó khăn gian khổ, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Người khẳng định: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do! Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!”.

Ngày 2 tháng 9 năm 1969, Người mất tại Hà Nội.

Trước khi qua đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho nhân dân Việt Nam bản Di chúc lịch sử, căn dặn những việc nhân dân Việt Nam phải làm để xây dựng đất nước sau chiến tranh. Người viết: “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”. Thực hiện Di chúc của Người, toàn dân Việt Nam đã đoàn kết một lòng đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại bằng máy bay B52 của đế quốc Mỹ, buộc Chính phủ Mỹ phải ký Hiệp định Paris ngày 27-1-1973, chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút hết quân đội Mỹ và chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Mùa xuân năm 1975, với Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, nhân dân Việt Nam đã hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, thực hiện mong ước thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, lãnh tụ kính yêu của giai cấp công nhân và của cả dân tộc Việt Nam, một chiến sĩ xuất sắc, một nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc. Người

đã vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, sáng lập Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam, sáng lập lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam và sáng lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (nay là Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Người luôn luôn gắn cách mạng Việt Nam với cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Người là tấm gương đạo đức cao cả, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, vô cùng khiêm tốn, giản dị.

Võ Đông Giang, Chủ tịch Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam đã gửi văn thư gửi Tổng giám đốc UNESCO ngày 14-4-1987, đề nghị ghi tên Hồ Chí Minh vào danh sách danh nhân thế giới vào năm 1990, nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Hồ Chí Minh. Tháng 10-1987, UNESCO có ra Nghị quyết vinh danh các danh nhân thế giới trong phiên họp 24 tại Paris năm 1987, nhưng trong danh sách vinh danh các danh nhân thế giới sau đó, không có tên Hồ Chí Minh. Trong khoá họp lần thứ 24 của UNESCO diễn ra tại Paris (từ ngày 20/10 đến 20/11/1987) đã thông qua Nghị quyết 24C/18.65 ghi nhận "năm 1990 sẽ đánh dấu 100 năm kỷ niệm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam".

Trong tác phẩm "Con đường chính trị của Hồ Chí Minh", giáo sư Nguyễn Thế Anh viết: *"Cho dù không thiếu những tác phẩm viết về Hồ Chí Minh, cho dù ông đã mất từ lâu, nhưng vẫn còn tồn tại khá nhiều nghi vấn và mâu thuẫn trong cuộc đời nhân vật chính trị này. Do ông có thói quen che giấu quá khứ và những hoạt động của mình, cố ý xóa sạch các dấu vết, vì thế, mọi cố gắng tìm hiểu những chi tiết chân thực trong cuộc đời hoạt động của ông chẳng khác gì đứng trong đám mây mù vẫn vụ mà thưởng hoa vậy. Vì thế, ta chỉ có thể suy đoán mà thôi. Hồ Chí Minh có đến 3 cái tên giả, tự mình kể chuyện về mình đầy tràn sắc thái thần bí với nhiều sự hàm hồ, vô vàn tình tiết nghi hoặc, chẳng những không thể phân tích rõ ràng, mà còn bỗng nhiên tự tăng bốc mình với mục đích tuyên truyền cho sự nghiệp chính trị hoặc là một thánh nhân. Tuy vậy, các nhà sử học*

*đã trường kỳ nghiên cứu, nỗ lực bóc gỡ dần lớp màn che phủ vốn làm chân dung Hồ Chí Minh bị biến dạng hoặc bị tô vẽ thái quá qua các tác phẩm truyện ký, chỉ có điều là vẫn chưa tìm ra điểm mấu chốt”.*⁴

Vào năm 2000, William J. Duiker hoàn thành tác phẩm "Truyện Hồ Chí Minh", William J. Duiker viết: *"Những tài liệu nằm ở Trung tâm Lưu trữ Hà Nội đều không cho người Việt Nam và người nước ngoài thâm nhập tìm hiểu, nghiên cứu. Cũng như vậy, ta không thể tìm những tài liệu có liên quan đến Hồ Chí Minh ở Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa. Nhà cầm quyền Trung Quốc và Liên Xô hầu như ít khi để lộ những thông tin thuộc loại này”.*⁵ Chính Hồ Chí Minh cũng đã nói: *"Các ông già khi vui vẻ thường tự tạo ra cho mình một chút thần bí. Tôi cũng bắt chước người xưa làm ra vẻ thần bí một chút, chắc ngài có thể hiểu được".*

⁴ Nhà sử học Việt Nam, giáo sư Nguyễn Thế Anh, tiến sĩ văn học và nhân văn Đại học Sorbonne, Paris, Pháp, từng là giám đốc Đại học Thuận Hóa, chủ nhiệm khoa Văn Sử Đại học Sài Gòn, giáo sư thỉnh giảng Đại học Harvard Hoa Kỳ, chủ nhiệm khoa Lịch sử văn hóa Đông Dương, Đại học Sorbonne, đã dày công nghiên cứu về Hồ Chí Minh và có những kiến giải giải độc đáo.

⁵ Nhà sử học Hoa Kỳ, giáo sư William J. Duiker, là một học giả trác việt chuyên nghiên cứu về Hồ Chí Minh. Thời kỳ chiến tranh Việt Nam, William J. Duiker làm việc ở Đại sứ quán Hoa Kỳ, trước sau có gần ba mươi năm nghiên cứu về Hồ Chí Minh, đã được một số Quỹ và Hội học thuật Hoa Kỳ tài trợ. William J. Duiker cũng thông thạo các tiếng Anh, Pháp, Nga và Việt, đã vào đọc hầu hết các thư viện lớn nhỏ châu Á, châu Âu và châu Mỹ, trong đó có nhiều lần cùng đi với các quan chức chính quyền Việt Nam sưu tầm tư liệu có liên quan đến Hồ Chí Minh, và đã tìm được những tài liệu quý hiếm.

Trong những nhân vật lịch sử của thời đại thì Hồ Chí Minh là gian hùng nhất với những thủ đoạn nham hiểm xảo quyệt chưa từng thấy trong lịch sử. Bộ mặt thật của Hồ Chí Minh đang dần dần phơi bày trước lịch sử không giống những gì mà đảng Cộng sản tô hồng chuốt lục, đánh bóng lãnh tụ, xuyên tạc và bóp méo lịch sử từ trước đến giờ.

TIỆM DANH NGUYỄN ÁI QUỐC



Theo nhiều tài liệu, tên lúc nhỏ của Hồ Chí Minh là Nguyễn Sinh Cung giọng địa phương phát âm là Côông. Tuy nhiên, một số tài liệu ghi nhận tên lúc nhỏ của ông là Nguyễn Sinh Côn. Điều này cũng được chính Hồ Chí Minh xác nhận bằng bút tích trong một bài viết năm 1954. Quê nội ở làng Kim Liên còn gọi là làng Sen. Nguyễn Sinh Cung sinh năm 1890 tại quê ngoại là làng Hoàng Trù còn gọi là làng Chùa, nằm cách làng Sen khoảng 2 km và sống ở đây cho đến năm 1895. Hai làng này vốn cùng nằm trong xã Chung Cự, thuộc tổng Lâm Thịnh, huyện Nam Đàn. Làng Kim Liên là một làng quê nghèo khó. Phần lớn dân chúng không có ruộng, phải làm thuê cấy rẫy, mặc quần áo rách, đóng khổ nhiều, bởi thế nên làng này còn có tên là làng Đại Khố.

Cha của Nguyễn Sinh Cung là một nhà Nho tên là Nguyễn Sinh Sắc (1862–1929), từng đỗ Phó bảng. Mẹ ông là bà Hoàng Thị Loan (1868-1901). Nguyễn Sinh Cung có một người chị là Nguyễn

Thị Thanh sinh năm 1884, một người anh là Nguyễn Sinh Khiêm sinh năm 1888, tự Tất Đạt, còn gọi là Cả Khiêm và một người em trai mất sớm là Nguyễn Sinh Nhuận (1900-1901.

Năm 1895, Nguyễn Sinh Cung cùng cha mẹ và anh trai vào Huế lần đầu tiên. Sau khi mẹ mất năm 1901 về Nghệ An ở với bà ngoại một thời gian ngắn. Không lâu sau thì cha ông đỗ Phó bảng, theo cha về quê nội. Tại quê nội, Nguyễn Sinh Sắc đã làm "lễ Thành Đình" cho hai người con trai với tên mới là "Tất Đạt" cho Nguyễn Sinh Khiêm và "Tất Thành" cho Nguyễn Sinh Cung. Hồ Chí Minh bắt đầu dùng tên Nguyễn Tất Thành theo học cử nhân Hoàng Phạm Quỳnh và một số ông giáo khác.

Năm 1906, Nguyễn Sinh Cung theo cha vào Huế lần thứ hai và học ở Trường Tiểu học Pháp-Việt Đông Ba. Tại đây, ông trải qua các niên khóa 1906-1907 lớp nhì và 1907-1908 lớp nhất. Trong kỳ thi primaire (tương đương tốt nghiệp tiểu học) năm 1908, là một trong 10 học trò giỏi nhất của trường Pháp - Việt Đông Ba được thi vượt cấp vào hệ Thành chung trường Quốc Học.

Đảng Cộng sản Việt Nam dẫn nghiên cứu của học giả William J. Duiker, vào tháng 9 năm 1907, Nguyễn Sinh Cung vào học lớp trung học đệ nhị niên tại trường Quốc học Huế, nhưng bị đuổi học vào cuối tháng 5 năm 1908 vì tham gia phong trào chống thuế ở Trung Kỳ. Cha ông bị triều đình khiển trách vì "hành vi của hai con trai". Hai anh em Tất Đạt và Tất Thành bị giám sát chặt chẽ. Ông quyết định vào miền Nam để tránh sự kiểm soát của triều đình. Tuy nhiên, theo tài liệu hiện lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Hải ngoại (Centre des archives d'Outre-mer hay CAOM) ở Pháp, Nguyễn Sinh Cung được nhận vào Quốc học Huế vào ngày 7 tháng 8 năm 1908. Thế nhưng theo nhà nghiên cứu lịch sử Vũ Ngự Chiêu thì "không có việc Nguyễn Sinh Cung bị trục xuất khỏi trường Quốc học vì tham gia vào cuộc biểu tình chống sưu thuế ở Huế vì cuộc biểu tình chống sưu dịch xảy ra ngày 9 tới 12 tháng 4 năm 1908 tức gần 4 tháng trước ngày Nguyễn Sinh Cung được nhận vào trường Quốc học".

Đầu năm 1910, Nguyễn Tất Thành đến Phan Thiết dạy thể dục và chữ Quốc ngữ cho học sinh lớp ba và tư tại trường Dục Thanh của Hội Liên Thành. Trong thời gian này, Nguyễn Tất Thành thường gặp gỡ một số nhà nho yêu nước đương thời, tham gia công tác bí mật, nhận công việc liên lạc và có chí đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào. Tháng 1 năm 1911, Nguyễn Tất Thành nghỉ dạy và vào Sài Gòn cũng với sự giúp đỡ của Hội Liên Thành. Nguyễn Tất Thành theo học trường Bá Nghệ là trường đào tạo công nhân hàng hải và công nhân chuyên nghiệp cho xưởng Ba Son (bây giờ là trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng), vừa đi bán báo ở khu vực thương cảng để kiếm sống và đồng thời tìm hiểu đời sống công nhân. Ba tháng sau tìm được một chân phụ bếp trên chiếc tàu đi đốc Latouche Tréville của hãng Vận tải hợp nhất để được ra nước ngoài.

Tháng 2 năm 1919, Nguyễn Tất Thành gia nhập đảng Xã hội Pháp. Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lenin, từ đó ông hoàn toàn tin tưởng vào chủ nghĩa cộng sản. Ông tham dự Đại hội lần thứ 18 của Đảng Xã hội Pháp tại Tours (từ 25 đến 30 tháng 12 năm 1920) với tư cách là đại biểu Đông Dương của Đảng Xã hội Pháp, ông trở thành một trong những sáng lập viên của Đảng Cộng sản Pháp và tách khỏi đảng Xã hội. Ông nói với các đại biểu của Đảng Xã hội Pháp: *"Tôi không hiểu bất cứ điều gì về chiến lược, thủ thuật hành động và tất cả những từ ngữ đao to búa lớn mà các ông dùng, nhưng tôi hiểu một điều rất đơn giản: Quốc tế thứ 3 quan tâm rất nhiều tới vấn đề thuộc địa. Các đại biểu của Quốc tế thứ 3 hứa sẽ giúp các dân tộc thuộc địa đang bị áp bức giành lại tự do và độc lập. Các thành viên của Quốc tế thứ 2 không nói một từ về số phận của các vùng thuộc địa"*.⁶

⁶ Wikipedia.



Nguyễn Ái Quốc, đại biểu Đông Dương, chụp tại Đại hội Đảng Cộng sản Pháp họp tại Marseille năm 1921

Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc cùng một số nhà yêu nước của các thuộc địa Pháp lập ra Hội Liên hiệp Thuộc địa (Union intercoloniale - Association des indigènes de toutes les colonies) nhằm tập hợp các dân tộc bị áp bức đứng lên chống chủ nghĩa đế quốc. Năm 1922, Nguyễn Ái Quốc cùng một số nhà cách mạng thuộc địa lập ra báo Le Paria (Người cùng khổ), làm chủ nhiệm kiêm chủ bút, nhằm tố cáo chính sách đàn áp, bóc lột của chủ nghĩa đế quốc nói chung và thực dân Pháp nói riêng. Tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp" bằng tiếng Pháp (Procès de la colonisation française) do ông viết được xuất bản năm 1925, đã tố cáo chính sách thực dân tàn bạo của Pháp và đề cập đến phong trào đấu tranh của các dân tộc thuộc địa.⁷ Đặc biệt tên Nguyễn Ái Quốc mà đảng Cộng sản đề cao hết mức không phải là bí danh của Nguyễn Tất Thành. Trong thời gian Nguyễn Tất Thành ở Pháp đã xuất hiện một nhóm trí thức yêu nước trong Hội những người An Nam Yêu nước chống thực dân Pháp gồm có Nguyễn Thế Truyền, Phan Chu Trinh, Nguyễn An Ninh, Luật sư Phan văn Trường nhưng không chính thức ra mặt lấy bí danh là Nguyễn Ái Quốc. Nhóm này viết một tác phẩm lấy tên là “Le procès de la colonisation Française” và lấy tên chung tác giả là Nguyễn le patriote = Nguyễn Ái Quốc. Ngày 18 tháng 6 năm 1919, nhân Hội nghị Versailles đòi quyền tự do cho nhân dân các nước thuộc địa,

⁷ Wikipedia.

hội những người An Nam yêu nước sử dụng Nguyễn Tất Thành mới sang Pháp làm liên lạc viên và đưa cho Thành “Thỉnh nguyện thư” bản yêu sách của nhân dân An Nam gồm 8 điểm để kêu gọi lãnh đạo các nước Đồng Minh áp dụng các lý tưởng của Tổng thống Mỹ Wilson cho các lãnh thổ thuộc địa của Pháp ở Đông Nam Á, trao tận tay Tổng thống Pháp và các đoàn đại biểu đến dự hội nghị. Nhân cơ hội này Nguyễn Tất Thành lấy luôn tên Nguyễn Ái Quốc là bí danh hoạt động.

Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô lần đầu tiên vào năm 1922 tham gia Đại hội lần thứ tư của Quốc tế Cộng sản, gặp Lenin và trở thành thành viên của Ban Đông Nam Á của Quốc tế Cộng sản. Tháng 6 năm 1923, Nguyễn Ái Quốc đến Moskva học tập tại trường Đại học Lao động Cộng sản Phương Đông, được đào tạo chính quy về Chủ nghĩa Marx, tuyên truyền và khởi nghĩa vũ trang. Nguyễn Ái Quốc đã dự Hội nghị lần thứ nhất Quốc tế Nông dân (họp từ ngày 12 đến ngày 15 tháng 10 năm 1923), được bầu vào Ban Chấp hành và Đoàn Chủ tịch Quốc tế Nông dân. Tại Đại hội lần thứ 5 Đệ Tam Quốc tế (họp từ ngày 17 tháng 6 đến ngày 8 tháng 7 năm 1924), Nguyễn Ái Quốc được cử làm Ủy viên Ban Phương Đông, phụ trách Cục Phương Nam. Năm 1924, Nguyễn Ái Quốc viết và nộp cho tổ chức Đệ Tam Quốc tế một bản Báo cáo về tình hình Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ.⁸

Sau khi học tại Liên Xô, cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô tới Quảng Châu theo phái đoàn cố vấn của chính phủ Liên Xô do Mikhail Markovich Borodin làm trưởng đoàn đến giúp chính phủ Trung Hoa Dân quốc của Tưởng Giới Thạch, làm phiên dịch lấy tên là Lý Thụy. Trong thời gian ở Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc có nhiệm vụ tuyên truyền phổ biến tư tưởng cách mạng ra vùng Đông Phương. Năm 1925, Nguyễn Ái Quốc tập hợp Việt kiều và thành lập tổ chức Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội ở Quảng Châu (Trung Quốc) để truyền bá chủ nghĩa Marx-Lenin vào Việt Nam. Cuốn Đường Kách mệnh, mà Nguyễn

⁸ Wikipedia.

Ái Quốc là tác giả, tập hợp các bài giảng tại các lớp huấn luyện chính trị của Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội, được xuất bản năm 1927. Cùng năm 1925, Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông, do Liêu Trọng Khải, một cộng sự thân tín của Tôn Dật Tiên, làm Hội trưởng và Nguyễn Ái Quốc làm Bí thư. Tổ chức này sau đó trở thành Đảng Cộng sản Nam Hải (the South Seas Communist party), tiền thân của một loạt các tổ chức cộng sản sau này, bao gồm có cả Đảng Cộng sản Đông Dương. Trong thời kỳ này, Nguyễn Ái Quốc cũng gửi một số người Việt đi học trường quân sự của Tưởng Giới Thạch tại Quảng Châu, đồng thời tiến hành một khóa đào tạo về khởi nghĩa vũ trang. Do Tưởng Giới Thạch khùng bố các nhà cách mạng cộng sản Trung Quốc và Việt Nam. Sau đó rời Quảng Châu đi Hồng Kông, rồi thoát sang Liên Xô theo đường sa mạc Gobi. Tháng 11 năm 1927, Nguyễn Ái Quốc được cử đi Pháp, rồi từ đó đi dự cuộc họp Đại Hội đồng của Liên đoàn Chống đế quốc từ ngày 9 đến ngày 12 tháng 12 năm 1927 tại Brussel, Bỉ.⁹

Ngày 3 tháng 2 năm 1930, tại Cửu Long (九龍, Kowloon) thuộc Hồng Kông, theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, nhằm giải quyết những mâu thuẫn hiện có giữa những người cộng sản Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc đã thống nhất ba tổ chức cộng sản tại Đông Dương thành Đảng Cộng sản Việt Nam (sau đổi tên là "Đảng Cộng sản Đông Dương", rồi "Đảng Lao động Việt Nam" và nay là "Đảng Cộng sản Việt Nam"). Cũng vào năm này, khởi nghĩa Xô viết Nghệ Tĩnh do Đảng Cộng sản chỉ đạo nổ ra nhưng thất bại. Đảng Cộng sản Đông Dương bị cấm hoạt động, đồng thời Nguyễn Ái Quốc bị xử tử hình vắng mặt. Tháng 3 năm 1930, Nguyễn Ái Quốc trở lại Xiêm trong một thời gian ngắn, rồi quay lại Trung Quốc. Năm 1931, dưới tên giả là Tống Văn Sơ (Sung Man Cho), Nguyễn Ái Quốc bị nhà cầm quyền Hồng Kông bắt giam với ý định trao cho chính quyền Pháp ở Đông Dương. Tờ L'Humanité (Nhân đạo) số ra ngày 9 tháng 8 năm 1932 đưa tin Nguyễn Ái Quốc đã chết vì bệnh lao phổi trong trạm xá nhà tù tại Hồng Kông, đồng thời tố cáo đây là âm

⁹ Wikipedia.

muu của thực dân Pháp cấu kết với Anh nhằm ám sát người lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông Dương. Sau đó, nhờ sự biện hộ và giúp đỡ tận tình của luật sư Francis Henry Loseby, Tổng Văn Sơ được thả ngày 28 tháng 12 năm 1932. Nguyễn Ái Quốc đi Thượng Hải rồi bí mật quay trở lại Liên Xô.¹⁰

Nguyễn Ái Quốc đến Moskva vào mùa xuân năm 1934. Với bí danh Lin, Nguyễn Ái Quốc học ở Trường Quốc tế Lenin (1934-1935). Sau đó dưới tên Linov, ông dự Đại hội lần thứ 7 Đệ Tam Quốc tế (từ 25 tháng 7 đến 20 tháng 8 năm 1935) với vai trò quan sát viên của Ban Thư ký Dalburo. Trong thời gian này, Nguyễn Ái Quốc bị Ban Lãnh đạo Hải ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương viết thư gửi Quốc tế Cộng sản kết tội phải chịu trách nhiệm chính về việc hơn 100 đảng viên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên bị bắt, vì Nguyễn Ái Quốc biết Lâm Đức Thụ trước đây là kẻ phản bội mà vẫn tiếp tục sử dụng. Nguyễn Ái Quốc bị buộc phải ở Liên Xô cho đến năm 1938, bị giam lỏng vì nghi ngờ lý vì được nhà cầm quyền Hồng Kông trả tự do. Quốc tế Cộng sản thành lập Ban Thẩm tra vì nghi ngờ sự trung thành chính trị của Nguyễn Ái Quốc nhưng không tìm ra chứng cứ cho thấy điều này, nên hồ sơ vụ việc đã được Ban Thẩm tra quyết định hủy bỏ. Sau đó, Nguyễn Ái Quốc tham gia lớp nghiên cứu sinh Viện Nghiên cứu các Vấn đề Dân tộc và Thuộc địa của Quốc tế Cộng sản.

Trong những năm 1931-1935, Nguyễn Ái Quốc bị Trần Phú và sau đó là Hà Huy Tập phê phán về đường lối cải lương "liên minh với tư sản và địa chủ vừa và nhỏ", không đúng đường lối đấu tranh giai cấp của Đệ Tam Quốc tế. Trong một bức thư gửi cho tổ chức Đệ Tam Quốc tế vào tháng 3 năm 1935 với nội dung kể về phong trào cách mạng tại Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc đã bị phê phán nặng nề. Bức thư này có ghi nhận về "tàn dư của tư tưởng dân tộc cách mạng pha trộn với chủ nghĩa cải lương, chủ nghĩa duy tâm của đảng của các đồng chí Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và của đồng chí Nguyễn Ái Quốc". Trong thư này cũng có đoạn: "*Những tàn dư*

¹⁰ Wikipedia.

ấy rất mạnh và tạo thành một chương ngại nghiêm trọng cho sự phát triển chủ nghĩa cộng sản. Cuộc tranh đấu không nhân nhượng chống những học thuyết cơ hội này của đồng chí Nguyễn Ái Quốc và của Đảng Thanh niên là rất cần thiết (...). Chúng tôi đề nghị đồng chí Lin viết một cuốn sách để tự phê bình những khuyết điểm đã qua". Sở dĩ có việc phê phán này là do bất đồng giữa Nguyễn Ái Quốc và một số đồng chí về các lực lượng tham gia, cần tranh thủ trong hoạt động cách mạng, dẫn đến suy nghĩ cho rằng Nguyễn Ái Quốc ưu tiên giải phóng dân tộc hơn là đấu tranh giai cấp. Vào thời điểm đó, Quốc tế Cộng sản dưới sự lãnh đạo của Stalin, đặt đấu tranh giải phóng dân tộc đi cùng với đấu tranh giai cấp. Trong giai đoạn này, Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập lần lượt làm Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương còn Hồ Chí Minh chỉ đảm nhiệm công tác liên lạc giữa Quốc tế Cộng sản và các đảng cộng sản tại Đông Nam Á.

Năm 1938, Nguyễn Ái Quốc thật ra là Hồ Tập Chương trở lại Trung Quốc. Trong vai Thiếu tá Bát lộ quân tên là Hồ Quang. Nguyễn Ái Quốc đến công tác tại văn phòng Bát lộ quân Quế Lâm, sau đó đi Quý Dương, Côn Minh rồi đến Diên An, căn cứ đầu não của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Hồng quân Trung Quốc mùa đông 1938 đến đầu năm 1939. Đầu tháng 1 năm 1941, Hoàng Văn Thụ, Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng từ Việt Nam sang Tĩnh Tây (Quảng Tây, Trung Quốc) gặp Nguyễn Ái Quốc (Hồ Tập Chương) để báo cáo kết quả xây dựng và củng cố An toàn khu Cao Bằng. Hoàng Văn Thụ đề nghị Hồ Tập Chương về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua lối Cao Bằng. Hồ Tập Chương cũng nhận định Cao Bằng sẽ mở ra triển vọng lớn cho cách mạng, và quyết định trở về nước vào ngày 28 tháng 1 năm 1941 sau 30 năm ở nước ngoài.

Hồ Tập Chương mở các lớp huấn luyện cán bộ, cho in báo, tham gia các hoạt động thường ngày... Tài liệu huấn luyện và tuyên truyền chủ yếu là sách do ông dịch và viết về nhiều chủ đề. Tại cuối một cuốn sách như vậy ông ghi "Việt Nam độc lập năm 1945". Hồ

Tập Chương cho lập nhiều hội đoàn nhân dân như Hội Phụ nữ Cứu quốc, Hội Phụ lão Cứu quốc, Hội Nông dân Cứu quốc...

Từ ngày 10 đến ngày 19 tháng 5 năm 1941, Hồ Tập Chương chủ trì Hội nghị lần thứ 8 (mở rộng) của Trung ương Đảng họp tại Pác Bó, Cao Bằng. Một trong những kết quả của hội nghị này là nghị quyết về việc thành lập Việt Nam Độc lập Đồng minh (Việt Minh) và chính thức lấy tên là Hồ Chí Minh để hoạt động.¹¹ Ngày 25 tháng 10 năm 1943, Hội Quốc tế Chống Xâm lược ở Đông Dương gửi 2 bức thư, một cho Đại sứ Mỹ tại Trung Quốc, bức còn lại cho Thống chế Tưởng Giới Thạch đề nghị can thiệp trả tự do cho Hồ Chí Minh, đồng thời đại diện của Đảng Cộng sản Trung Quốc ở Trùng Khánh đã tiếp xúc bí mật với các sĩ quan OSS (thuộc Cơ quan Tình báo chiến lược Hoa Kỳ) và SACO đề gợi ý rằng có thể khiến Hồ Chí Minh hợp tác với phe Đồng Minh. Sau khi thảo luận với Đại sứ quán Mỹ tại Trung Quốc, OSS và cơ quan ngoại giao Mỹ thương lượng với chính phủ Trung Hoa Dân quốc để giải thoát Hồ Chí Minh khỏi nhà tù và thuyết phục Hồ Chí Minh cộng tác với OSS.

Hồ Chí Minh được trả tự do ngày 10 tháng 9 năm 1943, theo yêu cầu của Hoa Kỳ. Ngay sau đó, Hồ Chí Minh tham gia Ban Chấp hành Trung ương Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội. Cuối tháng 9 năm 1944, Hồ Chí Minh trở về Việt Nam. Khi này các đồng chí của ông ở Liên tỉnh ủy Cao-Bắc-Lạng như Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng... đã quyết định tiến hành phát động chiến tranh du kích trong phạm vi liên tỉnh. Hồ Chí Minh cho rằng chưa đúng thời cơ, và đã ngăn chặn thành công quyết định này. Thay vào đó, tổ chức lập lực lượng vũ trang chính quy là đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, với 34 đội viên là các tiểu đội trưởng, trung đội trưởng hoặc thành viên của các đội quân nhỏ bé và rải rác trước đó của Việt Minh trong các căn cứ địa. Cuối năm 1944, trở lại Côn Minh hoạt động cho tới đầu năm 1945. Ngày 29 tháng 3 năm 1945, Hồ Chí Minh gặp Trung tướng Mỹ Chennault tại Côn Minh (Trung Quốc). Chennault cảm ơn Việt Minh đã giúp đỡ chống Nhật và sẵn sàng

¹¹ Wikipedia.

viện trợ những gì có thể theo yêu cầu. Còn Hồ Chí Minh khẳng định quan điểm của Việt Minh là ủng hộ và đứng về phía Đồng Minh chống phát xít Nhật. Theo Hồ Chí Minh, việc được tướng Chennault tiếp kiến được xem là một sự công nhận chính thức của Mỹ, là bằng chứng cho các đảng phái Quốc gia thấy Mỹ ủng hộ Việt Minh.



Hồ Chí Minh (hàng đứng, thứ ba từ trái sang), Võ Nguyên Giáp (hàng đứng, thứ năm từ trái sang) và OSS năm 1945.

Hồ Chí Minh nhận thấy Hoa Kỳ đang muốn sử dụng các tổ chức cách mạng người Việt vào các hoạt động quân sự chống Nhật tại Việt Nam, Hồ Chí Minh đã thiết lập mối quan hệ với các cơ quan tình báo Hoa Kỳ đồng thời chỉ thị cho Việt Minh làm tất cả để giải cứu các phi công gặp nạn trong chiến tranh với Nhật Bản, cung cấp các tin tức tình báo cho OSS, tiến hành một số hoạt động tuyên truyền cho Trung Hoa Dân Quốc và OWI. Đổi lại, cơ quan tình báo Hoa Kỳ OSS (U.S Office of Strategic Services) cung cấp vũ khí, phương tiện liên lạc, giúp đỡ y tế, cố vấn và huấn luyện quân đội quy mô nhỏ cho Việt Minh. Tháng 7 năm 1945, trước khi Hội nghị Tân Trào họp vào tháng 8 năm 1945, Hồ Chí Minh ốm nặng, tưởng không qua khỏi. Một đơn vị nhỏ OSS nhảy dù phía sau đường ranh giới Nhật Bản ở Việt Nam để tham gia tác chiến cùng Việt Minh, thấy Hồ Chí Minh trong tình trạng sốt rét nặng. OSS gửi thông điệp đến trụ sở quân Mỹ ở Trung Quốc để yêu cầu cung cấp thuốc men sớm nhất có thể. Hai tuần sau đó, bác sĩ quân y tên là Paul Hogland đã đến. Những người Mỹ đã ở lại đó trong vòng hai tháng và có thể thuốc men của họ đã cứu sống Hồ Chí Minh.

Ngày 16 tháng 8 năm 1945, Tổng bộ Việt Minh triệu tập Đại hội quốc dân tại Tân Trào (Tuyên Quang), cử ra Ủy ban Dân tộc Giải phóng tức Chính phủ Lâm thời, do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập vào ngày 2 tháng 9 năm 1945 trên Quảng trường Ba Đình tại Hà Nội, tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Hồ Chí Minh trích dẫn bản Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ và bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp để mở đầu bản Tuyên ngôn Độc lập của Việt Nam. Hồ Chí Minh nói với chỉ huy tình báo quân sự Mỹ OSS tại miền Bắc, Archimedes L. A Patti, rằng Hồ Chí Minh theo chủ nghĩa Lenin, tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp và xin gia nhập Đệ Tam Quốc tế vì đây là những cá nhân và tổ chức duy nhất quan tâm đến vấn đề thuộc địa vì không có sự lựa chọn nào khác. Nhưng trong nhiều năm sau đó những tổ chức này cũng không có hành động gì vì nền độc lập của các dân tộc thuộc địa. Trước mắt, Hồ Chí Minh đặt nhiều tin tưởng vào sự giúp đỡ của Mỹ trước khi có thể hy vọng vào sự giúp đỡ của Liên Xô. Hồ Chí Minh gửi 8 bức thư cho Tổng thống Hoa Kỳ Harry Truman nhưng không được đáp lại.

Theo Patti, Hồ Chí Minh nói rằng người Mỹ không muốn giúp Hồ Chí Minh vì là một người quốc tế cộng sản, bù nhìn của Moskva vì đã ở Moskva và nước ngoài nhiều năm, nhưng thực tế không phải là người cộng sản theo cách mà Mỹ hiểu. Hồ Chí Minh nợ Liên Xô vì sự đào tạo của họ nhưng đã trả lại bằng 15 năm công tác đảng, và không có bất cứ cam kết nào khác với Liên Xô. Hồ Chí Minh tự xem mình là một cộng tác viên độc lập. Người Mỹ đã cung cấp nhiều hỗ trợ về mặt vật chất và tinh thần hơn Liên Xô nên Hồ Chí Minh cảm thấy mình không hề mắc nợ Liên Xô. Theo Hồ Chí Minh trong tình thế hiện nay cần có đồng minh nếu không người Việt sẽ phải hành động một mình. Thế nhưng cuối tháng 9 năm 1946, Mỹ rút tất cả các nhân viên tình báo tại Việt Nam về nước, chấm dứt liên hệ với chính phủ Hồ Chí Minh.¹²

¹² Wikipedia.

Ngày 11-11-1945, tại Hà Nội, Hồ Chí Minh tuyên bố giải tán Đảng Cộng Sản Việt Nam¹³ để đánh lừa dư luận nhất là Hoa Kỳ. .

Ngày 11-2-1951, Đại hội thành lập Đảng Lao Động Việt Nam diễn ra tại xã Vĩnh Quang, huyện Chiêm Hóa tỉnh Tuyên Quang. Đây là kết quả của cuộc hội kiến giữa Hồ Chí Minh với Stalin và Mao Trạch Đông vào tháng 1 năm 1950 tại Mạc Tư Khoa. Stalin buộc Hồ Chí Minh phải dựng lại Đảng Cộng sản của Trường Chinh trước khi nhận được sự yểm trợ quân sự của họ Mao.

Ngày 16-3-1951, Đài phát thanh Việt Minh loan tin thành lập Đảng Lao Động Việt Nam. Đảng hợp tác chặt chẽ với Mao Trạch Đông, và theo sát đường lối của Mao Trạch Đông.¹⁴ Hội nghị thành lập Đảng Lao Động Việt Nam năm 1951 với Hồ Chí Minh cùng 2 cố vấn Trung Quốc La Quý Ba, Vi Quốc Thanh và các đồng chí Tôn Đức Thắng, Lý Ban, Lê văn Lương, Hồ Tùng Mậu, Lê Đức Thọ và Trường Chinh.

¹³ Bùi Anh Trinh: Biên khảo về Nguyễn Tất Thành trích Hồi ký của Bí thư Hoàng Tùng ghi lại : “Hôm tuyên bố giải tán Đảng tôi không có tham dự, nhưng nghe nói lại rằng, quyết định của Bác thật là táo bạo. ... Khi đưa ra bản tuyên bố giải tán đảng ở Thường vụ, người không tán thành nhất là đồng chí Trường Chinh... Ngày 6-1-1950, HCM đến Bắc Kinh, cũng theo hồi ký Hoàng Tùng : “Khi gặp Bác, Lưu Thiếu Kỳ nói ngay rằng: Các đồng chí giải tán Đảng, các đồng chí tưởng đâu lừa được địch, nhưng địch không lừa được mà lại lừa chính chúng tôi vì chúng tôi tưởng rằng các đồng chí giải tán Đảng thật...”. Hoàng Tùng Ban Bí thư Trung ương đảng, ông kể lại: “Chuyến đi Trung Quốc và Liên Xô của Bác năm 1950 là chuyến đi gian khổ. Khi đó Staline nói: Bây giờ cách mạng Trung Quốc thành công rồi, Trung Quốc có trách nhiệm giúp đỡ các nước Phương Đông... Bám vào ý kiến ấy, sau này Trung Quốc coi như là người đỡ đầu của ta”.

¹⁴ Đoàn Thêm, Hai Mươi Năm Qua, trang 89. Đại hội thành lập Đảng Lao Động Việt Nam được diễn ra trong một vùng thuộc mật khu Việt Bắc. Người đại diện cho Cộng sản cấp quốc tế chính là La Quý Ba. Hồi ký của Hoàng Tùng cho thấy La Quý Ba mới là người điều khiển đại hội này: “Đại hội đảng ta năm 1951, đại biểu nước ngoài chỉ có La Quý Ba, bên Căm Pu Chia có Xieng Hiêng (sau phân bộ), phía Lào có một đại biểu. Tại đại hội La Quý Ba phát biểu chủ yếu về thuế nông nghiệp. Sau đó bắt đầu đánh thuế. Họ đem các nê nếp từ Trung Quốc sang, đem kinh nghiệm chỉnh Đảng, chỉnh phong từ Diên An sang...”.



(1) Hồ Chí Minh, (2) La Quý Ba, (3) Vi Quốc Thanh, (4) Tôn Đức Thắng, (5) Lý Ban
(6) Lê Văn Lương, (7) Hồ Tùng Mậu, (8) Lê Đức Thọ, (9) Trương Chính

Hình của hồ sơ lưu trữ của bộ Ngoại giao Trung Quốc



SỰ THẬT LỊCH SỬ CỦA CÁI GỌI LÀ "CÁCH MẠNG THÁNG TÁM" VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Lịch sử Việt Nam đầu thế kỷ 20 vẫn còn nhiều bí ẩn do sự tuyên truyền một chiều, thần thánh hóa sự kiện để tô hồng chuốt lục đánh bóng công trạng của đảng Cộng sản Việt Nam. Cả một guồng máy tuyên truyền đồng loạt nhai đi nhai lại để nhồi nhét vào tâm thức người dân để họ tin rằng đó là sự thật về cuộc cách mạng mùa Thu 19-8-1945." Nào là cuộc 'tổng khởi nghĩa giành chính quyền' được 'chuẩn bị công phu', 'diễn ra nhịp nhàng trên cả nước' và đã 'thành công rực rỡ', đưa Việt Nam 'bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội'. Nào là cuộc cách mạng Mùa Thu 'là thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lênin được vận dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của cách mạng Việt Nam, là thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng đúng đắn và đầy sáng tạo' của Đảng Cộng sản Việt Nam".

Chính vì thế, chúng ta phải tìm hiểu bối cảnh lịch sử Việt Nam vào thời điểm đó để phục hồi sự thật lịch sử, trả lại những gì của lịch sử cho lịch sử. Trước hết chúng ta phải cùng nhau tìm hiểu khát vọng của toàn dân Việt Nam lúc đó và những yếu tố nào đã dẫn tới sự kiện lịch sử 19 tháng 8 năm 1945. Thứ đến, chúng ta phải phân tích sự kiện lịch sử, cái gọi là "Cách mạng Mùa Thu" có phải là do Việt Minh Cộng sản phát động như họ thường rêu rao tuyên truyền hay không?

Ngày nay với những nguồn thông tin đầy đủ, sự thật lịch sử đã được phục hồi một cách trung thực, không thể chối cãi được. Sau gần một thế kỷ sống dưới ách nô lệ của thực dân Pháp, khát vọng độc lập dân tộc bùng lên mãnh liệt hơn bao giờ cùng với phong trào giải thực bùng nổ trên toàn thế giới. "Tiếng Bom Sa Điện" của anh hùng Phạm Hồng Thái buổi tối 20-6-1924 ném bom toan giết viên Toàn Quyền Pháp Merlin tại khu Tô giới Liệt Cường Sa Điện bên bờ sông Châu Giang ở Trung Quốc. Cảnh sát Tô Giới đuổi theo gấp nên Phạm Hồng Thái nhảy xuống sông Châu Giang tự vận và được

nhân dân vùng này vọt lên và chôn cất trong nghĩa trang Hoàng Hoa Cương nơi chôn cất 72 liệt sĩ hy sinh trong cuộc cách mạng dân chủ do Tôn Dật Tiên lãnh đạo.

Sau tiếng bom Sa Điện, tháng 7 năm 1925, nhà cách mạng Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt tại Trung Quốc. Ngày 23-11-1925, tòa án thực dân Pháp kết án nhà cách mạng Phan Bội Châu chung thân khổ sai khiến cả nước xôn xao bàn tán. Một phong trào rầm rộ trên toàn quốc và cả chính giới tại nước Pháp cũng đòi ân xá ngay cho nhà cách mạng. Do áp lực mạnh mẽ của công luận, Toàn Quyền Pháp phải ký giấy ân xá và trả tự do cho nhà cách mạng ngày 24-12-1925 và đưa về quản thúc tại Bến Ngự Huế. Ngọn lửa cách mạng chống Pháp lại bùng lên với cuộc Tổng khởi nghĩa Yên Bái với 13 anh hùng Quốc Dân Đảng bước lên 'Đoạn Đầu Đài'. Thực dân Pháp vừa đàn áp xong cuộc khởi nghĩa của Phục Quốc Quân thuộc Việt Nam Quang Phục Hội tháng 9 năm 1940 ở Lạng Sơn thì tháng 9 năm 1941, quân Nhật vượt biên giới vào Đông Dương. Tình hình Việt Nam bước qua một khúc quanh lịch sử khi quân Nhật có mặt ở Đông Dương.

Tháng 10 năm 1944, Miền Bắc vỡ đê, vụ lúa tháng 10 bị ngập lụt gây thiệt hại lớn cho nông dân. Chính quyền bảo hộ Pháp áp dụng chính sách thu mua bóc lột sức lao động của nông dân với giá rẻ mạt, giá 25 đồng 1 tấn so với giá thị trường 200 đồng để nộp cho quân phiệt Nhật. Tại một số nơi, quân phiệt Nhật bắt nông dân nhổ lúa để trồng cây đay (bó) để cung cấp cho nhu cầu chiến tranh của chúng, trong khi đó Việt Minh lại phát động phong trào đồng loạt cướp kho lúa khắp nơi đem cất giấu... Tất cả đã đưa tới một hậu quả nặng nề là nạn đói kinh hoàng ngày 1-3-1945 năm Ất Dậu khiến gần 2 triệu người bị chết đói trên 8 triệu dân miền Bắc, chiếm gần 1/4 dân số Bắc Việt Nam.

Lúc 18 giờ ngày 9-3-1945, Đại sứ Nhật Matsumoto gửi tối hậu thư cho Decoux, toàn quyền Pháp ở Đông Dương (Việt, Miên, Lào) phải giao nộp chính quyền, đặt tất cả quân đội và công sở Pháp dưới quyền Tổng Tư Lệnh quân đội Nhật. Pháp từ chối. Đúng 20 giờ,

quân Nhật nổ súng tại Hà Nội, Sài Gòn và khắp Đông Dương. Chỉ trong 1 đêm, quân Nhật làm chủ tình thế. Toàn quyền Decoux và các quan chức cao cấp của Pháp đều bị Nhật bắt giữ.

Ngày 11-3-1945, Đại sứ Nhật vào cung gặp Hoàng Đế Bảo Đại. Cơ Mật Viện triều Nguyễn họp khẩn cấp và ra tuyên bố “Huỷ bỏ Hiệp ước 1884 và Khôi phục chủ quyền của Việt Nam”. Ngày 12-3-1945, Cao Miên tuyên bố độc lập và ngày 15-4-1945, Lào tuyên bố độc lập.

Ngày 17-4-1945, Vua Bảo Đại cử Trần Trọng Kim thành lập chính phủ và cử Phan Kế Toại làm Khâm Sai Bắc bộ, Nguyễn văn Sâm làm Khâm Sai Nam bộ và Trần văn Lai làm Đốc Lý Hà Nội. Ngày 8-5-1945, Chính phủ Trần Trọng Kim tuyên bố chương trình Hưng Quốc, lá cờ “Quê Ly” được chọn làm quốc kỳ và bài “Đặng Đàn” của triều đình nhà Nguyễn được chọn làm quốc ca. “Chính phủ Trần Trọng Kim ra đời trong những điều kiện khó khăn về chính trị, an ninh và kinh tế như vậy. Trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Nội các, bên cạnh công tác khẩn cấp cứu trợ nạn đói ở miền Bắc đã làm ngót hai triệu người thiệt mạng, chính phủ Trần Trọng Kim đã ấn định một chương trình sáu điểm:

1. Chuyển giao tất cả các cơ sở hành chính cho các viên chức Việt Nam.
2. Thu hồi đất Nam Kỳ và các nhượng địa đã dành cho Pháp.
3. Ân xá toàn thể các phạm nhân chính trị.
4. Cho phép thành lập các đảng phái chính trị.
5. Miễn thuế cho công chức, thợ thuyền và dân nghèo.
6. Thiết lập các Ủy ban tư vấn quốc gia để soạn thảo Hiến pháp và nghiên cứu cải tổ chính trị, hành chính và giáo dục.

Chỉ trong thời gian bốn tháng (từ 17 - 4 đến 16 - 8), chính phủ Kim đã thực hiện được gần hết chương trình Cứu đói: Bộ Tiếp tế do bác sĩ Nguyễn Hữu Thi cầm đầu nỗ lực điều động việc vận tải thóc từ Nam ra Bắc. Lúc này, Pháp đã mất khả năng ngăn cấm việc tiếp tế gạo và, nhờ sự can thiệp của chính phủ Kim, giới quân phiệt Nhật

cũng không còn thi hành chính sách độc đoán về sản xuất nông phẩm... Khoảng tháng 6-1945, khi Thủ tướng Kim gặp Tổng tư lệnh Tsuchihashi để yêu cầu Nhật dứt khoát trả lại ba tỉnh Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và toàn bộ đất Nam Kỳ cho Việt Nam, TT Trần Trọng Kim đã nói: *"Quân đội Nhật đã đánh quân đội Pháp và công nhiên hứa hẹn trả quyền tự chủ cho nước Việt Nam. Bởi vậy tôi không quản tuổi già và sự khó khăn của hoàn cảnh mà đứng ra lập chính phủ. Tôi làm việc một lòng giúp nước tôi, cũng như các ông lo việc giúp nước Nhật... Nếu các ông cho tôi là người làm việc cho nước Nhật, việc ấy không phải là phận sự của tôi, tôi sẵn lòng xin lui"*.

Cuối cùng sau các cuộc thương lượng của chính phủ Trần Trọng Kim, ngày 20 tháng 7 năm 1945 toàn quyền Nhật là Yuichi Tsuchihashi mới trả lại ba thành phố nhượng địa Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng. Mãi đến ngày 12 Tháng 8, Thống sứ Nishimura mới bàn giao với khâm sai Phan Kế Toại tại Hà Nội. Ngày 14 Tháng 8, chính phủ Trần Trọng Kim cử Khâm Sai Nguyễn Văn Sâm vào Sài Gòn chính thức tiếp thu Nam Kỳ. Chính phủ Trần Trọng Kim cũng thay chương trình học bằng tiếng Pháp bậc tiểu học và trung học sang chương trình học bằng tiếng Việt, do học giả Hoàng Xuân Hãn biên soạn. Hành chánh được cải tổ với việc dùng chữ Việt trong tất cả các giao dịch của chính phủ ngoại trừ lĩnh vực y tế và các văn thư liên lạc với Pháp hoặc các công ty của người Trung Hoa. Mọi việc đang tiến triển tốt đẹp thì vài tháng sau, Trần Trọng Kim từ chức ngày 8-8-1945.

Ngày 6-8-1945, Hoa Kỳ thả trái bom nguyên tử đầu tiên xuống Hiroshima và ngày 9-8-1945, trái bom nguyên tử thứ hai thả xuống thành phố Nagasaki. Ngày 10-8-1945, Nhật Hoàng họp nội các và tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Ngày 13-8-1945, được quốc tế Cộng Sản thông báo, đảng Cộng Sản Đông Dương họp khẩn tại Tuyên Quang quyết định tổng khởi nghĩa, cướp khí giới quân Nhật, chiếm chính quyền trước khi quân đồng minh tới.

Cộng sản Việt Nam vẫn rêu rao tuyên truyền rằng ‘Cách mạng tháng Tám’ thành công là nhờ Hồ Chí Minh có một chiến lược tuyệt vời và Việt Minh đã xây dựng được một quân đội nhân dân. Sự thật lịch sử đã chứng minh rằng không một lãnh đạo cao cấp nào của Đảng Cộng sản có mặt khi những nhóm người trẻ tuổi ở Hà Nội cầm cờ Việt Minh tung ra trong cuộc biểu tình của Tổng hội giáo giới ủng hộ chính phủ Trần Trọng Kim, trong khi 2 tuần sau trung đội vũ trang của Võ Nguyên Giáp mới tiến về Hà Nội.

Ngày 17-8-1945, Tổng hội giáo giới tổ chức cho công chức Hà Nội biểu tình để ủng hộ chính phủ Trần Trọng Kim. Cuộc biểu tình diễn hành qua các đường phố thì vài cán bộ Cộng Sản trương cờ đỏ sao vàng biến cuộc biểu tình của công chức thành biểu tình ủng hộ mặt trận Việt Minh. Đảng Cộng Sản Việt Nam chỉ thị cho Việt Minh “Cuớp Chính quyền”, chiếm các công sở trong thành phố. Ngày 18-8-1945, Bắc Bộ Phủ bị dân chúng bao vây, Khâm Sai Phan Kế Toại từ chức, một ủy ban Nhân dân do Việt Minh (CS) lãnh đạo được thành lập tại Hà Nội.

Ngày 22-8-1945, Mặt Trận Việt Minh chính thức xuất hiện tại Hà Nội và Sài Gòn. Ngày 23-8-1945, Hồ Chí Minh thành lập chính phủ Lâm thời: Hồ Chí Minh, chủ tịch kiêm bộ trưởng bộ Ngoại giao, các bộ trưởng đều do đảng viên đảng CS nắm giữ như Võ Nguyên Giáp bộ Nội vụ, Chu văn Tấn bộ Quốc phòng, Trần Huy Liệu bộ Thông tin tuyên truyền...

Tổng Tư lệnh quân đội Nhật đã đề nghị là nếu Hoàng Đế Bảo Đại cần thì quân đội Nhật tuy đã đầu hàng nhưng sẵn sàng tiêu diệt quân Việt Minh để bảo vệ ngôi vị của Hoàng Đế. Một yếu tố quan trọng khiến cuộc cách mạng tháng tám thành công đó là do chính phủ Trần Trọng Kim từ 17/04 đến 25/08) đã khuyến khích tự do ngôn luận và cổ vũ người dân tham gia vào các hoạt động chính trị. Theo Stein Tonnesson, đó là giai đoạn duy nhất trong thế kỷ 20 người dân Việt Nam gần như hoàn toàn được tự do ngôn luận. Thế nhưng, Hoàng Đế Bảo Đại đã đặt quyền lợi dân tộc lên trên ngôi vị cá nhân nên tuyên chiếu thoái vị vì “*Thà làm dân một nước độc lập*

còn hơn làm vua một nước nô lệ”. Ngày 24-8-1945, Lễ Thoái vị của vua Bảo Đại được tổ chức trước cửa Ngọ Môn kinh thành Huế. Vua Bảo Đại trao kiếm vàng và ấn ngọc cho đại diện Việt Minh là Trần Huy Liệu.

Lịch sử ghi nhận rằng có nhiều yếu tố quan trọng khác khiến cuộc khởi nghĩa hay Cách mạng tháng Tám diễn ra nhanh gọn, không đổ máu và Việt Minh có thể dễ dàng lên nắm quyền lúc đó. William J. Duiker trong tác phẩm *The Communist Road to Power in Vietnam*, xuất bản năm 1981 và tái bản năm 1996, nhận định rằng bất cứ cuộc cách mạng nào cũng có yếu tố thời cơ và thời cơ càng chín muồi, cách mạng càng dễ thành công nhanh gọn và Cách mạng tháng Tám không phải là ngoại lệ. Ngoài có ‘khoảng trống quyền lực’, William J. Duiker nêu ra nhiều yếu tố, điều kiện thuận lợi khác để một cuộc khởi nghĩa hay cách mạng nổ ra ở Việt Nam lúc ấy và Việt Minh đã biết tận dụng những yếu tố, điều kiện đó.

Trong những yếu tố, điều kiện được William J. Duiker và nhiều học giả khác đưa ra có nạn đói 1944-45 ở các tỉnh Bắc Trung bộ và sự tê liệt, sụp đổ nhanh chóng của chính quyền cũ (từ trung ương đến địa phương, từ nông thôn đến thành thị). Theo Stein Tonnesson số người chết trong nạn đói đó được Việt Minh đưa ra vào năm 1945 cũng như được tuyên truyền những năm đó là hai triệu. Nhưng ông cho rằng con số đó bị cường điệu hóa và ước tính số người thiệt mạng khoảng từ 500 ngàn đến một triệu người.¹⁵ Tuy vậy, ông vẫn cho rằng nạn đói là một thảm họa và nó có tác động chính trị rất lớn. Cụ thể, nó làm người dân căm thù, tức giận (với chính sách đô hộ của Nhật hay sự bất lực của chính phủ Trần Trọng Kim), cảm thấy tuyệt vọng và đòi hỏi phải có thay đổi. Chính điều này đã đặt nền móng để Cách mạng tháng Tám diễn ra và kết thúc thành công, nhanh gọn.

¹⁵ Wikipedia: Nạn đói năm Ất Dậu là một nạn đói lớn xảy ra tại miền Bắc Việt Nam trong khoảng từ tháng 10 năm 1944 đến tháng 5 năm 1945, làm khoảng từ 400.000 đến 2 triệu người dân chết đói.

Những vụ tấn công, cướp các kho thóc lúc đó cũng huấn luyện người dân trong các hoạt động tập thể, giúp họ biết tự nguyện tổ chức, phối hợp với nhau trong các cuộc xuống đường biểu tình (chẳng hạn như đòi vua Bảo Đại thoái vị hay thành lập một chính phủ mới do Việt Minh lãnh đạo) lúc ấy. Một chi tiết khác mà giới nghiên cứu đều nêu ra là trong hai tuần ấy ở Hà Nội, Huế và nhiều thành phố lớn khác ở Việt Nam đã có nhiều cuộc biểu tình quy tụ hàng chục ngàn, thậm chí hàng trăm ngàn người đủ mọi thành phần khác nhau trong xã hội và những cuộc biểu tình này đã góp phần quan trọng trong thành công của cuộc khởi nghĩa tháng Tám.

Những cuộc tụ tập đông như vậy có thể dễ dàng diễn ra lúc đó là vì trong khoảng hơn bốn tháng nắm quyền, chính phủ Trần Trọng Kim (từ 17/04 đến 25/08) đã khuyến khích tự do ngôn luận và cổ vũ người dân tham gia vào các hoạt động chính trị. Theo Stein Tonnesson, đó là giai đoạn duy nhất trong thế kỷ 20 người dân Việt Nam gần như hoàn toàn được tự do ngôn luận. Nhà nghiên cứu lịch sử Vũ Ngự Chiêu trong ‘The Other Side of the 1945 Vietnamese Revolution: The Empire of Viet-Nam (March-August 1945)’ được đăng trong tạp chí Journal of Asian Studies năm 1986, đã nhận định rằng khuyến khích sự tham gia chính trị của đám đông là một trong những đóng góp, thành công đáng chú ý của chính phủ Trần Trọng Kim. Có thể nói không chỉ trong thế kỷ 20 mà ngay cả trong những năm đầu của thế kỷ 21 này, người dân Việt Nam vẫn không được tự do ngôn luận, hội họp, tụ tập biểu tình như dưới thời chính phủ Trần Trọng Kim.

Một yếu tố quan trọng khác, nếu không muốn nói là yếu tố quyết định khiến cuộc khởi nghĩa tháng Tám bùng nổ và thành công nhanh chóng là khát vọng độc lập, dân chủ, tự do của nhân dân Việt Nam. Tóm lại, các điều kiện để tiến hành một cuộc cách mạng ở Việt Nam lúc đó (nhằm chấm dứt sự đô hộ của đế quốc, thực dân, kết thúc sự thống trị của chế độ phong kiến và thành lập một quốc gia độc lập, một nhà nước dân chủ, cộng hòa) đã chín muồi.

Sự thật lịch sử diễn ra đúng như nhà nghiên cứu Pháp Pierre Roussett, tác giả cuốn *Communisme et Nationalisme Vietnamien*, xuất bản năm 1978, thì Việt Minh là lực lượng được mang tới quyền lực, hơn là người đã giành được quyền lực. Stein Tonnesson, người đã có nguyên một công trình nghiên cứu về ‘Cách mạng tháng Tám’, cũng nhận định rằng Việt Minh có thể dễ dàng lên nắm quyền, không phải mất xương máu gì, vì có khoảng trống quyền lực ở Việt Nam lúc đó. Việt Minh là lực lượng được mang tới quyền lực, hơn là người đã giành được quyền lực vì phong trào Việt Minh không chủ trương hoàn toàn cuộc cách mạng tháng tám.

Lịch sử ghi nhận rằng cuộc Cách mạng Tháng 8 năm 1945 là do phong trào yêu nước của quần chúng nhân dân đứng lên sau nạn đói khủng khiếp cùng với việc Hoàng đế Bảo Đại tuyên bố độc lập thoát khỏi sự thống trị của thực dân Pháp và thành lập chính phủ Trần Trọng Kim của Đế quốc Việt Nam. Sau đó chính phủ Trần Trọng Kim từ chức ngày 8-8-1945, kế tiếp là quân phiệt Nhật đầu hàng đã thúc toàn dân về một nền độc lập dân tộc. Nhân khoảng trống quyền lực và thời cơ lịch sử của tổng hội giáo giới biểu tình ủng hộ chính phủ Trần Trọng Kim nên Nguyễn Thế Vinh và Trần Đình Long là đảng viên của Đảng Cộng sản Đông Dương từ năm 1930, tốt nghiệp học viện Stalin cùng với Nguyễn Quyết, Xuân Thủy, Văn Tiến Dũng nhóm Xứ ủy Bắc Kỳ và Thành ủy Hà Nội tổ chức cướp chính quyền tại Hà Nội ngày 19-8-1945 trong khi Đặng Xuân Khu (Trường Chinh) và Hồ Chí Minh còn ở Tuyên Quang chưa về tới Hà Nội. Cái gọi là “Cách mạng Mùa Thu” diễn ra nhẹ nhàng, đơn giản như thế. Mọi chuyện diễn ra nhanh chóng và khác hẳn với những gì họ tính toán, chuẩn bị.

Bản Tuyên ngôn Độc lập ngày 2 tháng 9 năm 1945 hai ngày sau khi Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương và sau một thời gian dài hơn bốn năm, từ tháng 9 năm 1940, sau khi quân Nhật vào phần đất này của Đông Nam Á và gần năm tháng trước khi Nhật Bản đầu hàng và Thế Chiến Thứ Hai kết thúc. Bản Tuyên bố này trên thực tế là không cần thiết, là thừa vì cái gọi là chính phủ Lâm thời do Hồ Chí Minh thành lập là kế vị chính phủ Nam Triều do Bảo Đại thoái

vị nhường cho dựa theo chiếu thoái vị của Bảo Đại và đã được Hồ Chí Minh và Chính Phủ Lâm Thời của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa chấp nhận. Chính Phủ Lâm Thời của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa trong những điều kiện này đương nhiên kể tục những gì Bảo Đại và chính phủ Trần Trọng Kim đã làm trước đó, trong đó có Bản Tuyên Ngôn Độc Lập ngày 11 tháng 3 năm 1945 với nội dung như sau: “ *Cứ tình hình chung trong thiên hạ, tình thế riêng cõi Đông Á, chính phủ Việt Nam tuyên bố từ ngày này điều ước bảo hộ với nước Pháp bãi bỏ và nước Nam khôi phục quyền độc lập. Nước Việt Nam sẽ gắng sức tự tiến triển cho xứng đáng một quốc gia độc lập và theo như lời tuyên ngôn chung của Đại Đông Á, đem tài lực giúp cho cuộc thịnh vượng chung. Vậy Chính Phủ Việt Nam một lòng tin cậy lòng thành ở Nhật Bản đế quốc, quyết chí hợp tác với nước Nhật, đem hết tài sản trong nước để đạt được mục đích như trên*”.

Hồ Chí Minh biết rõ điều này và biết rõ toàn dân đang chờ mong một nền độc lập nên Hồ Chí Minh vẫn công bố Tuyên Ngôn Độc Lập 2-9-1945 để người dân Việt Nam ủng hộ vì thời điểm đó, Hồ Tập Chương thi hành chỉ thị của Cộng sản Quốc tế nhập vai Hồ Chí Minh nên toàn dân Việt Nam không biết Hồ Chí Minh là ai. Chính hồi ký của Võ Nguyên Giáp cũng xác nhận là lúc đó toàn dân không biết Hồ Chí Minh là ai nên phải đọc tuyên bố Độc lập để mọi người biết tới nhân vật Hồ Chí Minh. Đồng thời nội dung bản tuyên ngôn nhân danh Lâm thời Chính phủ, đại biểu cho toàn dân Việt nam để tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ với Pháp, kêu gọi các nước Đồng Minh công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam... mà không tuyên xưng quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của mọi người nên không được xem là một bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền cho Việt Nam mà thuần túy là lời kêu gọi lấy lòng người dân Việt Nam và các nước trên thế giới mà thôi.

VIỆT MINH CƯỚP KHO LÚA CỨU ĐÓI ĐEM VÀO MẬT KHU KHIẾN NẠN ĐÓI TRẦM TRỌNG

Năm 1945 Cộng sản Việt Nam chủ trương cướp gạo cứu đói do chính phủ Trần Trọng Kim chuyên chở ra miền Bắc, hành động này khiến gần 2 triệu người chết vì đói:

“Thứ nhất, Việt Minh xúi dân chúng chống đối việc trưng mua lúa gạo, xúi dân đánh phá các kho lúa. Trong cơn nghèo đói túng quẫn, có người bày cho phương cách kiếm gạo để ăn, nên dân chúng hưởng ứng khá đông.

Thứ nhì, lợi dụng việc chính phủ tiếp tế để cứu đói ở miền Bắc, Việt Minh âm thầm chặn bắt những chuyến xe hay những chuyến ghe chở gạo từ miền Nam ra, rồi Việt Minh đem tiếp tế cho những mật khu của họ.¹⁶

Trong cơn đói, có người đành phải lên mật khu gia nhập Việt Minh để được chia phần gạo cướp được cho qua nạn đói. Hành động của Việt Minh làm cho việc tiếp tế gạo từ Nam ra Bắc càng trở nên khó khăn. Từ đó, nạn đói càng trầm trọng và Việt Minh càng dễ hoạt động tuyên truyền, kích động quần chúng. Đặc biệt hơn nữa, sau ngày 2-9-1945, Việt Minh tịch thu toàn bộ tiền bạc của các quỹ cứu đói trên toàn quốc, nghĩa là cướp lấy tài sản của những người đang đói, do những người hăng tâm khắp nước giúp đỡ.”¹⁷

¹⁶ David G. Marr, Vietnam 1945, The Quest for Power [Việt Nam 1945, đi tìm quyền lực], University of California Press, Berkeley, 1995

¹⁷ Nguồn Net Long Điền. Ngô Thế Vinh dịch và trích dẫn trong bài “Từ Ất Dậu – 1945 sáu mươi năm đi tới cây cầu Cần Thơ – 2005”, đăng trên tạp chí Hợp Lưu, California, số 51, tháng 2 & 3 năm 2000. tr. 173

SỰ THẬT CỦA CÁI GỌI LÀ CÁI CÁCH RUỘNG ĐẤT

Ngay từ mùa hè năm 1952, Stalin và Mao Trạch Đông gọi Hồ Chí Minh sang nhận lãnh chỉ thị “Cải Cách Ruộng Đất” để vô sản hóa toàn dân và thanh trừng, chính đốn đảng. Sau khi trở về, Hồ Chí Minh phát động phong trào “Đấu tố” dưới sự chỉ đạo của Phó bí thư Tỉnh ủy Quảng Tây là Kiều Hiếu Quang. Ngày 22 tháng 5 năm 1953, dưới sự chỉ đạo của cố vấn Trung Quốc La Quý Ba, Tòa án Nhân dân Tuyên Quang đã đưa bà Nguyễn Thị Năm là một địa chủ có công với cách mạng, ủng hộ 100 lạng vàng trong tuần lễ vàng và có con là Trung đoàn trưởng Việt Minh... Mặc dù có sự can thiệp của Hoàng Quốc Việt nhưng Hồ Chí Minh vẫn giữ im lặng, bà Nguyễn thị Năm bị cố vấn Trung Quốc cho là "giả dối nhằm chui sâu, leo cao vào hàng ngũ cách mạng để phá hoại, cuối cùng bị lên án với tội danh "tư sản địa chủ cường hào gian ác" và bà trở thành địa chủ đầu tiên bị đem ra "xử bắn".¹⁸ Sau đó, ngày 13 tháng 12 năm 1955 Hà Nội huy động hàng trăm ngàn người tham dự Tòa án Nhân dân để xử “Địa chủ”, kích động lòng căm thù “giai cấp” trong nông dân, tước đoạt đất đai tài sản của nhân dân, vô sản hoá nhân dân để mọi người phải lệ thuộc vào chế độ tem phiếu nhằm khống chế đời sống của nhân dân...

Hà Nội phát động chiến dịch “Cải cách Ruộng đất” theo chỉ thị của Bắc Kinh từ năm 1953 để đưa các địa chủ dù chỉ có 1, 2 sào ruộng ra “Đấu tố” trước “Tòa án Nhân dân”. Những nông dân vô tội này bị buộc tội là kẻ thù của nhân dân nên phải "đào tận gốc, tróc tận rễ", xử tử và bị tịch thu toàn bộ tài sản. Thống kê chính thức của nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa được đăng trong cuốn Lịch sử Kinh tế Việt Nam (tập hai) cho biết là đã có 172.008 người bị quy vào thành phần địa chủ và phú nông trong đó có 123.266 người bị quy sai, hơn 70%, tức là bị oan. Về thành phần của con số 172.008 nạn nhân này, bảng thống kê ghi như sau: Địa chủ cường hào gian

¹⁸ Wikipedia. Cho đến năm 1955-1956, chiến dịch sửa sai Cải Cách Ruộng đất vẫn không phục hồi lại bản án oan sai của bà Nguyễn thị Năm.

ác: 26.453 người, trong đó 20.493 người bị oan (77,4%). Địa chủ thường: 82.777 người, trong đó 51.480 người bị oan (62%). Địa chủ kháng chiến: 586 người, trong đó 290 bị oan (49%). Phú nông: 62.192 người, trong đó 51.003 người bị oan (82%). Tổng cộng: 172.008 người, trong đó 123.266 người bị oan: 71,66%. Số lượng này chưa kể đến thân nhân, gia đình của những người bị quy sai, cũng bị cô lập và đối xử phân biệt.

Theo Văn khố Trung ương đảng Cộng Sản Việt Nam thì con số bị giết oan là 15 ngàn người. Nhà báo Tibor Mende phỏng vấn Hồ Chí Minh thì chính Hồ Chí Minh xác nhận có từ 12 đến 15 ngàn người bị giết oan. Trên thực tế, con số này phải nhiều từ 5 đến 10 lần. Nhà báo Bernard Fall từng ủng hộ Cộng Sản Việt Nam vào Việt Nam nghiên cứu năm 1962 đã viết: *“Không thể ước đoán con số chính xác nhưng con số ước đoán có cơ sở nhất là vào khoảng 50 ngàn người ở miền Bắc bị xử tử và số người bị bắt và đưa đi cưỡng bách lao động ít nhất cũng gấp đôi con số đó...”*¹⁹

Chủ trương của đảng Cộng sản Việt Nam là phát động các cuộc đấu tố địa chủ, trí thức tiểu tư sản trong phong trào Cải Cách Ruộng đất với hứa hẹn cho giai cấp vô sản đồng thời để triệt tiêu giai cấp tiểu tư sản đưa giai cấp vô sản lên lãnh đạo. Giai cấp vô sản vẫn chẳng có gì ngoài lời hứa hẹn, cuối cùng tịch thu tất cả tài sản về cho hợp tác xã nhà nước để vô sản hóa, bản cùng hóa toàn dân để mọi người dân lệ thuộc vào chế độ tem phiếu của nhà nước Cộng sản Việt Nam.

Sau hơn 3 năm thực hiện đã đạt được mục đích đề ra, đảng Cộng Sản Việt Nam cho Võ Nguyên Giáp thú nhận các sai lầm trong cải cách ruộng đất, cách chức Tổng Bí Thư Trường Chinh để xoa dịu bất mãn trong nhân dân. Đây là thủ đoạn của Hồ Chí Minh nhằm mục đích vô sản hóa toàn dân và là cơ hội để Hồ Chí Minh lên nắm giữ chức Tổng Bí Thư đảng Cộng Sản Việt Nam. Trước đây người

¹⁹ Theo Wikipedia Tiếng Việt.

dân gọi Cộng sản là bọn “Tam Vô”: Vô Tổ Quốc (Chủ nghĩa Cộng sản không có biên giới quốc gia), Vô Gia đình (Cộng sản phá vỡ truyền thống văn hóa Việt, bắt học sinh phải báo cáo với Đoàn Thanh niên Cộng sản về việc làm của cha mẹ, phải đấu tố cha mẹ...), Vô Tôn giáo vì chủ nghĩa Cộng sản là một thứ tôn giáo vô thần... Thật ra phải gọi Cộng sản là bọn “Tứ Vô” là Vô Tổ Quốc, Vô Gia đình, Vô Tôn giáo và Vô sản hóa toàn dân.



Những giọt nước mắt cá sấu của kịch sĩ đại tài Hồ Chí Minh

CON NGƯỜI MUÔN MẶT

Khác với những bậc chính nhân quân tử, Hồ Chí Minh là con người muôn mặt bá đạo với những thủ đoạn nham hiểm nên có rất nhiều tên tuổi, bí danh.

Trong lá thư đề ngày 15-9-1911, gửi chính phủ Pháp để xin học Trường Thuộc Địa, ký tên Nguyễn Tất Thành sinh năm 1892



Trên thẻ sinh viên có hình ảnh với tên Nguyễn Ái Quốc, sinh ngày 15-1-1894. Lúc này Nguyễn Tất Thành ở Pháp khoảng hơn 2 năm, làm liên lạc viên cho nhóm trí thức yêu nước Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh và lấy bút hiệu Nguyễn Ái Quốc của nhóm này làm riêng cho mình. Thẻ này được cấp sau ngày ký Hội Nghị Versailles (28-6-1919).



Thẻ cá nhân, sinh viên Nguyễn Ái Quốc, ngày sinh 15-1-1894, cấp ngày 9-1919



Thẻ đảng viên Đảng Cộng Sản Pháp có tên là Henri Tchen, số 13861, cấp năm 1922

Trên thẻ đảng viên cộng sản Pháp với tên Henri Tchen, cấp năm 1922, không thấy ghi ngày tháng năm sinh. Trong Yêu Sách 8 điểm tại Versailles vào tháng 6 năm 1919, Nguyễn Tất Thành lấy tên Nguyễn Ái Quốc đại diện cho nhóm. Sau khi gia nhập quốc tế cộng sản cùng những hoạt động được giao phó thì tiềm danh Nguyễn Ái Quốc được Nguyễn Tất Thành sử dụng nhiều hơn. Tuy nhiên, Nguyễn Tất Thành tạo ra rất nhiều tên họ, bút danh, và bí danh khác nhau để hoạt động, để qua mắt tình báo thế giới. Viện Bảo Tàng của Đảng công khai ra 175 tên khác nhau, cộng thêm trên 30 tên nữa và có ít nhất 5 ngày sinh. Đặc biệt ngày sinh 19 tháng 5 là do sau khi ký hiệp ước sơ bộ 6-3-1946 thời chính phủ Pháp do đảng Xã hội và Cộng sản nắm chính quyền nên có ghi vào hiệp ước như “tổng tuyển cử thống nhất” 3 miền đất nước mà viên Cao ủy Đông Dương, Georges Thierry d'Argenlieu chống đối hiệp ước sơ bộ nên khi Bắc Bộ Phủ treo cờ đón Cao ủy Đông Dương, Georges Thierry d'Argenlieu, họ Hồ giải thích là ngày sinh nhật 19-5-1890 để tránh sự chỉ trích của các đảng phái quốc gia và người Việt Nam yêu nước.

Theo nghiên cứu của Ban Tư liệu Đảng Cộng sản Việt Nam thì trong cuộc đời hoạt động của Hồ Chí Minh đã dùng tới 175 tên khác nhau.

“(ĐCSVN) – Trong suốt cuộc đời của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có rất nhiều tên gọi, bí danh hay bút danh khác nhau. Mỗi tên gọi, bí danh hay bút danh của Người đều có một ý nghĩa riêng, phục vụ lợi ích cách mạng; phần nào cũng đã phản ánh nhân cách, tư tưởng lớn lao của Người về cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, vì độc lập, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Được sự giúp đỡ của Báo tàng Hồ Chí Minh và Báo Nhân dân, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam trân trọng giới thiệu 175 tên gọi, bí danh, bút danh của Chủ tịch Hồ Chí Minh qua các thời kỳ.

- Nguyễn Sinh Cung, 1890. Đây là tên khai sinh tại làng Hoàng Trù, xã Chung Cự, tổng Lâm Thịnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, nay thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.
- Nguyễn Sinh Côn. Trong một bài viết của Hồ Chí Minh, năm 1954, Hồ cũng ghi tên còn nhỏ của mình là Nguyễn Sinh Côn.
- Nguyễn Tất Thành, 1901. Tháng 9, 1901, nhân dịp ông Nguyễn Sinh Sắc, cha Nguyễn Sinh Cung, chuyển về sống ở làng Kim Liên, ông có làm lễ “chào làng” cho hai con trai với tên mới là Nguyễn Tất Đạt (Sinh Khiêm) và Nguyễn Tất Thành (Sinh Cung).
- Nguyễn Văn Thành.
- Nguyễn Bé Con.

Trong tài liệu đề ngày 6 tháng 2, 1920 của Tổng đốc Vinh cung cấp về Nguyễn Sinh Sắc và hai con trai có ghi con trai thứ của Nguyễn Sinh Sắc là Nguyễn Bé Con. Tài liệu mật thám Pháp theo dõi hoạt động của Nguyễn Ái Quốc, bản ghi số 1116, 1931: Nguyễn Ái Quốc hay Nguyễn Tất Thành tức Nguyễn Sinh Côn hay Nguyễn Bé Con tức Lý Thụy...

- Văn Ba, 1911. Ngày 5/6/1911 Nguyễn Tất Thành rời Việt Nam làm việc trên một chiếc Tàu Pháp. Trong sổ lương của tàu có tên Văn Ba.
- Paul Tat Thanh, 1912. Ngày 15 tháng 12 năm 1912, Nguyễn Tất Thành từ New York gửi thư cho khâm sứ Trung Kỳ nhờ tìm địa chỉ của thân phụ là Nguyễn Sinh Huy. Lá thư ký tên Paul Tất Thành.
- Tất Thành, 1914. Từ nước Anh Nguyễn Tất Thành gửi thư cho Phan Chu Trinh ký tên Tất Thành. Hiện có bốn lá thư được sưu tầm ký tên Tất Thành. Một thư ký Cuồng Kiệt Tất Thành, ba thư ký C.Đ Tất Thành.
- Paul Thanh, 1915. Ngày 16 tháng 4 năm 1915, Nguyễn Tất Thành viết thư cho toàn quyền Đông Dương qua lãnh sự Anh tại Saigon nhờ tìm địa chỉ cha mình. Thư ký tên Paul Thanh.
- Nguyễn Ái Quốc, 1919. Tên này có khi Nguyễn Tất Thành ở Pháp cùng sinh hoạt chung với nhóm người gồm các ông Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh. Nguyễn Tất Thành là người đến gia nhập nhóm sau cùng.
- Phéc-đi-năng.
- Albert de Pouvourville, 1920. Báo Điện Tín Thuộc Địa có truyền đơn trích đoạn từ nhiều tờ báo có liên quan tới vấn đề Đông Dương. Người đăng ký tên Albert de Pouvourville.
- Nguyễn A.Q., 1921-1926. Hai bài báo ký tên Nguyễn A.Q. có tựa “Hãy Yêu Mến Nước Pháp, Người Bảo Hộ Các Anh.” đăng trên báo Người Tự Do, ngày 7 đến 10, 1921. Nguyễn A.Q. còn được ký dưới tranh biếm họa ngày 1 tháng 8 năm 1926.

- Culixe, 1922. Nguyễn Ái Quốc ký bút danh Culixe trong một bài viết trên L'Humanité ngày 18 tháng 3 năm 1922.
- N.A.Q, 1922. Bút danh này trên báo Le Paria và L'Humanité từ 1922-1930.
- Ng.A.Q, 1922. Bút danh này trên báo Le Paria từ 1922-1925.
- Henri Tran, 1922. Henri Tchen là tên ghi trong thẻ đảng viên Đảng Cộng Sản Pháp của Nguyễn Ái Quốc. Số thẻ: 13861.
- N. 1923. Nguyễn Ái Quốc dùng bút danh N. trong các năm 1923-1928 trên Le Paria.
- Chen Vang, 1923. Ngày 13 tháng 6 năm 1923, Nguyễn Ái Quốc bí mật rời Paris đi Liên Xô, Tổ Quốc Cách Mạng. Ngày 16 tháng 6 năm 1923, Nguyễn Ái Quốc đến nước Đức. Tại đây, Nguyễn được cơ quan đặc mệnh toàn quyền Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Sô Viết Liên Bang tại Berlin cấp cho giấy đi đường số 1829. Trong giấy này Nguyễn Ái Quốc mang tên Chen Vang.
- Nguyễn, 1923. Bút danh này trong các năm 1923, 1924, 1928 trên Le Paria.
- Chú Nguyễn, 1923. Thư này Nguyễn Ái Quốc gửi đến các bạn cùng hoạt động tại Pháp trước khi rời Paris đi Liên Xô.
- Lin, 1924. Nguyễn Ái Quốc dùng tên Lin trong thời gian ở Liên Xô từ 1923-1924 và 1934-1939. Tên Lin xuất hiện lần đầu tiên trong bức điện thư gửi Ban Phương Đông của Quốc Tế Cộng Sản, đề ngày 14 tháng 4, 1924. Tháng 10 năm 1934, Lin được nhận vào trường Quốc Tế Lenin Liên Xô, năm học 1934-1935. Tên Lin số hiệu 375. Tháng 8 năm 1935, Lin dự đại hội lần thứ VII của Quốc Tế Cộng Sản.

- Ái Quốc, 1924. Ái Quốc là tên ghi trong thẻ dự đại hội V Quốc Tế Cộng Sản, tháng 6 năm 1924. Tháng 8 năm 1927 Nguyễn Ái Quốc gửi đồng chí Francois Billous tám bưu ảnh, trong đó ký tên Ái Quốc. Sau này còn một số thư khác với tên Ái Quốc.
- Un Annamite, 1924. Bút danh Annamite được ký dưới một bài viết trên Le Paria.
- Loo Shing Yan, 1924. Bài "Thư Từ Trung Quốc, số 1", ngày 12 tháng 11 năm 1924, Nguyễn Ái Quốc viết về phong trào cách mạng Trung Quốc, sự thức tỉnh, giác ngộ cách mạng cho phụ nữ Trung Quốc, gửi tạp chí Rabotnhitxa. Trong bài này, Nguyễn Ái Quốc ký tên Loo Shing Yan, một nữ đảng viên Quốc Dân Đảng. Nguyễn Ái Quốc gửi thư cho ban biên tập tạp chí, ngày 12 tháng 11 năm 1924, giải thích: "Khi tôi còn ở Quốc Tế Cộng Sản, tôi rất phấn khởi được đôi lần cộng tác với tờ báo của các đồng chí. Nay muốn tiếp tục sự cộng tác ấy. Nhưng vì tôi ở đây hoạt động bất hợp pháp, cho nên tôi gửi bài cho các đồng chí dưới hình thức "Những bức thư từ Trung Quốc" và ký tên một phụ nữ. Tôi nghĩ rằng làm như vậy bài viết có tính chất độc đáo hơn và phong phú hơn đối với độc giả, đồng thời cũng đảm bảo giữ được tên thật của tôi".
- Ông Lu, 1924. Ngày 12 tháng 11 năm 1924, Nguyễn Ái Quốc viết thư gửi cho một đồng chí trong Quốc Tế Cộng Sản báo tin ông Lu đã đến Quảng Châu, Trung Quốc. Cuối thư đề địa chỉ liên lạc: Ông Lu, Hãnh thông tân Roxta, Quảng Châu, Trung Quốc. Sau này trong nhiều thư khác Nguyễn Ái Quốc cũng ghi địa chỉ liên lạc là Ông Lu.
- Lý Thụy, 1924. Nguyễn Ái Quốc dùng bí danh Lý Thụy trong thời gian hoạt động ở Trung Quốc. Ngày 11 tháng 11 năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu với các giấy tờ tùy thân mang tên Lý Thụy. Trong bức thư gửi Quốc Tế

Cộng Sản, ngày 18 tháng 12 năm 1924, Nguyễn Ái Quốc ghi ở cuối thư: "Trong lúc này tôi là một người Trung Quốc, chứ không phải là một người An Nam, và tên tôi là Lý Thụy chứ không phải là Nguyễn Ái Quốc".

- Lý An Nam, 1924-1925. Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Quảng Châu với bí danh Lý Thụy, làm phiên dịch trong văn phòng của Đoàn cổ vấn Sô Viết. Lý Thụy cũng có biệt danh là Lý An Nam lúc này.
- Nilopxki (N.A.Q.), 1924. Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc tới Quảng Châu, Trung Quốc, làm việc tại cơ quan của Borodin. Hiện sưu tầm được tất cả 6 lá thư Nguyễn Ái Quốc ký tên Nilopxki.
- Vương, 1925. Là giảng viên huấn luyện chính trị tại Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc lấy tên là Vương. Vương cũng là bí danh để bắt liên lạc với Nguyễn Lương Bằng ở Trung Quốc, 1925.
- L.T. 1925. Nguyễn Ái Quốc ký tên L.T. gửi thư cho ông H (Thương Huyền) ngày 9 tháng 4 năm 1925. Sau ngày Nguyễn Ái Quốc còn viết khoảng 15 bài trên báo Nhân Dân với bút hiệu L.T. từ các năm 1949, 1957, 1958, 1960.
- Howang T.S., 1925. Ngày 2 tháng 5 năm 1925, Nguyễn Ái Quốc lấy bút hiệu Howang viết về đại hội công nhân và nông dân.
- Z.A.C., 1925. Bút hiệu này được đăng trên báo Thanh Niên.
- Lý Mỗ, 1925. Báo Công Nhân Chi Lộ Đặc Hiệu, số 20, ra ngày 14 tháng 7 năm 1925, đã đưa tin một người Việt Nam gia nhập đội diễn thuyết và để giữ bí mật, Nguyễn Ái Quốc có tên là Lý Mỗ.

- Trương Nhược Trùng, 1925.
- Vương Sơn Nhi, 1925. Viết trên báo Thanh Niên với bút danh Vương Sơn Nhi, Trương Nhược Trùng.
- Vương Đạt Nhân, 1926. Với bút danh này, Nguyễn Ái Quốc được Đoàn Chủ Tịch Đại Hội đại biểu toàn quốc lần thứ 2 của Quốc Dân Đảng Trung Quốc mời đến dự và phát biểu ý kiến. Ngày họp là 14 tháng 1 năm 1926.
- Mộng Liên, 1926. Mộng Liên được ký dưới bài viết “Mục Dành Cho Phụ Nữ” đăng trên báo Thanh Niên, số 40, ngày 4 tháng 4 năm 1926.
- X. 1926. Bút danh này dùng trong các năm 1926, 1927. X. viết loạt bài nhan đề “Các Sự Biến Ở Trung Quốc”, đăng trên 7 số báo L’Annam.
- H.T, 1926. Cùng với bút danh Mộng Liên, H.T. là bút danh của Nguyễn Ái Quốc viết bài cho báo Thanh Niên. "Còn một số bút danh khác như Hạ Sĩ, Hương Mộng, Diệu Hương v.v.. có thể cũng là bút danh của Nguyễn Ái Quốc, bởi lúc đó chưa có nhiều người viết bài cho báo Thanh Niên".
- Tống Thiệu Tổ, 1926. Theo hồi ký của một số người hoạt động ở Quảng Châu, Trung Quốc, Tống Thiệu Tổ là bí danh của Nguyễn Ái Quốc khi ông ta hoạt động ở Quảng Châu, Trung Quốc.
- X.X. 1926. Nguyễn Ái Quốc ký bút danh này trên một bài đăng trong Inprekorr, số 91, ngày 14 tháng 8 năm 1926.
- Wang, 1927. Bài viết dưới bút danh Wang được đăng trên Thư Tín Quốc Tế (Inprekorr).
- N.K. 1927. Cũng trong Thư Tín Quốc Tế.

- N. Ái Quốc, 1927.
- Liwang, 1927. Ngày 16 tháng 12 năm 1927, từ Berlin Nguyễn Ái Quốc viết thư cho Đoàn Chủ Tịch Quốc Tế Nông Dân, đề nghị giúp đỡ tiền để về nước. Thư viết: "Trong 2 hoặc 3 tuần nữa tôi sẽ trở về đất nước tôi. Chuyến đi của tôi tốn chừng 500 dollars Mỹ. Vì tôi không có tiền nên tôi mong các đồng chí giúp tôi". Thư ký tên N. Ái Quốc. Trong thư, Nguyễn Ái Quốc đề nghị nếu có tiền xin gửi đến Ủy Ban Trung Ương của Đảng Cộng Sản Đức, chuyển cho "Liwang."
- Ông Lai, 1927. Cũng trong thư gửi Đoàn Chủ Tịch Quốc Tế Nông Dân, ngày 16 tháng 12 năm 1927, Nguyễn Ái Quốc ghi địa chỉ trả lời thư: M. Lai, chez M. Eckshtein, 21, Halle Chactrasse, Berlin.
- A.P., 1927. A.P. viết bài "Văn Minh Pháp ở Đông Dương" trên Inprekorr.
- N.A.K, 1928. Trong thư gửi Quốc Tế Nông Dân đề ngày 3 tháng 2 năm 1928.
- Nguyễn Lai, 1928. Với thẻ nhập cảnh mang tên Nguyễn Lai, một Hoa kiều, Nguyễn Ái Quốc đặt chân tới đất Xiêm (Thái Lan).
- Thọ, 1928
- Nam Sơn, 1928. Tại Thái Lan khi họp với người Việt cư ngụ tại Thái Lan, Nguyễn Ái Quốc tự giới thiệu là Thọ, biệt hiệu Nam Sơn.
- Chín (Thầu Chín), 1928. Đầu tháng 8 năm 1928, Nguyễn Ái Quốc tới Udon, Thái Lan, ông lấy tên là Chín. Mọi người gọi là Thầu Chín hay ông già Chín.

- Victor Lebon, 1930. Victor Lebon, 123 av. de la République, Paris, France là địa chỉ Nguyễn Ái Quốc ghi để nhận thư của đại diện Đảng Cộng Sản Pháp tại Quốc Tế cộng Sản và các đồng chí trong Đảng Cộng Sản Liên Xô. Ngày 27 tháng 2 năm 1930, Nguyễn Ái Quốc gửi thư cho đại diện Đảng Cộng Sản Pháp tại Quốc Tế Cộng Sản thông báo về việc Đảng Cộng Sản Việt Nam được thành lập, yêu cầu được cung cấp tài liệu để tuyên truyền và giáo dục, đồng thời đề nghị Đảng Cộng Sản Pháp giúp đỡ ... Nguyễn Ái Quốc ghi địa chỉ nhận thư của mình như ghi trên.
- Ông Lý(Lee), 1930. Mr. Lee, The HongKong Shiao Fih Pao, 53, Wyndham Str, HongKong là tên và địa chỉ để nhận sách báo. Với tên và địa chỉ này Nguyễn Ái Quốc gửi cho đại diện Đảng Cộng Sản Mỹ ngày 27 tháng 2 năm 1930.
- Ng. Ái Quốc, 1930.
- L.M.Vang, 1930. Ngày 27 tháng 2 năm 1930, Nguyễn Ái Quốc gửi thư cho văn phòng đại diện Đảng Cộng Sản Đức ở Quốc Tế Cộng Sản đề nghị xin cho ông ta một giấy chứng nhận là phóng viên báo Thế Giới. Thư ký tên Ng. Ái Quốc. Trong thư ông viết: “ Trong hoàn cảnh tôi sống không hợp pháp, tôi cần có một nghề để nói với người khác. Tôi đóng vai phóng viên báo chí. Nhưng cần phải chứng thực danh nghĩa đó của tôi. Trong số tất cả các báo của Đảng chúng ta, tôi thấy chỉ có mỗi một tờ báo không mang cái tên “có tính chất lật đổ” và có thể cấp cho tôi một giấy chứng nhận thuận tiện, đó là báo Thế Giới. Tôi đề nghị các đồng chí xin cho tôi một giấy chứng nhận là phóng viên báo Thế Giới. Tên của tôi sẽ là L.M. Wang.”
- Tiết Nguyệt Lâm, 1930. Cũng trong thư Nguyễn Ái Quốc xin giấy chứng nhận là phóng viên báo Thế Giới, ông ghi địa chỉ để nhận là: Mr. Sit-yet-um, Wah-jon C, 136 wanchai R,

HongKong.

- Paul, 1930. Ngày 27 tháng 2 năm 1930, Nguyễn Ái Quốc viết thư gửi đồng chí Sota, liên đoàn công đả quốc tại Berlin, thông báo về việc Đảng Cộng Sản Việt Nam đã đợc thành lập. Thư ký tên Paul. Còn một số thư khác cũng đợc ký tên Paul.
- T.V. Wang, 1930. Ngày 2 tháng 3 năm 1930, Nguyễn Ái Quốc viết thư gửi Ban Phương Đông, Quốc Tế Cộng Sản báo cáo về tình hình Mã Lai, Đông Dương và việc gửi 3 học sinh đi học. Cuối thư đề nghị “có thể mua cho tôi hồi phiếu của công ty xe lửa tốc hành Mỹ đề tên T.V.Wang và gửi bưu điện cho tôi.”
- Công Nhân, 1930. Bút danh này trong bài viết “Tranh Thủ Quần Chúng Như Thế Nào?” đăng trên báo Vô Sản, cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng Sản Việt Nam, số 1, ra ngày 31 tháng 8 năm 1930.
- Victo, 1930. Bí danh Victo trong bức thư đề ngày 29 tháng 9 năm 1930 gửi Ban Chấp Hành Quốc Tế Cộng Sản báo cáo về cuộc đấu tranh từ ngày 11 đến 17 tháng 9 năm 1930 của nông dân các tỉnh Thanh Chương, Hưng Nguyên, Nghệ An...
- V. 1931. Ngày 19 tháng 2 năm 1931, với bí danh V., Nguyễn Ái Quốc viết bài “Nghệ Tĩnh Đỏ”. V. đồng thời gửi báo cáo cho Ban Phương Đông, ngày 8 tháng 2 năm 1931, liên quan đến chỉ thị việc tổ chức Đảng Cộng Sản Đông Dương.
- K. 1931. Nguyễn Ái Quốc viết thư gửi Ban Phương Đông ngày 21 tháng 2 năm 1931, ký tên K., trong thư báo tin Lý Tự Trọng bắn chết mật thám Legrant và đã bị bắt. Nguyễn Ái Quốc đề nghị Ban Phương Đông liên lạc với Đảng Cộng

Sản Pháp tổ chức biểu tình đòi thả Lý Tự Trọng.

- Đông Dương, 1931. Bút hiệu này được đăng trên bài viết “Kỷ Niệm Một Năm Khởi Nghĩa Yên Bái” đăng trên Tạp Chí Thư Tín Quốc Tế, 1931, số 12.
- Quac E. Wen, 1931.
- K.V. 1931. Nguyễn Ái Quốc dùng bí danh K.V. từ 1931. Bí danh này được nhắc đến trong thư gửi Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Cộng Sản Đông Dương. Đầu thư đề ngày 23 tháng 4, cuối thư đề 24 tháng 4. K.V. thông báo những cán bộ được cử về nước theo đường dây liên lạc, nhắc nhở công tác bảo vệ Đảng, giữ gìn bí mật, duy trì chế độ báo cáo giữa Đảng Cộng Sản Đông Dương với Quốc Tế Cộng Sản và đề nghị Trung ương ghi nhận nhiệm vụ của mình đã được Ban Phương Đông xác định. Năm 1959, K.V. trong bài “Người Châu Nuôi của Bác” đăng trên báo Nhân Dân ngày 27 tháng 12 năm 1959.
- Lão Trịnh, 1931. Trong báo cáo của cơ quan an ninh Pháp về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc, thời gian trước khi bị bắt ở Hongkong (1918/1931), có một đoạn ghi như sau: "ghi chú về vấn đề người cộng sản An Nam Nguyễn Ái Quốc tức Nguyễn Tất Thành, gọi là Lý Thụy, Vương Sơn Nhi, Lão Trịnh, Năm, Lý Phát, Viên, Tống Văn Sơ bị bắt ở phố Cửu Long ngày 6 tháng 6 năm 1931".
- Năm, 1931.
- Lý Phát, 1931.
- Viên, 1931.
- Tống Văn Sơ, 1931. Tống Văn Sơ là tên ghi trong thẻ căn cước của Nguyễn Ái Quốc khi ông ta bị bắt ở số 186, phố

Tam Lung, Hongkong, ngày 6 tháng 6 năm 1931. “Một chiến dịch điên cuồng tìm diệt cộng sản được chúng (Pháp và Anh) phát động trên quy mô lớn khắp vùng Đông Nam Á.”.

- New Man, 1933. Bí danh này được gửi cho luật sư Lôđôbi, người đã có công giúp Tống Văn Sơ ra khỏi nhà tù Anh ở Hongkong.
- Linov, 1934. Tại Viện Nghiên Cứu các vấn đề thuộc địa, năm học 1934-1935.
- Teng Man Huon, 1935. Tháng 8 năm 1935, Nguyễn Ái Quốc thực ra là Hồ Tập Chương tham dự đại hội lần thứ 7 Quốc Tế Cộng Sản. Trong bản kê khai để tham dự đại hội ngày 16 tháng 8, ông có ghi: Họ, tên, bí danh trong đảng hiện nay: Teng Man Huon. Họ tên bí danh trong đại hội: Lin. Thẻ mang số 154 ghi tên: Lin, thuộc Đảng CS Đông Dương.
- Hồ Quang, 1938. Hoạt động ở Trung Quốc cuối năm 1938. Nhờ quan hệ Liên Xô và Trung Quốc nên Nguyễn Ái Quốc thực ra là Hồ Tập Chương qua Trung Quốc để dâng. Tại Lan Châu thủ phủ tỉnh Cam Túc, Tây Bắc Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc mang phù hiệu Bát lộ quân, quân hàm thiếu tá và giấy tờ mang tên Hồ Quang.²⁰
- P.C. Lin (P.C. Line), 1938. Từ Trung Quốc Nguyễn Ái Quốc thực ra là Hồ Tập Chương viết hàng chục bài gửi về nước đăng trên Notre Voix, ký tên P.C. Lin, P.C. Line, Line (đều là của Lin).

²⁰ Sau khi Nguyễn Ái Quốc chết, Trung Quốc cho Hồ Tập Chương nhập vai Nguyễn Ái Quốc với bí danh Hồ Quang. Đảng CSVN ghi bí danh Hồ Quang gián tiếp chấp nhận Hồ Tập Chương trong vai Hồ Chí Minh để lãnh đạo CSVN. Kể từ đây, Hồ Tập Chương tức Hồ Chí Minh dùng các bí danh kể sau để hoạt động.

- D.C. Lin, 1939. Bút hiệu D.C. Lin có bài viết trên báo Dân Chúng xuất bản tại Saigon. Báo đăng liên tiếp ba số 46, 47, 48 ngày 21-28 tháng 8 năm 1939.
- Lâm Tam Xuyên, 1939. Từ Quế Lâm, Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc thực ra là Hồ Tập Chương viết thư gửi một đồng chí ở Ban Phương Đông Quốc Tế Cộng Sản, thư đề ngày 20 tháng 4 năm 1939. Cuối thư, sau dòng chữ bằng tiếng Pháp là chữ Hán viết tay: Quảng Tây, Quế Lâm, Quế Tây lộ tam thập ngũ hiệu Tân Hoa nhật báo chuyển giao Lâm Tam Xuyên tiên sinh. (Tân Hoa nhật báo, số nhà 35, đường Quế Lâm, Quế Tây, Quảng Tây, chuyển cho ông Lâm Tam Xuyên.)
- Ông Trần, 1940. Cuối tháng 2 năm 1940, Nguyễn Ái Quốc thực ra là Hồ Tập Chương với bí danh Ông Trần đến hiệu dầu cù là Vĩnh An Đường ở Côn Minh, Vân Nam, Trung Quốc, bắt liên lạc với tổ chức cộng sản Việt Nam ở Vân Nam để từ đó tìm cách trở về nước.
- Bình Sơn, 1940. Từ 15 tháng 11 đến 18 tháng 12 năm 1940, với bút hiệu Bình Sơn, Nguyễn Ái Quốc thực ra là Hồ Tập Chương viết 12 bài đăng trên Cứu Vong Nhật Báo (Trung Quốc).
- Đi Đông. Tên này được Nguyễn Ái Quốc thực ra là Hồ Tập Chương kể lại trong bài báo “Đồng Chí Đi Đông” đăng trên Cứu Quốc.
- Cúng Sáu Sán, 1941. Ngày 28 tháng 1 năm 1941, người dân tại Pác Bó gọi Nguyễn Ái Quốc thực ra là Hồ Tập Chương là Cúng Sáu Sán nghĩa là ông già ở rừng.
- Già Thu, 1941. Tại hang Pac Bo, cán bộ gọi Nguyễn Ái Quốc thực ra là Hồ Tập Chương là Già Thu. (ghi chú của người viết: Còn “Chú Thu” dành riêng cho nữ cán bộ người

Tây Nông Thị Giác)

- Kim Oanh, 1941. Bút danh của Nguyễn Ái Quốc ký thực ra là Hồ Tập Chương dưới bài thơ “Phụ Nữ” đăng trên báo Việt Nam Độc Lập, số 104, ra ngày 1 tháng 9 năm 1941. Bài viết nêu những tấm gương anh hùng của phụ nữ Việt Nam từ Bà Trưng, Bà Triệu đến Nguyễn Thị Minh Khai. Kim Oanh kêu gọi chị em phụ nữ cần đoàn kết lại để đấu tranh.
- Bé Con, 1941. Bút danh Bé Con được ký dưới bài thơ “Trẻ Con” đăng trên Việt Nam Độc Lập, số 106, ngày 21 tháng 9 năm 1941
- Ông Cự, 1941. Các năm 1940-1945, cán bộ cộng sản đồng hành với Nguyễn Ái Quốc thực ra là Hồ Tập Chương thường gọi ông ta là Ông Cự.
- Hoàng Quốc Tuấn, 1941. Tên này được các đồng chí của Nguyễn Ái Quốc thực ra là Hồ Tập Chương tự đặt.
- Bác, 1941. Tên gọi “Bác” xuất hiện từ dịp họp hội nghị Trung Ương lần thứ 8, tháng 5 năm 1941 ở Pắc Bó, Hà Quảng, Cao Bằng.
- Thu Sơn, 1942. Tháng 1 năm 1942, với bí danh Thu Sơn, Nguyễn Ái Quốc thực ra là Hồ Tập Chương chuyển đến nhà Xích Thắng tức Dương Mạc Thạch tại châu Nguyên Bình, Cao Bằng trong một số ngày.
- Xung Phong, 1942. Bút danh này Nguyễn Ái Quốc thực ra là Hồ Tập Chương ký dưới hai bài thơ “Tặng Thống Chế Pê Tanh” và “Nhóm Lửa” đăng trên Việt Nam Độc Lập, số 131, ngày 11 tháng 7 năm 1942, số 133 ngày 1 tháng 8 năm 1942.
- Hồ Chí Minh, 1942. Để đánh lạc hướng khi hoạt động tại Trung Quốc, Hồ Tập Chương lấy tên mới là Hồ Chí Minh.

Ngày 13 tháng 8 năm 1942, Hồ Chí Minh đi Trung Quốc. Ngày 27 tháng 8 năm 1942 tại Túc Vinh Hồ Chí Minh bị bắt. Khi kiểm soát giấy tờ thì thấy thẻ hội viên Hồ Chí Minh là “Hội Ký Giả Thanh Niên Trung Quốc.” Hồ Chí Minh bị phe Tưởng Giới Thạch nghi ngờ là gián điệp cộng sản và bị bắt giải đi giam qua 13 huyện thị của tỉnh Quảng Tây. Ngày 10 tháng 9 năm 1943 Hồ Chí Minh được thả.

- Hy Sinh, 1942. Với bút hiệu Hy Sinh, Hồ Chí Minh làm bài thơ “Chơi Giăng” đăng trên báo Việt Nam Độc Lập, số 134, ngày 21 tháng 8 năm 1942.
- Cự Hoàng, 1945. Cuối tháng 2 năm 1945, Hồ Chí Minh đi Côn Minh với ý định gặp các cơ quan của Mỹ để tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của đồng minh chống phát xít đối với nhóm của Hồ Chí Minh. Khi đến Bixichai, Hồ Chí Minh được giới thiệu là “Cự Hoàng”. Đây cũng là tên công khai của Hồ Chí Minh trên giấy tờ khi đi giao thiệp.
- C.M.Hồ, 1945. Hồ Chí Minh ký tên C.M. Hồ dưới thư gửi ông Fenn, ông Tam vào tháng 7 và 8 năm 1945.
- Chiến Thắng, 1945. Bút danh này Hồ Chí Minh viết bài đăng trên báo Cứu Quốc. Báo này là cơ quan của Tổng bộ Việt Minh, xuất bản số 1 ngày 25 tháng 1 năm 1942. Sau ngày 19 tháng 8 năm 1945, báo này được chuyển về Hà Nội, xuất bản công khai từ số 31 ngày 24 tháng 8 năm 1945. Hồ Chí Minh viết khoảng 400 bài trên báo Cứu Quốc. Bút danh Đ.X. được sử dụng nhiều nhất.
- Ông Ké, 1945. Chiều cuối tháng 4 năm 1945, Hồ Chí Minh trong bộ áo chàm người Nùng đến chiếc lán ở Pác Tềng (chân núi Lam Sơn, Cao Bằng) của gia đình đồng chí Hoàng Đức Triều (An Định). Hồ Chí Minh được giới thiệu là “đồng chí Ông Ké.” Với bí danh Ông Ké, Hồ Chí Minh thường họp với Hoàng Quốc Việt, Vũ Anh, Phạm Văn Đồng,

Đặng Việt Châu, Dương Đức Hiền, Đặng Văn Cáp.

- Hồ Chủ Tịch, 1945. Tên này có sau khi tuyên bố có “Chính Phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà”.
- Hồ, 1945. Hồ Chí Minh ký tên Hồ dưới các thư gửi các ông Becna và Fenn đề ngày 9 tháng 5 năm 1945 và 9 tháng 6 năm 1945, cảm ơn về sự giúp đỡ các học viên lớp vô tuyến điện, nhờ ông Fenn liên lạc chuyển giúp gói quà có lá cờ của đồng minh đến cho Hồ bằng cách nhanh nhất.
- Q.T. 1945. Với bút hiệu Q.T. , Hồ Chí Minh viết 10 bài đăng trên báo Cứu Quốc trong các năm 1945-1946.
- Q.Th. 1945. Với bút hiệu này Hồ Chí Minh viết 14 bài đăng trên báo Cứu Quốc trong các năm 1945-1946. Bài đầu tiên ký tên Q.Th. là “Thế Giới với Việt Nam,” báo số 130, ngày 31 tháng 12 năm 1945.
- Lucius, 1945. Tên mật do tổ chức OSS đặt cho Hồ Chí Minh khi ông ta làm việc cho cơ quan tình báo OSS của Hoa Kỳ.
- Bác Hồ, 1946. Nhiều thư ký tên “Bác Hồ” gửi cho các thanh thiếu niên, học sinh.”Bác Hồ” cũng được quần chúng sử dụng rộng rãi, trong sách báo, học đường.
- H.C.M, 1946. H.C.M. được ký dưới thư gửi cho đồng chí của Hồ Chí Minh là Morixo Tore, tổng bí thư Đảng Cộng Sản Pháp, năm 1946.
- Đ.H, 1946. Bút danh này Hồ Chí Minh viết tập “Nhật Ký Hành Trình của Chủ Tịch Hồ Chí Minh Bốn Tháng Sang Pháp”, năm 1946.
- Xuân, 1946. Trên đường di chuyển từ Hà Nội qua Sơn Tây, Phú Thọ, để trở lại chiến khu Việt Bắc trong những ngày đầu

có chiến tranh với Pháp, Hồ Chí Minh đã nghỉ lại ở nhà ông Hoàng Văn Nguyên ở xóm Đồi, xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ từ ngày 4 tháng 3 năm 1947 đến 18 tháng 3 năm 1947. Thời gian ở đây, Hồ Chí Minh lấy bí danh là Xuân trong các giấy tờ giao dịch.

- Một Người Việt Nam, 1946. Đây là bút danh của Hồ Chí Minh ký dưới một bài viết “Hoa Việt Thân Thiện”, tháng 12 năm 1946.
- Tân Sinh, 1947. Bút danh này Hồ Chí Minh dùng trong một số tác phẩm vào các năm 1947-1948, như “Đời Sống Mới”, “Nêu Cao và Thực Hành Cần Kiệm Liêm Chính Tức Là Nhen Lửa Cho Đời Sống Mới,” “Việt Bắc Anh Dũng.”
- Anh, 1947. Ngày 20 tháng 8 năm 1947, Hồ Chí Minh gửi thư cho ông Nguyễn Khánh Toàn.
- X.Y.Z., 1947. Bút danh này được dùng từ 1947-1950 trong các sách “Sửa Đổi Lối Làm Việc”, tháng 10 năm 1947. Sách viết về “xây dựng Đảng” dựa theo cách chỉ dẫn của Lenin. Cũng với bút danh này, Hồ Chí Minh viết bài cho báo Sự Thật vào các năm 1948-1950. Bài “Dân Vận”, số báo 120, ngày 15 tháng 10 năm 1949.
- A, 1947. Mật danh A., 1947 dùng trong bức thư gửi đồng chí Hoàng Hữu Nam.
- A.G, 1947. Bút danh A.G. Hồ Chí Minh dùng viết bài trong các năm 1947-1950. “Cán Bộ Tốt và Cán Bộ Xoàng” là bài đầu tiên trên báo Sự Thật, số 77 năm 1947.
- Z, 1947. Theo cuốn nhật ký của ông Lê Văn Hiến, lúc làm bộ trưởng tài chính, mật danh Z. là của Hồ Chí Minh dùng trong năm 1947.

- Lê Quyết Thắng, 1948. “Cần Kiệm Liêm Chính” đăng trên báo Cứu Quốc số ra ngày 30, 31 tháng 5 và 1,2 tháng 6 năm 1949. Sau đó in thành sách cũng với bút hiệu Lê Quyết Thắng.
- K.T, 1948. Tháng 2 năm 1948, bút danh K.T., Hồ Chí Minh dịch hai bài thơ chữ Hán.
- K.Đ, 1948. Ngày 2 tháng 5 năm 1948, Hồ Chí Minh dùng bí danh
- K.Đ. viết thư gửi đồng chí Hoàng Quốc Việt căn dặn về việc ra báo vào tháng 5. Để tuyên truyền, K.Đ. làm bài thơ với danh nghĩa là đội trưởng dân quân du kích Mán và đề nghị đăng bài thơ này chung với thơ của Tố Hữu, Xuân Diệu.
- G, 1949. G. viết bài mĩa mai bà Tống Mỹ Linh khi qua Mỹ trong bài “Thêu Gấm và Cho Than” đăng trên báo Sự Thật. G. còn các bài viết khác như “Bệnh Khẩu Hiệu” trên báo Cứu Quốc, ngày 15 tháng 3 năm 1949, số 1191, nêu lên tầm quan trọng của khẩu hiệu trong công tác tuyên truyền, cổ động, và đồng thời cũng không nên đưa ra quá nhiều khẩu hiệu khó hiểu, dài dòng, không thiết thực.
- Trần Thắng Lợi, 1949. Hồ Chí Minh dùng bút danh Trần Thắng Lợi viết bài “Đảng Ta” đăng trên tạp chí Sinh Hoạt Nội Bộ số 13, tháng 1 năm 1949.
- Trần Lực, 1949. Bút danh Trần Lực được Hồ Chí Minh dùng trong các năm 1949-1958 và 1961. Trần Lực đã viết gần 70 bài báo và các tác phẩm ngắn như “Giấc Ngủ 10 Năm”, “Liên Xô Vĩ Đại”, “Đạo Đức Cách Mạng”...
- H.G, 1949. Trên báo Cứu Quốc, Hồ Chí Minh dùng bút hiệu H.G. viết bài “Trở Lại Vấn Đề Thi Đua Ái Quốc”, số 14,

ngày 8 tháng 7 năm 1949.

- Lê Nhân, 1949. Với bút hiệu này, Hồ Chí Minh viết bài “Thất Bại và Thành Công”, đăng trên báo Sự Thật ngày 19 tháng 8 năm 1949. Bài viết này cho chương mục “Sửa Đổi Lối Làm Việc”.
- T.T, 1949. Bút danh này Hồ Chí Minh ký dưới bài viết “Hồ Chủ Tịch và Văn Nghệ”.
- Đanh, 1950. Bút danh này Hồ Chí Minh dùng trong các năm 1950, 1953, với các bài “Thư Ký Mặt Trận Liên Việt Địa Phương”, ...
- Đỉnh, 1950. Bí danh Đỉnh, Hồ Chí Minh ký dưới thư gửi Thủ Tướng Trung Cộng Chu Ân Lai, tháng 3, 1950. Cũng bí danh Đỉnh, Hồ Chí Minh gửi thư cho Đặng Đỉnh Siêu bên Trung Cộng, Trần Canh ngày 9 tháng 10, 1950.
- T.L, 1950. Bút danh T.L., Hồ Chí Minh dùng trong thời gian 1950-1969, qua gần 250 bài báo đăng trên Sự Thật, Nhân Dân.
- Chí Minh, 1950. Ngày 9 tháng 11 năm 1950 khi nghe tin người anh là Nguyễn Sinh Khiêm mất, Hồ Chí Minh viết một điện thư chia buồn đồng họ Nguyễn Sinh. Cuối điện thư, ký tên Chí Minh. (Điều này chứng tỏ rằng Hồ Chí Minh là Hồ Tập Chương chứ không phải là Nguyễn Ái Quốc như cơ quan tuyên truyền của đảng CSVN vẫn rêu rao...)
- CB, 1951. Bút danh này dùng từ 1951-1957 qua gần 700 bài báo đăng trên Nhân Dân. “Người Đảng Viên Lao Động Việt Nam Phải Như Thế Nào”, trên Nhân Dân, số 2, ngày 25 tháng 3 năm 1951. “Liên Xô Vĩ Đại” báo Nhân Dân, số 12, ngày 21 tháng 6 năm 1951.

- H, 1951. Hồ Chí Minh gửi thư cho ông Xuphanuvong (Lào) đề ngày 10 tháng 5 năm 1951, bằng tiếng Pháp, ký tên H.
- Đ.X, 1951. Bút danh này Hồ Chí Minh dùng từ năm 1951-1955, bài đăng trên báo Cứu Quốc.
- V.K, 1951. Bút danh V.K., Hồ Chí Minh dùng trong các năm 1951, 1960, 1961. “Bệnh Cá Nhân Địa Vị” đăng trên báo Nhân Dân, ngày 9 tháng 8, 1951. “Về Sự Lọc Đục của Mỹ và Diệm” đăng trên Nhân Dân, số 2818, ngày 9 tháng 12, 1961.
- Nhân Dân, 1951. Bút danh Nhân Dân đăng bài “Chúc Mừng Ngày Kỷ Niệm Lần Thứ 34 Cách Mạng Tháng Mười” trên báo Nhân Dân, ngày 5 tháng 11, 1951. “Nhân Dân Việt Nam Chúc Mừng Ngày Kỷ Niệm Đảng Cộng Sản Trung Quốc” đăng trên Nhân Dân, ngày 1-3 tháng 7 năm 1954.
- N.T, 1951. Với bút danh N.T., Hồ Chí Minh viết bài “Phát Ngôn của Chính Phủ Nhân Tiếp Các Nhà Báo”, ngày 22 tháng 12 năm 1951.
- Nguyễn Du Kịch, 1951. Hồ Chí Minh dùng bút danh Nguyễn Du Kịch viết cuốn “Tinh Uy Bí Mật” dựa vào chuyện của Liên Xô.
- Nguyên, 1953. Bút danh này dùng trong bài “Thư Từ Việt Nam – Những Con Voi là Những Con Muỗi”, 3/1953, gửi đăng báo Temps Nouveaux (Thời Mới, Liên Xô). Hồ Chí Minh gửi thư cho chú Thận (Trường Chinh) ký tên Nguyên.
- Hồng Liên, 1953. Hồ Chí Minh dùng bút danh phụ nữ viết bài “Nhân Dịp Đại Hội Phụ Nữ Quốc Tế” đăng trên báo Cứu Quốc, số 2362, ngày 19 tháng 6 năm 1953.
- Nguyễn Thao Lược, 1954. Nguyễn Thao Lược là bút danh

Hồ Chí Minh dùng viết bài “Đẩy Mạnh Phong Trào Du Kích”, đăng trên báo Nhân Dân, số ra ngày 16 - 20 tháng 1 năm 1954. Tác giả khẳng định “biết địch biết ta, trăm trận trăm thắng.”

- Lê, 1954. Hồ Chí Minh lấy bút danh Lê trong bài “Bức Thư Ngỏ Gửi Thủ Tướng Pháp Mangdet Phorangxo”, trên báo Nhân Dân, số 284, ngày 9 tháng 12 năm 1954.
- Tân Trào, 1954. Bút danh Tân Trào Hồ Chí Minh ký dưới bài “Giải Phóng Đài Loan”, đăng trên báo Nhân Dân, số 218, ngày 25 - 27 tháng 8 năm 1954.
- H.B, 1955. Hồ Chí Minh dùng bút danh H.B. viết bài “Có Phê Bình Phải Biết Tự Phê Bình”, đăng trên Nhân Dân, số 488, ngày 4 tháng 7 năm 1955.
- Nguyễn Tâm, 1957. Bút danh Nguyễn Tâm viết bài “Quyển Nhật Ký Trong Ngực của Bác.” Bài này Hồ Chí Minh viết nhân dịp sinh nhật của ông ta, 19 tháng 5 năm 1957.
- K.C, 1957. Bút hiệu này Hồ Chí Minh dùng các năm 1957, 1958 qua 4 bài báo xung quanh việc Mỹ phóng vệ tinh nhân tạo.
- Chiến Sỹ, 1958. Từ 1958-1968, Hồ Chí Minh dùng bút hiệu Chiến Sỹ viết hơn 80 bài báo đăng trên Nhân Dân và Quân Đội Nhân Dân. Đa số các bài viết lên án Mỹ và các bài viết ca ngợi như bài “Thanh Niên Anh Hùng Lý Tự Trọng.”
- T, 1958. Bút danh T. Hồ Chí Minh dùng viết bài “Phong Trào Vệ Sinh Yêu Nước Đàng Sôi Nổi tại Trung Quốc” đăng trên báo Nhân Dân, ngày 29 tháng 1 năm 1958.
- Thu Giang, 1959. Hồ Chí Minh ký bút danh Thu Giang trong bài “Bác Đến Thăm Côn Minh” trên báo Nhân Dân, ngày 12

tháng 4 năm 1959.

- Nguyễn Hảo Student, 1959. Hồ Chí Minh dùng bí danh này viết thư gửi giáo sư Ivan Duycel (Bungari) ngày 10 tháng 4 năm 1959.
- Ph.K.A., 1959. Bút danh này Hồ Chí Minh viết bài “Cuộc Nghỉ Hè 2 Vạn 3 Nghìn Cây Sô” về chuyến đi thăm và nghỉ hè tại Trung Cộng và Liên Sô, trên báo Nhân Dân, số 2038, ngày 15 tháng 10 năm 1959.
- C.K., 1960. Hồ Chí Minh dùng bút danh C.K. viết bài “Bắt Đầu Hai Chữ” đăng trên báo Nhân Dân, ngày 14 tháng 1 năm 1960, về hạnh cần kiệm để xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- Tuyết Lan, 1960. Jean Fort, 1960. Hồ Chí Minh dùng bút hiệu Tuyết Lan viết bài “Ba Chai Rượu Sâm Banh” đăng trên báo Nhân Dân, số 2331, ngày 27 tháng 4 năm 1960. Dưới hình thức dịch lại bức thư của một công nhân tên là Jean Fort, ở Algerie, gửi cho tác giả nói về tình cảm của một người bạn quốc tế đối với Nguyễn Ái Quốc thời ký ở Paris và những năm sau này.
- Trần Lam, 1960. Trần Lam viết bài “Chuyện Giả Mà Có Thật” đăng trên báo Nhân Dân, số 2242, ngày 9 tháng 5 năm 1960. Hồ Chí Minh lấy bút hiệu này viết bài về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Thái Lan.
- Một người Việt kiều ở Pháp về, 1960. Hồ Chí Minh ký dưới bài “Vài Mẫu Chuyện Trong Hội Bác Sang Thăm Pháp.”
- K.K.T., 1960. Hồ Chí Minh dùng bút hiệu này viết bài “Tinh Thần Yêu Nước và Tinh Thần Quốc Tế.”
- T.Lan, 1961. Bút danh T. Lan Hồ Chí Minh dùng trong tác phẩm “Vừa Đi Đường Vừa Kể Chuyện Một Mình”, đăng

nhiều lần trên báo Nhân Dân, tháng 5, 7, 8 năm 1961. Một bài báo khác nhan đề “Bác Ăn Tết Với Chúng Tôi” đăng trên Nhân Dân, ngày 14 tháng 2 năm 1961.

- Luật sư Th. Lam, 1961. Bút danh này Hồ Chí Minh viết bài “Kính Hồi Ủy Ban Quốc Tế Giám Sát và Kiểm Sát” đăng trên báo Nhân Dân, ngày 5 tháng 8 năm 1961, liên quan về hiệp định Genève.
- Ly, 1961. Hồ Chí Minh dùng bí danh Ly gửi bức điện đề ngày 13 tháng 12 năm 1961, đến đồng chí Ai dit, chủ tịch Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Cộng Sản Indonesia.
- Lê Thanh Long, 1963. Bút danh này viết bài “Nhân Dịp Mừng Đảng 33 tuổi,” đăng trên báo Nhân Dân, ngày 4 tháng 2 năm 1963. Hồ Chí Minh viết bài này về Đảng Lao Động Việt Nam và sự giúp đỡ của các Đảng anh em đối với Đảng Lao Động Việt Nam.
- CH-KOPP (Alabama), 1963. Bút danh này của Hồ Chí Minh viết bài “Chó Mỹ Da Trắng Cắn Mỹ Da Đen” đăng trên Nhân Dân, ngày 30 tháng 4 năm 1963.
- Than Lan, 1963. Bút danh này Hồ Chí Minh dùng viết bài “Đại Hội Phụ Nữ Quốc Tế,” đăng trên báo Nhân Dân, số 3377, ngày 26 tháng 6 năm 1963. Bài viết về buổi họp phụ nữ tại Moscow.
- Ng. Văn Trung, 1963. Hồ Chí Minh dùng bút danh này viết bài “Phải Chăng Ròng Lậy Nước”, tháng 6 năm 1963.
- Ngô Tâm, 1963. Ngày 7 tháng 9 năm 1963, Hồ Chí Minh viết thư gửi Lê Duẩn, ký tên Ngô Tâm.
- Nguyễn Kim, 1963. Hồ Chí Minh lấy bút danh Nguyễn Kim trong bài “Thư Bạn Đọc” đăng trên báo Nhân Dân, ngày 7

tháng 12 năm 1963.

- Dân Việt, 1964. Hồ Chí Minh lấy bút hiệu Dân Việt viết bài “Thư Ngỏ Gửi Ngài Ngoại Trưởng Anh Cát Lợi” đăng trên báo Nhân Dân, ngày 22 tháng 1 năm 1964.
- Đinh Văn Hảo, 1964. Bút danh này Hồ Chí Minh viết thư gửi “chủ bút báo Tân Việt Hoa” ngày 2 tháng 5 năm 1964
- C.S, 1964. Hồ Chí Minh lấy bút hiệu C.S. viết bài “Chó Mỹ” đăng trên Nhân Dân, ngày 10 tháng 9 năm 1964.
- Lê Nông, 1964. Bút danh này dùng trong các năm 1964-1966. “Một Mẫu Tây Gặt Được 13 Tấn Thóc”, đăng trên Nhân Dân, từ 15-18 tháng 9 năm 1964.
- L.K, 1964. Hồ Chí Minh dùng bút danh L.K. viết bài “Báo Chí Anh Lật Trần Âm Mưu của Mỹ ở Việt Nam.”
- K.O, 1965. Hồ Chí Minh ký bút danh K.O. trong bài “Người Mới Việc Mới” đăng trên báo Nhân Dân, ngày 10 tháng 9 năm 1965. Bài viết về gương người làm việc tốt được “Bác Hồ” thưởng huy hiệu.
- Lê Ba, 1966. Bút danh Lê Ba Hồ Chí Minh dùng viết thư “Trả Lời Ông Men Xphin Thượng Nghị Sĩ Mỹ” đăng trên Nhân Dân, số 4407, ngày 30 tháng 4 năm 1966. Bài viết kêu gọi Hoa Kỳ ngưng chiến tại Việt Nam.
- La Lập, 1966. Hồ Chí Minh dùng bút danh La Lập viết bài “Tổng Giôn Phạm Tội Ác Tày Trời” đăng trên Nhân Dân, số 4508, ngày 10 tháng 8 năm 1966.
- Nói Thật, 1966. Hồ Chí Minh dùng bút danh này viết 4 bài báo đăng trong báo Nhân Dân năm 1966.

- Chiến Đấu, 1967. Trong thời gian Hồ Chí Minh chữa bệnh tại Trung Cộng, ông viết 2 bài báo với bút danh Chiến Đấu. Một bài có tựa “Lại Thêm Một Thắng Lợi To Lớn của Trung Quốc Anh Em”, đăng trên Nhân Dân, số 4823, ngày 24 tháng 6 năm 1967.
- B, 1968. Ngày 10 tháng 3 năm 1968, Hồ Chí Minh gửi thư cho Lê Duẩn, ký tên B. Nội dung thư liên hệ về việc Hồ Chí Minh đi thăm miền Nam. Trong những năm 60, bí danh B. cũng được dùng để gửi thư các đồng chí trong bộ chính trị.
- Việt Hồng, 1968. Hồ Chí Minh ký bút danh Việt Hồng viết bài “Vừa Đi Đường Vừa Kể Chuyện Về Các Mác” đăng trên Nhân Dân, số 5137, ngày 5 tháng 5 năm 1968.
- Đinh Nhất, 1968. Tháng 5 năm 1964, Hồ Chí Minh đi Côn Minh dùng bí danh này. Hồ Chí Minh gửi thư Chu Ân Lai và Đặng Dĩnh Siêu, ngày 25 tháng 5 năm 1968, cũng dùng bí danh Đinh Nhất.
- Trần Dân Tiên. Gần đây các nhà nghiên cứu và sưu tầm cho rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng dùng bí danh hoặc bút danh này, tuy nhiên vẫn chưa rõ được dùng vào thời điểm và bối cảnh cụ thể nào.

Hiện vẫn còn khoảng 30 tên gọi, bí danh, bút danh được cho là của Hồ Chí Minh, nhưng chưa có cơ sở để khẳng định chắc chắn hoặc chứng minh cụ thể Bác đã dùng vào thời gian nào, trong trường hợp nào, nên vẫn chưa thể công bố chính thức. Chúng tôi sẽ tiếp tục sưu tầm và giới thiệu đến độc giả.

Ban Tư liệu

獄中日記 (Ngục trung nhật ký)

獄中日記

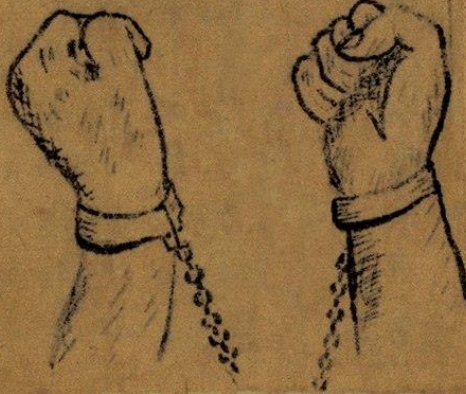
29.8.1932

10.9.1933

身傳在獄中
精神在獄外
敬成大事業
精神更要大。

字
字
字

111111



Nhật ký trong tù

獄中日記 (Ngục trung nhật ký)

NGUYỄN ÁI QUỐC MẠO NHẬN TÁC GIẢ NGỤC TRUNG NHẬT KÝ

Đảng Cộng sản Việt Nam ghi Nguyễn Ái Quốc là tác giả quyển “Ngục Trung Nhật Ký” thế nhưng GS Lê Hữu Mục đã viết cuốn Hồ Chí Minh không phải là tác giả Ngục Trung Nhật Ký sau khi coi kỹ nội dung cũng như hình thức, nhất là cái bìa trước với thời gian ở tù của hai người khác nhau xa tới 10 năm. Năm 1941-1942: Nguyễn Ái Quốc bị Tàu bắt tù ở Liễu Châu, trong khi tác giả của Ngục Trung Nhật Ký là người Tàu bị cầm tù từ 29-8-1932 đến 10-9-1933. Hồ Chí Minh lấy sách của người ta đưa in, nhưng khi được hỏi không dkhẳng định là của mình. Trong khi đàn em và đám bồi bút cứ thế nhắm mắt ca tụng. Những dữ kiện cho thấy của người khác qua việc Hồ Chí Minh với bút danh Trần Dân Tiên viết về chuyện bị bắt giam. Là người Việt Nam, một đảng viên CS quốc tế, thế mà không thấy trong tập thơ nói gì tới đất nước và chủ nghĩa CS cả, mà lại nói về Trung Hoa Quốc Dân Đảng! và viết bằng tiếng Tàu? Tập thơ là Hồ Tập Chương người Tàu Hán theo Quốc Dân Đảng nhưng bị nghi ngờ là “Hán gian” nên bị bắt. tập thơ "Ngục trung Nhật Ký" ("Nhật ký trong Tù") vốn gây nhiều tranh cãi về vấn đề ai là tác giả mà nhà cầm quyền Cộng sản Việt Nam đã từng tung ra rất nhiều sách để ca tụng tác giả Hồ Chí Minh.

Tác giả tập thơ "Ngục trung Nhật Ký" được Giáo sư Hồ Tuấn Hùng chứng minh rất cụ thể qua từng ý nghĩa, cũng như nguồn gốc của chữ, cách chơi chữ của một người lão luyện về Hán tự mà một Nguyễn Ái Quốc tức Nguyễn Tất Thành không tài nào có thể có được một kiến thức sâu rộng về Trung văn đến như thế vì trình độ Hán văn của Nguyễn Tất Thành chỉ là sơ cấp. Mặc dù sau này, Nguyễn Tất Thành được Tăng Tuyết Minh, người vợ Quảng Châu đầu tiên của ông ta, dạy thêm về tiếng Quảng nhưng đó cũng chỉ là văn nói hơn là văn viết. Tiếng Tàu đơn âm cũng như tiếng Việt, nên học nói rất dễ nhưng học viết lại là một vấn đề khác. Những áng văn thơ điêu luyện trong tập thơ, chỉ có những người bản xứ mới hiểu thấu. Đó là nhận định của Giáo sư với tư cách là người cùng địa phương của tác giả "Ngục trung Nhật ký."

Thật vậy, những chi tiết sau đây chứng tỏ Nguyễn Ái Quốc không phải là tác giả “Ngục Trung Nhật Ký”: Mở đầu tập nhật ký tác giả tự xưng là Lão Phu, là người già cả, trong khi đó Nguyễn Ái Quốc chỉ mới 51-52 tuổi. Trong bài bài 40, Lạc Liễu Nhất Chích Nha (Rụng mất một chiếc răng) của Ngục Trung Nhật Ký, Nguyễn Ái Quốc chưa già làm gì mà rụng răng, chưa có một hình ảnh nào Nguyễn Ái Quốc mất một cái răng. Bài 42, Nhai Thượng (Trên đường phố), nếu Hồ Chí Minh là người Việt thì sao bị coi là "Hán Gian"? Bài 44, Trung Bình Gia Quyển (Gia quyển bị bắt lính), nhà Nguyễn Ái Quốc đâu có ai bị trung bình đâu mà đem tâm tình ấy ra than thở? Đặc biệt, trong bài cổ động kháng chiến chống Nhật, ca ngợi Thống Tướng Đảng Trưởng Tướng Giới Thạch hay bài khen con gà trống cạnh nhà tù bài 52 (Thính kê minh) nhờ tiếng gáy của nó đánh thức dân Tàu dậy mà thực hiện lòng ái quốc.

Nếu quả thật Nguyễn Ái Quốc là tác giả tập thơ Ngục Trung Nhật Ký trong thời gian ở tù tại Quảng Tây hơn 1 năm từ 8-1942 đến 10-1943 mà viết cả tập thơ như vậy, sao khi ở tù Hồng Kông 6-1931 đến 1-1933, gần 2 năm mà không thấy viết một bài thơ nào cả!? Chính Hồ Chí Minh đã tự nhận là không biết làm thơ mà chỉ tìm chữ rồi ghép lại nên khi làm câu thơ “Tiến lên chiến sĩ đồng bào” thì giới nghiên cứu liền lên tiếng viết tiếp “Mới nghe đã biết thằng nào làm thơ!!!”

Đọc cả tập thơ không thấy nói gì tới danh nhân, địa danh Việt Nam. Trong quyển “Những mẩu chuyện về Hồ Chí Minh” bút danh Trần Dân Tiên và “Vừa đi vừa kể truyện” bút danh Tuyết Lan với khẩu khí đều nói tới chí hướng của Hồ Chí Minh, thế mà trong tập thơ Ngục Trung Nhật Ký lại không có một bài thơ nào nói lên “Cái gọi là tâm huyết, chí khí ấy”!!! Điều này chứng tỏ Hồ Chí Minh không phải là tác giả tập thơ Ngục Trung Nhật Ký.

HỒ TẬP CHƯƠNG NHẬP VAI NGUYỄN ÁI QUỐC LẤY TÊN LÀ HỒ CHÍ MINH

Cuối năm 1938, Hồ Tập Chương là cán bộ của quốc tế cộng sản nên qua Trung Quốc dễ dàng. Tại Lan Châu thủ phủ tỉnh Cam Túc, Tây Bắc Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc mang phù hiệu Bát lộ quân, quân hàm thiếu tá và giấy tờ mang tên Hồ Quang. Hồ Tập Chương được Quốc tế Cộng sản cho nhập vai Nguyễn Tất Thành- Nguyễn Ái Quốc nên tìm cách tiếp xúc với các tổ chức người Việt yêu nước tại Trung Quốc như Hồ Học Lãm đại diện Việt Nam Độc Lập Vận động Đồng Minh Hội của Kỳ Ngoại Hầu Cường Đê. Đầu năm 1942, tại thành phố Quý Dương, Trung Hoa; cụ Hồ Học Lãm (Tên tự là Hồ Chí Minh) qua đời, người nhà cụ Lãm mới đưa giấy tờ tùy thân của cụ Lãm cho Hồ Tập Chương sử dụng. Sau đó Hồ Tập Chương bị chính quyền Trung Hoa bắt giam vì nghi ông ta là gián điệp của Nhật. Hồ Tập Chương trưng ra giấy tờ tùy thân là một công dân của Trung Hoa tên là Hồ Chí Minh và một thẻ nhà báo cũng tên Hồ Chí Minh...²¹ Gia đình ông Lãm giới tập thơ chép tay của cụ Lãm cho Hồ Tập Chương. Hồ Tập Chương giữ tập thơ để ngâm nga đỡ buồn trong những ngày còn ở trong tù. Vô tình phần sau của tập thơ còn nhiều trang giấy trắng nên ghi thêm vào đó những điều cần ghi nhớ trong những ngày còn bị giam.

Sau khi ra khỏi tù ông Hồ Tập Chương trả tập thơ lại cho Hồ Diệc Lan là con gái của ông Hồ Học Lãm, trong đó có một số ghi chép của Hồ Tập Chương. Năm 1946, Hồ Diệc Lan bị bệnh mất, chồng của Diệc Lan là Trung tướng Lê Thiết Hùng tiếp tục lưu giữ tập thơ Ngục Trung Nhật Ký. Đến năm 1958, chính quyền CSVN cho thành lập “Viện Bảo tàng Cách mạng”, Tướng Lê Thiết Hùng bèn tặng Viện bảo tàng tập thơ có tựa đề là Ngục Trung Nhật Ký, Trần Huy Liệu là Viện trưởng Viện Nghiên cứu lịch sử Đảng biết có sự nhầm lẫn về tác giả của tập thơ nên hỏi ý kiến của ông Phạm Văn Đồng là Trưởng ban Tuyên huấn của Trung ương Đảng. Phạm Văn Đồng xác nhận đó là bút tích của Hồ Chủ tịch và bảo sửa lại

²¹ Bùi Anh Trinh: Sự thực về tập thơ Ngục Trung Nhật Ký

những dòng ngày tháng ghi trong trang đầu thành năm 1942 và 1943. Sự thực ông Phạm Văn Đồng biết rằng nửa đầu của tập thơ là 60 bài thơ kỷ niệm những ngày ở tù của ông Hồ Học Lãm (1932-1933) nhưng vẫn đồng ý để tô điểm chân dung của Hồ Chí Minh. Tập thơ có hai phần với hai tuồng chữ khác nhau, phần đầu khoảng 60 bài thơ bằng chữ Hán của cụ Lãm và phần sau là một số trang ghi chép những sự kiện chính trị bằng chữ Hán, chữ Việt và chữ Pháp của Hồ Tập Chương. Ông Phạm Văn Đồng biết sự thật đầu đuôi mọi chuyện nhưng ông cố tình để cho dân chúng hiểu lầm. Sau khi Tô Huy Liệu chết và sau đó là Hồ Chí Minh qua đời thì tác phẩm Ngục Trung Nhật Ký mới được xuất bản với tên Hồ Chí Minh.

BÁT CỔ LIÊM SĨ, LẤY TÊN KHÁC TỰ VIẾT SÁCH ĐỀ CAO CHÍNH MÌNH.

Trong cuốn "Những Mâu Truyện Về Đời Hoạt Động Của Hồ Chủ Tịch" do nxb Văn Học, Hà Nội, phát hành năm 2001, trang 105 và 107... của Trần Dân Tiên tức Hồ Chí Minh kể chuyện: *"Đi liền 10 đêm và 5 ngày, cụ Hồ đến một thị trấn Trung Quốc, chưa kịp nghỉ chân thì chiều hôm đó cụ đã bị bắt và gian khổ lại bắt đầu. Quốc Dân Đảng giam cụ vào nhà lao CHS hơn 2 tuần, ngày thì mang gông, đêm đeo cùm. Trong khi cụ Hồ lê lét tám thân mệt lử từ nhà giam này đến nhà giam khác, có lẽ những việc lớn đang dồn dập trong nước và trên thế giới, ai khuyên bảo đồng chí, ai giúp đỡ và đẩy mạnh việc tổ chức, có lẽ các nước Đồng Minh đã đổ bộ lên Đông Dương, có lẽ Phát-Nhật đã cắn nhau, có lẽ là các đồng chí trong đảng CS Đông Dương và các hội viên của Việt Minh đang đón đầu hỏi nhau cụ Hồ bị tai nạn gì? Lòng cụ Hồ rối như tơ vò vì phải ngồi im vô ích trong khi công việc đang đòi hỏi cụ, mà thời gian đi qua không chờ người..."*. Tóm lại là dù ở tù, Hồ Chí Minh luôn lo âu về tình hình đất nước, các đồng chí trong đảng CS Đông Dương..."

Trong Những mâu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Trần Dân Tiên không dùng hình thức tự truyện, mà thuật chuyện bằng lời một người khác. Ông đóng vai trò một nhà báo xin gặp Hồ Chí Minh để ghi lại tiểu sử của Chủ tịch nhưng không đạt yêu cầu. Trần Dân Tiên phải đi tìm gặp gỡ những người đã từng quen biết với Hồ Chí Minh để hỏi chuyện, thu thập tài liệu rồi viết ra tác phẩm này. Trong tác phẩm có đoạn viết như sau: *"...Nhiều nhà văn, nhà báo Việt nam và ngoại quốc muốn viết tiểu sử của vị chủ tịch nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa, nhưng mãi đến nay, chưa có người nào thành công. Nguyên nhân rất giản đơn: chủ tịch Hồ chí Minh không muốn nhắc lại thân thể của mình. Ngày 2-9-45, lần đầu tiên tôi trông thấy Hồ chủ tịch. Đó là một ngày lịch sử. Ngày hôm ấy, đứng trước rất đông quân chúng hoan hô nhiệt liệt, Hồ chủ tịch trang nghiêm đọc bản Tuyên ngôn độc lập của nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa.*

Ngày thứ hai tôi viết thư xin phép được gặp Hồ chủ tịch. Ngay chiều hôm ấy, tôi rất sung sướng tiếp được thư trả lời của Hồ chủ tịch viết như thế này:

Ngày mai 7 giờ 30 mời chú đến

Ký tên: Hồ chí Minh."

Sau lời mở đầu, tác giả đã thuật lại cuộc đời của Hồ Chí Minh: bắt đầu từ thời thơ ấu ở Nghệ An; đến Sài Gòn nơi ông ra đi tìm đường cứu nước; đến Marseille và Le Havre ở Pháp; đến các chuyến tàu vòng quanh thế giới qua Luân Đôn, Paris, Liên Xô, Trung Quốc, Hồng Kông, rồi cuối cùng trở về Việt Nam, nơi ông lãnh đạo Việt Minh. Khi ông đọc bản Tuyên ngôn Độc lập là lần đầu tiên Trần Dân Tiên và nhiều người khác thấy mặt ông. Đây chỉ là bước đầu của cuộc đấu tranh giành độc lập; tác giả tiếp đó thuật lại hai năm kế tiếp của cuộc đấu tranh rồi dừng lại ở chỗ đó.

Bản về tác giả Trần Dân Tiên viết cuốn sách "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch", đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra nhiều luận điểm để hóa giải quan điểm cho tầng Trần Dân Tiên chính là Hồ Chí Minh tự viết đề đề cao mình. Luận điểm cho rằng quyển sách "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch" ra đời theo sáng kiến của ông Hoàng Quốc Việt (thường vụ Trung ương Đảng) gợi ý cho ông Trần Huy Liệu (Bộ trưởng bộ Tuyên truyền) viết đề giới thiệu cho người nước ngoài về Hồ Chí Minh. Ông Trần Huy Liệu giao cho Vũ Đình Huỳnh, thư ký trợ lý của Hồ Chí Minh chấp bút, xong khởi thảo thì Trần Huy Liệu, Hoàng Quốc Việt, Trường Chinh duyệt để hoàn thiện đem xuất bản. Một luận điểm khác cho rằng tác giả là Đặng Thái Mai hay Trần Ngọc Danh viết dưới bút danh Trần Dân Tiên. Hoặc giả một bài viết trên trang điện tử của Đảng Cộng sản Việt Nam viết mập mờ nước đôi để ai muốn hiểu sao thì hiểu ... Trần Dân Tiên là Hồ Chí Minh, hoặc cũng có thể là một người có chung quan điểm với ông "... Còn nhớ những quan điểm rất rộng mở của Trần Dân Tiên-Hồ Chí Minh:

"Không Tử, Giê-su, Các Mác, Tôn Dật Tiên chẳng phải có cùng một điểm chung đó sao...."

Thế nhưng, Theo nghiên cứu của PGS. Đàm Đức Vượng thì: “Bản thảo đầu tiên được biết đến là bản đánh máy bằng tiếng Pháp hiện không còn được lưu giữ. Chỉ còn lưu bản đánh máy khá mờ dày 126 trang, khổ giấy A4, do Xuân Hiên (tức Phan Mỹ, năm 1947 là Chánh Văn phòng Chủ tịch Chính phủ) dịch từ tiếng Pháp sang tiếng Việt, nhan đề: "Tiểu sử Hồ Chủ tịch". Cuối bản thảo đánh máy đề là dịch xong ngày 10-7-1945, tuy nhiên có chữ viết tay số 7 chèn lên số 5 (tức là thành năm 1947). Cựu Phó Tổng biên tập báo Nhân dân, về sau đào ngũ ra nước ngoài là Bùi Tín trả lời phỏng vấn Đài Á châu Tự do “...Nhân dân, tờ báo của Đảng cộng sản, nói rõ là ông Hồ trong cuộc đời đã dùng đến hơn 30 bí danh khác nhau, trong đó có bí danh Trần Dân Tiên, và khẳng định rõ rằng cuốn "Những mẩu chuyện về đời sống của chủ tịch HCM" là do chính ông Hồ viết ra...

Học giả Mỹ William J. Duiker, trong tác phẩm Ho Chi Minh: A Life đã khẳng định rằng tác phẩm "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch", của nhà sử học tưởng tượng Trần Dân Tiên, được ông Hồ viết vào cuối thập kỷ 1940 và đã được dịch sang nhiều thứ tiếng khác: “...The other, Nhung mau chuyen ve doi hoat dong cua Ho Chu Tich, by the fictitious historian Tran Dan Tien, was written by Ho in the late 1940s and has been translated into several foreign languages...”.

Sophie Quinn-Judge, trong cuốn Ho Chi Minh: The Missing Years, đánh giá quyển Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch như sau: “ Trong khi nó được dựa trên sự thật, những điều nó bỏ qua, tô đậm thêm, và việc nó kiên quyết khẳng định phẩm chất vô sản của Hồ Chí Minh đã biến nó thành một yếu tố tạo ra huyền thoại về ông hơn là một ghi chép nghiêm túc”. (While it is based on fact, its omissions, embellishments, and insistence on Ho Chi Minh's proletarian virtue made it an element in the construction of his myth rather than a serious record).

Nhà sử học Olga Dror, chuyên gia lịch sử Đông Á và Việt Nam thời cận đại, cho rằng “*Dù quyển Những mẫu chuyện là do chính Hồ Chí Minh viết hay chỉ được ông chấp thuận cho xuất bản, tác phẩm đã cho thấy ông có vai trò quan trọng trong việc tạo ra hình ảnh về chính mình... Những mẫu chuyện có thể xem như một văn bản tôn giáo, một cảm nang để miêu tả và cảm nhận Hồ Chí Minh, đặt nền móng cho sự sùng bái ông ta...*”. Tất cả những nhận định trên được chính Hồ Chí Minh xác nhận trong quyển “Vừa đi đường, vừa kể chuyện...” xuất bản lần đầu năm 1950, Hồ Chí Minh lấy bút danh là T. Lan. Hồ Chí Minh dùng bút pháp nhập vai, qua một chiến sĩ trong đoàn tùy tùng của Chủ tịch đi hành quân, vừa đi vừa hỏi chuyện Chủ tịch và ghi chép lại. Cuốn sách này được Hồ Chí Minh viết nhằm mục đích cho nhân dân cả nước thời đó biết rõ về tiểu sử của mình để thêm tin tưởng vào cuộc kháng chiến chống Pháp, và xác nhận rộng rãi với nhân dân rằng mình đã tự viết cuốn sách. Bản thảo gốc hiện lưu trữ tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

HỒ CHÍ MINH KHÔNG PHẢI LÀ NGUYỄN ÁI QUỐC

Tất cả sự thật về cái gọi là “Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân vật Hồ Chí Minh” do Trung Quốc dựng ra được phơi bày rõ ràng trong Hồ Chí Minh Toàn tập. Nhân vật mang tên Hồ Chí Minh viết: “Cuối năm 1929, đồng chí Nguyễn Ái Quốc trở lại Trung Quốc cùng với các đại biểu của các nhóm họp tại Hương Cảng. Trong 7, 8 đại biểu ngoài đồng chí Nguyễn Ái Quốc và tôi, nay chỉ còn đồng chí Hồ Tùng Mậu, đồng chí Trịnh Đình Cửu, đồng chí Lê Tân Anh...”²² Bản báo cáo đầu tiên của văn kiện đảng toàn tập có ghi rõ, trong số 565 đảng viên có 300 đảng viên là người Tàu và trong số 9 ủy viên trung ương lâm thời lúc thành lập đảng ở Hồng Kông, có hai đại biểu của chi bộ đảng cộng sản Trung Quốc trong đó có Hồ Chí Minh (Hồ Quang). Chính vì vậy nên đảng Cộng sản Việt Nam không bao giờ nhắc nhở gì đến tên 2 ủy viên trung ương lâm thời người Trung Quốc! Chính vì có 2 ủy viên trung ương đảng người Trung Quốc nên đệ tam quốc tế Cộng sản bắt phải đổi tên là Đông Dương Cộng sản Đảng để hoạt động trên cả 3 nước Việt, Miên và Lào. Năm 1930-1931, tỉnh báo Anh tại Hồng Kông ghi nhận hoạt động của 2 tổ chức đảng Cộng sản Việt Nam, một do Nguyễn Ái Quốc trực thuộc Quốc tế Cộng sản Moscow và một đảng Cộng sản Việt Nam thứ hai ở Quảng Châu do Hồ Quang tức Hồ Tập Chương lãnh đạo trực thuộc Quốc tế Cộng sản Bắc Kinh, là cấp lãnh đạo trực tiếp của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sau khi thành lập đảng Cộng sản Đông Dương, Khang Sinh thuộc cục Giám sát Điều tra An ninh tỉnh Báo Hoa Nam vẫn liên lạc mật thiết với Nguyễn Ái Quốc. Vào thời điểm này, tỉnh báo sở Hoa Nam của Trung Cộng ghi nhận hoạt động phản gián của Nguyễn Ái Quốc dưới bí danh “PC Lin” viện Lenin nên Khang Sinh (Kang Sheng) nhận lệnh thanh toán Nguyễn Ái Quốc. Khang Sinh ngầm gửi hồ sơ hoạt động của Nguyễn Ái Quốc cho nhà cầm quyền Hồng Kông nên Nguyễn Ái Quốc bị bắt với tội danh xâm phạm an

²² Tập 5 trong Hồ Chí Minh Toàn Tập trang 547: Điều này chứng tỏ Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh là 2 người khác nhau và Hồ Chí Minh chính là Hồ Quang, người Trung Quốc lãnh đạo hơn 300 đảng viên Cộng sản Trung Quốc thuộc phân bộ đảng CS Trung Quốc ở Đông Dương.

ninh. Sau khi phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh bùng nổ, thực dân Pháp ghép Nguyễn Ái Quốc vào tội phá hoại trị an tuyên án tử hình vắng mặt và yêu cầu chính quyền Anh dẫn độ. Ngày 6 tháng 6 năm 1931 Nguyễn Ái Quốc bị cảnh sát Hương Cảng bắt. Quốc tế Cộng sản thuê luật sư Frank Loseby một luật sư người Anh khuyh tả hành nghề tại Hương Cảng bênh vực nên tòa Hương Cảng trục xuất Nguyễn Ái Quốc đi Singapore. Thế nhưng Singapore không nhận, Nguyễn Ái Quốc phải trở lại Hương Cảng và bị kết tội nhập cảnh trái phép. Luật sư Loseby phải đưa vụ kiện lên tòa Luân Đôn. Tòa Luân Đôn phán quyết phóng thích và trục xuất Nguyễn Ái Quốc ra khỏi Hương Cảng đi đâu tùy ý. Sau đó luật sư Loseby giúp Nguyễn Ái Quốc tìm cách đi Mạc Tư Khoa để trị bệnh lao phổi. Trên đường đi, Nguyễn Ái Quốc chết vì căn bệnh ngặt nghèo này... Sự việc Nguyễn Ái Quốc qua đời được nhóm lưu học sinh Việt Nam tại trường Đại học Phương Đông ở Mạc Tư Khoa ghi nhận. Họ cử hành một lễ truy điệu và một phái viên Quốc tế Cộng sản có đến thăm hỏi chia buồn. Năm 1932, sau khi Nguyễn Ái Quốc chết, Quốc tế Cộng sản quyết định cho Hồ Quang (Huji Zhang Hồ Tập Chương) thuộc phân bộ tình báo Hải ngoại nhập vai Nguyễn Ái Quốc xuất hiện với tên Hồ Chí Minh như một bí danh của Nguyễn Ái Quốc. Dưới bí danh Hồ Chí Minh, Hồ Quang người Tàu đã lãnh đạo Cộng sản Việt Nam đứng vào hàng ngũ các nước Cộng sản, phát động cuộc đấu tranh giai cấp, Cộng sản hóa Việt Nam. Một sự thật nữa chứng tỏ Hồ Chí Minh không phải là Nguyễn Ái Quốc vì khi làm Chủ tịch nước bà chị Nguyễn Thị Thanh vào thăm chỉ tiếp có 5 phút ... Ngày 9 tháng 11 năm 1950 khi nghe tin người anh là Nguyễn Sinh Khiêm mất, Hồ Chí Minh viết một điện thư chia buồn dòng họ Nguyễn Sinh... Đặc biệt là sau 46 năm mới trở về thăm quê cha đất tổ Nghệ An, hình ảnh video cho thấy Hồ Chí Minh không thấp nhang lạy bàn thờ Tiên Tổ chứng tỏ rằng Hồ Chí Minh là Hồ Tập Chương. Mặt khác, khi Hồ Chí Minh qua đời thì đảng Cộng sản loan báo chết vì bệnh tim và hồ sơ bệnh lý của Hồ Chí Minh không hề ghi bệnh án tiền sử lao phổi. Điều này chứng minh một cách rõ ràng là Hồ Chí Minh không phải là Nguyễn Ái Quốc tức Nguyễn Tất Thành.

HỒ CHÍ MINH LÀ NGƯỜI TÀU, KHÔNG PHẢI LÀ NGƯỜI VIỆT

Trên tờ báo An ninh biên giới của quân đội nhân dân Việt Nam, số 15, trang 24 với tiêu đề: "Bài báo bằng thơ chữ Hán đầu tiên của Bác Hồ" của tác giả Phạm Duy Trường:

"Nhờ sự giới thiệu của văn phòng Bát lộ quân ở Quế Lâm (TQ). Một buổi tối tháng 11 năm 1940, Nguyễn Ái Quốc (thực ra là Hồ Tập Chương) mang bản thảo bài thơ làm bằng chữ Hán "Cứu Trung Quốc thị cứu tự kỷ" (Cứu Trung Quốc là tự cứu mình) đến số nhà 12, đường Thái Bình là nơi ở của tổng biên tập tờ "Cứu vong nhật báo" tên là Hạ Diễn. Đọc xong bài thơ này Hạ Diễn rất thích, nhưng Hạ Diễn đề nghị người cầm về rồi gửi bằng đường bưu điện đến cho tòa báo để phòng khi bọn Quốc dân đảng lục soát thì Hạ Diễn có chiếc phong bì đã được đóng con dấu bưu điện mang ra đổi phở. Từ đó Nguyễn Ái Quốc (thực ra là Hồ Tập Chương) thường gửi bài đến tòa báo.

"Cứu vong nhật báo" là một tờ báo do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo trong thời kỳ chiến tranh chống Nhật, sáng lập ở Thượng Hải tháng 8 năm 1937, năm 1938 rời về Quảng Châu, đầu năm 1939 rời về Quế Lâm vào tháng 10 năm 1940 và trung tuần tháng 12 thì rời Quế Lâm. Nguyễn Ái Quốc (thực ra là Hồ Tập Chương) đến Quế Lâm vào tháng 10 năm 1940 và trung tuần tháng 12 thì rời Quế Lâm. Trong thời gian đó, Người đã viết cho CỨU VONG NHẬT BÁO tám bài sau đây với bút danh là Bình Sơn:"
Như vậy ta có thể thấy, ông Hồ với bài báo đầu tiên của mình bằng tiếng Hán đã viết một bài thơ có tiêu đề "Cứu Trung Quốc là tự cứu mình". Ngay từ đầu bài chúng ta đã thấy rõ được tâm ý của ông Hồ giành cho Trung cộng. Tại sao cứu Trung quốc lại là tự cứu mình? Hồ Chí Minh là người Tàu nhập vai Nguyễn Ai Quốc nên mới viết bài "Cứu Trung Quốc là tự Cứu mình". Trong khi toàn dân Việt Nam đang oằn oại rên xiết dưới gót giày thống trị của Thực dân Pháp thì Hồ Chí Minh không làm bài thơ nào kêu gọi cứu Việt Nam?

"Tạp chí Hàn Nôm số 1 năm 1990, nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh chủ tịch Hồ Chí Minh đã cho đăng bài: "Cứu Trung Quốc thì cứu tự kỷ" đăng trên tờ "Cứu vong nhật báo" ngày mùng 4 tháng 12 năm 1940. Theo bài viết thì đây là bài thơ chữ Hán sớm nhất của Hồ Chí Minh đăng trên báo. Phác Can phiên âm, dịch nghĩa và dịch thơ:

Cứu Trung Quốc là tự cứu mình
Nhật Bản phát xít ở phương Đông,
Dã man cuồng bạo lại tàn hung.
Vào Trung Hoa gây chiến xâm lược,
Nhân dân Trung Quốc khổ vô cùng.
Người thì bị giết, nhà bị thiêu,
Núi đầy xương, đất đầy máu đỏ.
Tàu bay, bom đạn, tránh làm sao?
Đói rét, ốm đau, sống thật khó.
Họ đang đấu tranh rất gian khổ,
Giữ gìn dân chủ và hòa bình.
Họ đang cần có người viện trợ,
Họ đang cần được sự đồng tình.
Giặc Nhật tấn công cả thế giới,
Là kẻ thù chung toàn nhân loại.
Mau đứng lên mà giúp Trung Hoa,
Anh chị em Việt Nam ta hồi!
Ra sức giúp cho người Trung Quốc,
Trung Việt khác nào môi với răng.
Nhớ rằng môi hở thì răng buốt,
Cứu Trung Quốc là tự cứu mình.
Bình Sơn
4- 12- 1940

Mặt khác Hồ Chí Minh là người Tàu nên đã chỉ thị cho Trường Chinh kêu gọi dân ta bỏ chữ quốc ngữ để học chữ Tàu, uống thuốc Bắc (Tàu) để Hán hóa Dân tộc Việt và làm chư hầu cho Trung cộng. Tờ nhật báo "Tiếng Dội" số 462, năm thứ 3, 1951, Âm lịch 22 tháng Bảy năm Tân Mão, giá bán 1 đồng, của Chủ nhiệm Trần Chí Thành

tự Trần Tấn Quốc, Tòa soạn, Quản lý 216 đường Gia Long Sài Gòn, có bài mang tựa đề “Việt Minh vận động cho Việt Nam làm chủ hâu Trung Quốc”, cho in nguyên văn một tờ truyền đơn do Trường Chinh ký như sau:

ỦY BAN HÀNH CHÍNH KHÁNG CHIẾN VIỆT NAM DÂN CHỦ
CỘNG HÒA
NĂM THỨ VII
TỔNG THƯ KÝ ĐẢNG LAO ĐỘNG VN
SỐ: 284/LĐ ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

Hỡi đồng bào thân mến!

Tại sao lại nhận vào trong nước Việt Nam yêu mến của chúng ta, là một nước biết bao lâu làm chủ hâu cho Trung quốc, cái thứ chữ kỳ quặc của bọn da trắng Tư Bản đem vào!

Tại sao ta lại truyền bá trong dân chúng từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau, cách viết chữ dị kỳ của tên thực dân Alexandre de Rhodes đã đem qua xứ mình như thế?

Không, đồng bào của ta nên loại hẳn cách viết theo lối Âu Tây ấy - một cách viết rõ ràng có mau thật đấy - và ta hãy trở về với thứ chữ của ông bà ta ngày trước, là thứ chữ nho của Trung Quốc.

Và chẳng, người Trung Hoa, bạn của ta - mà có lẽ là thầy của chúng ta nữa, ta không hổ thẹn mà nhìn nhận như thế - có phải là dân tộc văn minh trước nhất hoàn cầu không? Còn nói gì đến y khoa của Âu Mỹ: Chúng chỉ cắt, đục, khoét, nạo! Có thể thôi!

Hỡi đồng bào yêu mến! Chúng ta hãy gạt bỏ cách chữa bệnh của bọn Đế quốc phương Tây đem qua xứ ta!

Ta hãy bỏ nhà bảo sanh của chúng, bỏ bệnh viện của chúng, ta hãy dùng thuốc dán của ông cha ta để lại và nhất là dùng thuốc Tàu danh tiếng khắp cả hoàn cầu!!!!

Ta hãy trở về phương pháp này, trước nữa để ủng hộ các bạn Trung Hoa, sau nữa để loại ra khỏi nước Việt Nam yêu mến của ta bao nhiêu những đồ nhập cảng thực dân như là khoa học, phát minh v.v... Ta hãy quét sạch lũ “trí thức” đã xuất thân ở các trường Âu Mỹ, đế quốc và thực dân!

Chức “Tổng phản công” và “Thi hành mọi phương pháp bài trừ thực dân”.

Trường Chinh, Tổng thư ký đảng Lao Động²³

Hồ Chí Minh là người Tàu, Trường Chinh xem Trung Quốc là thầy nên trong cuốn sách “Mao chủ tịch của tôi” bởi nhà Xuất bản Trung ương Trung quốc của tác giả Hà Cẩn (Viện văn học Trung quốc) in năm 1997 và tái bản năm 2000. Cuốn sách dày 438 trang có đoạn trang 126 nói về quan hệ với Việt Nam. Trong có đoạn được tạm dịch như sau: “*Mao chủ tịch đánh giá việc Việt Minh đã từng muốn dùng tiếng Trung Quốc thay cho chữ quốc ngữ Việt Nam là một hành động cho thấy trước sau gì Việt Nam sẽ thuộc về chúng ta, ít nhất là về văn hóa*”.

²³Đầu tiên, số báo Tiếng Dội này nằm trong Thư Viện tiếng Việt thuộc Bảo Tàng Viện Anh Quốc (British Museum - London). Bạn đọc hoàn toàn có thể kiểm chứng. Chúng ta cũng phải nhìn nhận về tờ báo Tiếng Dội như sau. Các văn bản, bài báo được lưu trữ trong văn khố của các nhà nước có tiến bộ như Anh, Mỹ, Pháp... đều là những tác phẩm có giá trị về mặt nội dung cũng như sự thật lịch sử được nghiên cứu và chọn lọc kỹ lưỡng. Sự việc được lưu trữ trong văn khố của viện bảo tàng nước Anh cho thấy tính xác thực của bài báo nói trên trong tờ báo Tiếng Dội. Đó là bằng chứng đầu tiên cho thấy sự tồn tại sắc lệnh của Trường Chinh là có thật.

Thứ hai, Hiện nay tại Trung tâm lưu giữ quốc gia I, Việt Nam có một văn bản lưu giữ như nội dung bài báo Tiếng Dội cho đảng. Văn bản này được lưu giữ trong kho văn thư trước năm 1945 của đảng cộng sản Việt Nam. Văn bản tuy mất một phần dưới góc do yếu tố thời gian không thể thấy được chữ ký của ai nhưng trên đầu của sắc lệnh ghi rõ do đảng Lao động Việt Nam (tên khác của đảng cộng sản) ban hành.

HỒ CHÍ MINH LÀ HỒ TẬP CHƯƠNG NGƯỜI TÀU

Nhìn lại lịch sử, chúng ta thấy Hán tộc thâm độc quỷ quyết không từ bỏ một thủ đoạn nào để tiêu diệt dân tộc Việt. Thật vậy, sau khi Triệu Vũ Đế mất thì Hán vương sai Trang Trợ sang Nam Việt chiêu dụ Triệu Văn Vương vào châu. Triệu Văn Vương cáo bệnh tìm cơ thoái thác và sai Thái tử Anh Tề sang làm con tin. Trong thời gian Anh Tề ở Trường An, Hán triều đã tạo điều kiện để dàn xếp mỗi mai một cuộc hôn nhân dị chủng với Cù Thị người Hán để khi người con sinh ra sẽ có dòng máu Hán trong người. Sự việc diễn ra theo đúng kế hoạch đã vạch sẵn. Năm Mậu Thìn 113 TDL, Triệu Minh Vương mất, con là Thái Tử Hưng lên ngôi nối ngôi lấy hiệu là Triệu Ai Vương. Vừa lên ngôi, Ai Vương tôn mẹ (người Hán) là Cù Thị lên làm Thái hậu. Hán triều vội cử An Quốc Thiếu Quý sang sứ Nam Việt. Thiếu Quý trước là người tình của Cù Thị được Hán triều cử sang Nam Việt với mục đích chiêu dụ Ai Vương đem Nam Việt sát nhập vào Hán theo chế độ nội thuộc nghĩa là nội chư hầu, cứ ba năm vào châu một lần, bãi bỏ các cửa quan ải ngoài biên giới.²⁴

Với bản chất thâm độc quỷ quyết, đảng Cộng sản Trung Quốc chỉ thị cho vợ Chu Ân Lai đứng ra mai mối cho Nguyễn Ái Quốc lấy nữ đảng viên Cộng sản Trung Quốc là Tăng Tuyết Minh cũng không ngoài mục đích cấy gen Hán vào dòng dõi Nguyễn Ái Quốc. Thế nhưng, hoàn cảnh khách quan tác động nên Nguyễn Ái Quốc phải công tác xa Tăng Tuyết Minh... Sau khi Nguyễn Ái Quốc chết, Quốc tế Cộng sản cho Hồ Quang người Tàu đóng vai Nguyễn Ái Quốc với bí danh Hồ Chí Minh đặt dưới sự chỉ huy của Mao Trạch Đông để thực hiện ý đồ Cộng sản hóa Đông Dương và từng bước Hán hóa dân tộc Việt. Hồ Quang là một cán bộ tình báo cao cấp, tốt nghiệp Học viện Quân Sự Hoàng Phố cùng với các thanh niên Việt Nam yêu nước thời bấy giờ. Thiếu tá tình báo sở Hoa Nam Hồ Quang tên thật là Hồ Tập Chương, người Hẹ gốc Mân Việt (Min

²⁴ Kinh nghiệm của một Lã Bất Vi trong lịch sử nên Triệu Ai Vương có thể là con của Thiếu Quý và Cù Thị nghĩa là Hán tộc đã tìm cách đưa một tên người Hán về làm vua Nam Việt.

Yue) là 1 chi tộc trong cộng đồng Bách Việt nên cùng chung sinh hoạt văn hóa, phong tục tập quán giống như người Việt. Sau một thời gian được Quốc Tế Cộng sản chỉnh sửa nhân dáng, học cách nói giọng Nghệ An, huấn luyện kỹ lưỡng thuần thực, Hồ Chí Minh, đội lột Nguyễn Ái Quốc chính thức lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam. Chính vì vậy, ngay từ năm 1934 trong cuộc gặp Chu Ân Lai, Hồ Chí Minh tuyên bố rằng “Việt Nam và Trung Quốc tuy hai mà một: Một dân tộc, một nền văn hóa, một phong tục và một Tổ Quốc”. Để tiến hành kế hoạch “Hán hóa Việt Nam”, Mao Trạch Đông cho nhân vật Hồ Chí Minh đội lột Nguyễn Ái Quốc chính thức chủ trì phiên họp của Đảng Cộng Sản Đông Dương ngày 19 tháng 5 năm 1941 tại Pắc Bó thành lập Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội gọi tắt là Mặt Trận Việt Minh.

Trong tiểu sử Hồ Chí Minh của Đảng Cộng Sản Việt Nam và trên trang Wikipedia đều ghi rõ năm 1938, Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô trở về với tên Thiếu tá Hồ Quang như sau: “ Nguyễn Ái Quốc đến Moskva vào mùa xuân năm 1934. Với bí danh Lin, Nguyễn Ái Quốc học ở Trường Quốc tế Lenin (1934–1935). Sau đó dưới tên Linov, ông dự Đại hội lần thứ 7 Đệ Tam Quốc tế (từ 25 tháng 7 đến 20 tháng 8 năm 1935) với vai trò quan sát viên của Ban Thư ký Dalburo. Trong thời gian này, Nguyễn Ái Quốc bị Ban Lãnh đạo Hải ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương viết thư gửi Quốc tế Cộng sản kết tội phải chịu trách nhiệm chính về việc hơn 100 đảng viên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên bị bắt, do việc ông biết Lâm Đức Thụ trước đây là kẻ phản bội mà vẫn tiếp tục sử dụng. Nguyễn Ái Quốc bị buộc phải ở Liên Xô cho đến năm 1938, bị giam lỏng vì nghi ngờ lý do ông được nhà cầm quyền Hồng Kông trả tự do. Quốc tế Cộng sản thành lập Ban Thẩm tra vì nghi ngờ sự trung thành chính trị của Nguyễn Ái Quốc nhưng không tìm ra chứng cứ cho thấy điều này, nên hồ sơ vụ việc đã được Ban Thẩm tra quyết định hủy bỏ và được tham gia lớp nghiên cứu sinh Viện Nghiên cứu các Vấn đề Dân tộc và Thuộc địa của Quốc tế Cộng sản.

Trong những năm 1931-1935, Nguyễn Ái Quốc bị Trần Phú và sau đó là Hà Huy Tập phê phán về đường lối cải lương "liên minh

với tư sản và địa chủ vừa và nhỏ", không đúng đường lối đấu tranh giai cấp của Đệ Tam Quốc tế. Trong một bức thư gửi cho tổ chức Đệ Tam Quốc tế vào tháng 3 năm 1935 với nội dung kể về phong trào cách mạng tại Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc đã bị phê phán nặng nề. Bức thư này có ghi nhận về "tàn dư của tư tưởng dân tộc cách mạng pha trộn với chủ nghĩa cải lương, chủ nghĩa duy tâm của đảng của các đồng chí Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và của đồng chí Nguyễn Ái Quốc". "Những tàn dư ấy rất mạnh và tạo thành một chướng ngại nghiêm trọng cho sự phát triển chủ nghĩa cộng sản. Cuộc tranh đấu không nhân nhượng chống những học thuyết cơ hội này của đồng chí Nguyễn Ái Quốc và của Đảng Thanh niên là rất cần thiết (...). Chúng tôi đề nghị đồng chí Lin viết một cuốn sách để tự phê bình những khuyết điểm đã qua". Sở dĩ có việc phê phán này là do bất đồng giữa Nguyễn Ái Quốc và một số đồng chí về các lực lượng tham gia, cần tranh thủ trong hoạt động cách mạng, dẫn đến suy nghĩ cho rằng Nguyễn Ái Quốc ưu tiên giải phóng dân tộc hơn là đấu tranh giai cấp. Vào thời điểm đó, Quốc tế Cộng sản dưới sự lãnh đạo của Stalin, đặt đấu tranh giải phóng dân tộc đi cùng với đấu tranh giai cấp. Trong giai đoạn này, Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập lần lượt làm Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương còn Hồ Chí Minh chỉ đảm nhiệm công tác liên lạc giữa Quốc tế Cộng sản và các đảng cộng sản tại Đông Nam Á.

Năm 1938, Nguyễn Ái Quốc thật ra là Hồ Chí Minh trở lại Trung Quốc trong vai Thiếu tá Bát lộ quân với tên là Hồ Quang, đến công tác tại văn phòng Bát lộ quân Quế Lâm, sau đó đi Quý Dương, Côn Minh rồi đến Diên An, căn cứ đầu não của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Hồng quân Trung Quốc đầu năm 1939. Đầu tháng 1 năm 1941, Hoàng Văn Thụ, Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng từ Việt Nam sang Tỉnh Tây (Quảng Tây, Trung Quốc) gặp Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) để báo cáo kết quả xây dựng và củng cố An toàn khu Cao Bằng. Hoàng Văn Thụ đề nghị ông về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua lối Cao Bằng. Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) cũng nhận định Cao Bằng sẽ mở ra triển vọng lớn cho cách mạng, và quyết định trở về nước sau 30 năm ở nước ngoài ngày 28 tháng 1 năm 1941 với hành lý là một

chiếc vali nhỏ đan bằng mây tre để đựng quần áo và một chiếc máy chữ xách tay.²⁵

Vấn đề đặt ra là đảng Cộng sản Việt Nam muốn chứng minh rằng Nguyễn Ái Quốc vẫn còn sống nên cho nhập vai Thiếu tá Hồ Quang của đệ bát lộ quân trong khi Nguyễn Ái Quốc chưa hề nhập ngũ. Hồ Quang là Hồ Tập Chương, như vậy đảng Cộng sản đã gián tiếp xác nhận Hồ Chí Minh là Hồ Tập Chương. Thật vậy, theo hồi ký của Trịnh Siêu Lân (Zhengchao Lin)", cũng mô tả một sự kiện Hồ Chí Minh ở tù tại Quảng Châu. Đây là chi tiết chứng minh rõ ràng Hồ Tập Chương chính là Hồ Chí Minh, có quê tại huyện Miêu Lật (Miaoli) Đài Loan cũng đã xác nhận Hồ Tập Chương (Hồ Chí Minh) làm vua tại Việt Nam, họ truyền tụng rằng "Năm 1938, Hồ Tập Chương có một em trai bị Quốc Dân Đảng lưu đày tại Quảng Châu, lúc này Hồ Tập Chương gia nhập quân đội Nhật Bản tại Đài Bắc được tuyển dụng công tác Hồng Kông như là một thông dịch viên hải quân. Theo báo "Nichinichi News" vào giữa tháng 12 năm 1938, Hồ Tập Chương đến Quảng Châu thăm em trai, cho biết em dâu của mình đã hạ sinh một đứa cháu trai tên là Thụ Quang. Cho nên năm 1939, Hồ Tập Chương lấy bí danh Hồ Quang.

Sau đó Hồ với cha trở lại Đài Loan, Hồ Tập Chương bắt đầu vui mừng trao đổi với các anh em trong gia đình câu đầu tiên: "Chúng tôi làm mọi thứ để chạy vượt qua những nguy hiểm, nào là trạm kiểm soát, thậm chí gặp cướp biển trên chiếc tàu buôn lậu". Thực ra Hồ Tập Chương về Đài Loan thăm gia đình do Chu Ân Lai hỗ trợ, Hồ Tập Chương còn cho biết: "Chúng tôi tham gia vào hoạt động gián điệp, sẽ gặp rất nhiều nguy cơ trong cuộc sống và các điệp vụ đặc biệt sau khi trở về nhà mới biết mình còn sống, cha và gia đình hãy thận trọng không nên chú ý đến tôi, nay mai tôi sẽ đến Vân Nam, và làm việc tại Việt Nam, nếu như thành công Tôi sẽ không về nhà". Từ đó Hồ Tập Chương chính thức đóng vai Hồ Chí Minh của đảng Cộng sản Việt Nam.²⁶

²⁵ Wikipedia tiếng Việt.

²⁶ Huynhtam Blogspot.com

Giáo sư Hồ Tuấn Hùng trong Hồ Chí Minh Sinh Bình Khảo khẳng định: "Hồ Chí Minh sau năm 1933 chính là Hồ Tập Chương đến từ Miêu Lạt, Đông La, Đài Loan, tuyệt đối không phải là Nguyễn Ái Quốc chính là bác ruột của Giáo sư Hồ Tuấn Hùng". Hồ Tập Chương sinh ngày 11-10-1901 tại Đài Loan thời kỳ Nhật chiếm đóng. Năm 20 tuổi ông tốt nghiệp Đại Học Công Nghiệp Đài Loan và mở tiệm bán thuốc Đông Y, dùng thì giờ còn lại kết hợp bạn bè, nghiên cứu chủ nghĩa Cộng sản chống ách cai trị của Nhật. Năm 1926 lập gia đình với bà Lâm Quế, năm 1929 có con gái đầu lòng là Hồ Tố Mai. Sau đó trốn đi Thượng Hải gia nhập Đảng Cộng sản Trung quốc và trở thành một ủy viên của Quốc tế Cộng sản.

Năm 1933 Quốc tế Cộng sản gọi Hồ Tập Chương về Mạc Tư Khoa điều tra về một công tác bị nghi ngờ trong năm 1930. Ban điều tra gồm 3 người: Dmitry Manuilsky, Vera Vasilieva và Khang Sinh. Khang Sinh cũng là đảng viên đảng Cộng sản Trung quốc phụ trách mật vụ. Bà Vera Vasilieva đã bênh vực Hồ Tập Chương và ông khỏi bị án tử hình.

Trong thời gian điều tra, bà Vasilieva thấy quá khứ của Hồ Tập Chương khá giống với quá khứ của Nguyễn Ái Quốc và lại là người cùng với Nguyễn Ái Quốc thành lập đảng Cộng sản Đông Dương nên nảy ra sáng kiến và đề nghị với Quốc tế Cộng sản dùng Hồ Tập Chương thay thế Nguyễn Ái Quốc. Một chương trình 2 điềm được thực hiện: huấn luyện Hồ Tập Chương để thay thế nhân thân Nguyễn Ái Quốc. Chương trình huấn luyện này kéo dài 5 năm từ 1933 đến 1938 tại trường Đại Học Lenin chuyên nghiên cứu vấn đề dân tộc và chủ nghĩa thực dân thuộc chuyên ngành của Nguyễn Ái Quốc, đồng thời học những tập quán thói quen của Nguyễn Ái Quốc, và các ngôn ngữ Nguyễn Ái Quốc thông thạo như Việt ngữ, Pháp và Anh Ngữ. Ngụy tạo sự việc để che dấu cái chết của Nguyễn Ái Quốc cho rằng cái tin chết trước đây chỉ là cái cớ để Nguyễn Ái Quốc để trốn tránh.

本書作者胡俊然認為，下面這張已經是他叔公胡集璋了；照片翻攝自越南通訊社《胡志明主席謙昭和中業》，1934年在莫斯科拍攝。



1938-11-12，台灣日日新報，介紹一位在廣東越南一帶，為台灣拓植株式會社工作的台灣人胡集璋（寫真係胡集璋君）。此照片是胡氏家族唯一找得到的胡集璋的照片；胡集璋加入台灣共產黨後，把家裡幾乎所有檔案資料全部銷毀了。當年桃竹苗苗屬新竹州，所以縣城裔胡集璋是新竹人。



Năm 1934, Hồ Tập Chương (Hồ Chí Minh) tại Moscow. Tài liệu quá hiếm của gia đình họ Hồ, Hồ Tập Chương gia nhập Đảng Cộng sản ở Đài Loan, hầu hết những tài liệu lưu trữ của gia đình bị phá hủy. Nguồn ảnh: lấy từ VNA.

Thời gian này Hồ Tập Chương không được liên lạc với gia đình và thân nhân ở Đài Loan nghĩ rằng ông đã chết. Năm 1938 sau khi chương trình huấn luyện hoàn tất, Hồ Tập Chương mang bí danh Hồ Quang được gọi về Trung quốc hoạt động với tên Nguyễn Ái Quốc. Lúc này lực lượng của Mao Trạch Đông sau cuộc Vạn lý Trường chinh (1934-1935) thành công, đã an toàn ở Diên An và Mao Trạch Đông không muốn bị ràng buộc chặt chẽ với Quốc tế cộng sản như trước. Đó là lý do tại sao Hồ Quang thay vì đi thẳng về Quảng Tây để chuẩn bị cho công tác Đông Dương lại được Quốc tế Cộng sản gọi về Diên An để truyền lệnh của Quốc tế cộng sản và trao đổi chương trình hoạt động. Theo quan điểm của Quốc tế cộng sản nhu cầu liên minh với Quốc Dân Đảng để chống Nhật vẫn còn là một nhu cầu cấp thiết. Đến Diên An, Hồ Quang trao mật lệnh của Quốc tế Cộng sản cho Mao Trạch Đông là cần tiếp tục hợp tác với Tưởng giới Thạch trong một mặt trận chống Nhật Bản. Sau đó đảng cộng sản Trung quốc đưa Hồ Quang về Quảng Tây.

Về Quế Lâm, Hồ Quang làm việc cho Bát lộ quân dưới quyền của tướng Lý Khắc Nông chuẩn bị cho công tác Đông Dương. Thời gian này Hồ Quang theo học khóa đào tạo cán bộ du kích chiến của Mao Trạch Đông và hoàn tất trong năm 1939. Tháng 2 năm 1940 Hồ Quang đi Côn Minh và qua đảng Cộng sản Trung quốc đã liên lạc được với Đảng bộ hải ngoại vừa được thành lập của đảng Cộng sản Đông Dương. Giữa năm 1940 khi gặp một số cán bộ từ Việt Nam mới qua trong đó có Võ Nguyên Giáp từ Việt Nam qua tháng 5 năm 1940. Hồ Quang được giới thiệu là đồng chí Nguyễn Ái Quốc làm mọi người rất vui mừng vì đã gặp được lãnh tụ! Hồ Quang định gọi Võ Nguyên Giáp và Hoàng Văn Hoan lên Diên An học tập chủ thuyết Cộng sản và chương trình kháng Nhật, một chương trình do Khang Sinh phụ trách.

Trong khi chờ đợi thì tình hình Âu châu biến chuyển. Tháng 6 năm 1940 Đức quốc xā chiếm Paris. Toàn quyền Decoux tại Đông Dương đặt mình dưới quyền của chính phủ Vichy do Thống chế Pétain lãnh đạo hợp tác với Đức. Nhật vốn liên minh với Đức nên buộc lòng Decoux phải để cho quân đội Nhật vào Đông Dương. Hồ

Quang thấy tình hình thuận lợi vì Pháp đã núng thối nên hủy bỏ việc gọi Hoàng Văn Hoan và Võ Nguyên Giáp đi học và chuyển toàn bộ nhân sự và phương tiện về sát biên giới chuẩn bị lập chiến khu trong nước, đồng thời tháng 12 năm 1940 Hồ Quang thành lập một ngoại vi của đảng hoạt động công khai gọi là “Việt Nam độc lập đồng minh hội”, gọi tắt là Việt Minh để quy tụ quần chúng chuẩn bị phát động du kích chiến vừa chống thực dân Pháp vừa chống phát xít Nhật.

Tháng 2 năm 1941 Hồ Quang chính thức trở về Việt Nam sống tại hang Pắc Bó, một hang núi nằm phía bắc cách thành phố Cao Bằng 55 km gần biên giới Trung quốc. Tháng 5, Hồ Quang triệu tập Hội nghị VIII Đảng Cộng sản Đông Dương ra quyết nghị thành lập và phát triển căn cứ địa du kích, chung quyết sự thành lập "Mặt trận Việt Minh" và do đề nghị của Hồ Quang bầu Trường Chinh làm Tổng bí thư Đảng. Mặt Trận “Việt Minh” thông qua Cương Lĩnh quy định mục tiêu lật đổ thực dân Pháp và phát xít Nhật, thành lập Chính phủ cách mạng của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, lấy cờ đỏ sao vàng nguyên là cờ của đảng Cộng sản Phúc Kiến làm quốc kỳ. Tháng 8-1942 Hồ Quang rời Pắc Bó đi Trùng Khánh để gặp Chu Ân Lai. Để tránh sự theo dõi của Quốc Dân Đảng, Hồ Quang đóng vai Hoa kiều, lấy tên là Hồ Chí Minh, ký giả của báo Tân Văn. Đây là lần đầu tiên Nguyễn Ái Quốc dùng danh xưng Hồ Chí Minh trong giấy tờ.

Hồ Quang- Hồ Tập Chương bị Quốc Dân Đảng nghi là gián điệp bắt và đưa về Quảng Tây. Nhờ có cuộc vận động rộng lớn của Chu Ân Lai với sự yểm trợ của các hãng thông tấn quốc tế bên cạnh chính phủ Quốc Dân Đảng, tháng 9 năm 1943 Hồ Tập Chương được trả tự do. Trong 14 tháng bị giam giữ Hồ Tập Chương đã trải qua 18 nhà tù trong 13 huyện tại tỉnh Quảng Tây. Thời gian này Hồ Tập Chương viết “Ngục Trung thư” gồm 134 bài thơ bằng chữ Hán. Sau khi được trả tự do, Hồ Tập Chương tạm trú tại Trung quốc dưới sự bảo hộ của tướng Trương Phát Khuê, một danh tướng của Trung hoa Dân quốc mãi đến tháng 8-1944 mới trở về Cao Bằng với bí danh Hồ Chí Minh.

Ngày 15-8-1945 Nhật đầu hàng đồng minh, Hồ Chí Minh cùng với các đồng chí nhanh chân chiếm chính quyền ngày 19 tháng 8 trước khi quân đội đồng minh vào trước khí giới quân đội Nhật. Ngày 2 tháng 9 năm 1945 tại vườn hoa Ba Đình Hồ Chí Minh, được toàn dân và thế giới tưởng là người thanh niên Nguyễn Ái Quốc năm xưa, tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Cuộc đời hai người làm một của Nguyễn Ái Quốc và Hồ Tập Chương (Hồ Chí Minh) là một phát hiện lịch sử ly kỳ. Nhưng nếu nhìn dưới lăng kính thế giới, đặc biệt là lịch sử phát triển của chủ nghĩa cộng sản và phong trào xã hội chống phong kiến và thực dân tại Á châu thì không có gì ly kỳ.²⁷

Ngoài quyển Hồ Chí Minh sinh bình khảo thì năm 1946, Ngô Trục Lưu, người cha của nền văn nghệ Đài Loan" xuất bản cuốn sách bằng tiếng Nhật với tựa đề "Hồ Chí Minh" được chuyển qua Trung văn là "Đứa con cô châu Á," thì cũng xác nhận: "Hồ Chí Minh xuất thân là người thuộc sắc tộc Khách Gia (Hakka, người Việt gọi là Hẹ) tại huyện Miêu Lật, địa khu Đồng La, Đài Loan".

²⁷ Huynhtam Blogspot.com



Nguyễn Ái Quốc ở Pháp năm 1920



Thư Nguyễn Tất Thành gửi tổng thống Pháp năm 1911 xin được nhập học vào Trường Thuộc địa (École Coloniale)



Nguyễn Ái Quốc, đại biểu Đông Dương, chụp tại Đại hội Đảng cộng sản Pháp họp tại Marseille năm 1921



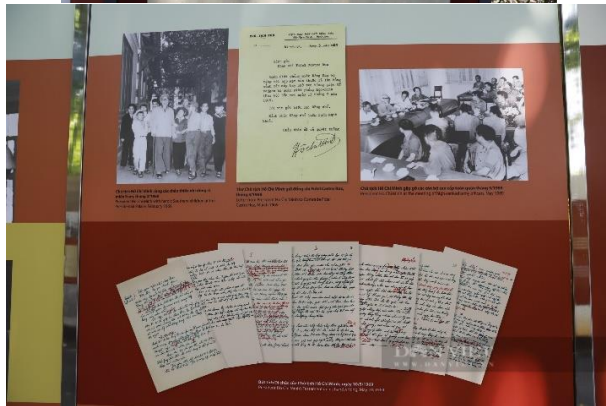
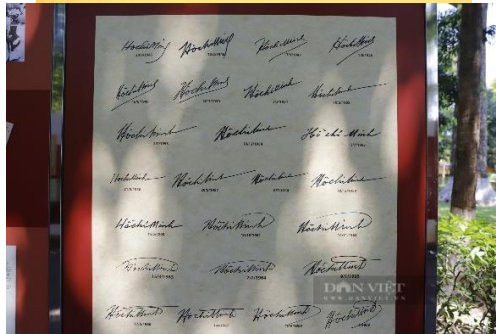
Hồ Tập Chương "38 tuổi" sinh ngày 19 tháng 5 năm 1890 là tuổi thật của Hồ Chí Minh.

Nguyễn Ái Quốc "49 tuổi", sinh vào năm 1939. Nguồn: The Missing Years.



Học để làm việc,
 làm người
 làm cán bộ.
 Học để phục sự Đoàn thể.
 " " Xai cốp và nhân dân,
 " " Tổ quốc và nhân loại.
 Muốn đạt mục đích, thì phải
 cần, kiên, bền, nhẫn,
 chí công, vô tư.

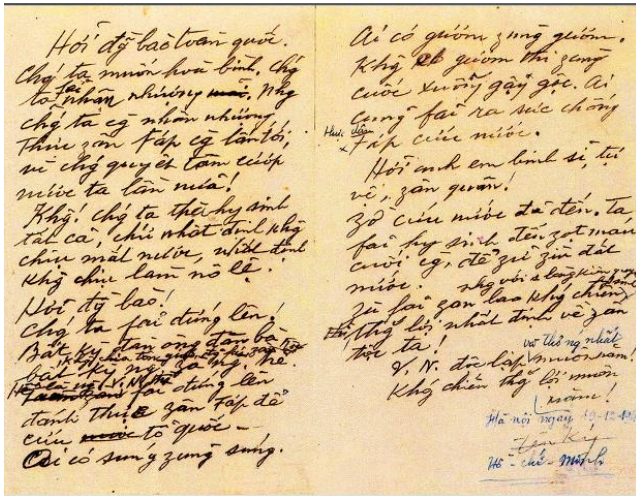
9.49 Hồ Chí Minh



Bút tích Di chúc của Hồ Chí Minh



Chủ tịch Hồ Chí Minh 1946



Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chí Minh 1946

Thư kêu gọi toàn quốc kháng chiến cho thấy cách viết rất khác biệt cũng như cách dùng chữ Việt rất lạ như chữ "gi" hoặc "d" viết là "z" (thí dụ: "giờ" viết là "zờ"; "dân" viết là "zân"), chữ "ph" viết là "f" (thí dụ: "phải" viết là "fải") và đây đó có khá nhiều lỗi chính tả của tiếng Việt như thể là do một người không thuần túy là gốc Việt. Từ đó có thể hiểu, chính là bút tích của Hồ Tập Chương, một người quen dùng Hán tự, cũng như cách cầm bút khác biệt hơn khi dùng

mẫu tự La-tinh nên nét viết yếu hơn nhiều. Bút tích bằng Hán tự của Hồ Chí Minh có vẻ điêu luyện nhiều hơn so với bút tích Việt ngữ... Ngay cả khi đọc sách, Hồ Chí Minh cũng dùng Hán tự để ghi chú. Điều này có thể hiểu qua cách cầm bút "trên cao" để dễ dàng vẽ nét Hán tự hơn là dùng để gõ nét viết tiếng Việt. Điều này chứng tỏ rằng Hồ Chí Minh chính là Hồ Tập Chương người Tàu.

"Di chúc" của Hồ Chí Minh có đoạn: "... phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác...". Chứng tỏ rằng Hồ Chí Minh là Hồ Tập Chương vì người Cộng sản chỉ nhớ tới ông tổ Các Mác, Lenin và các vị cách mạng đàn anh khác là Mao Trạch Đông, Lâm Bưu, Chu Ân Lai... Nếu là người Việt thì đã nhắc tới Quốc Tô Hùng Vương của dòng giống Việt và mặc quốc phục, áo dài khăn đóng trong khi toàn mặc áo Đại cán của Trung Quốc. Lúc bệnh nặng, Chu Ân Lai gửi phái đoàn y tế Trung Quốc đem theo vịt Bắc Kinh để Hồ ăn, lúc sắp chết họ Hồ yêu cầu nữ y tá hát một bài hát Trung Quốc để nghe trước khi chết... Ngoài ra theo ông Đặng Văn Lơ đầu bếp của Hồ Chí Minh thì họ Hồ thích ăn gà rán Quảng Đông loại gà nhỏ khoảng 7-800 gr, pha nước 3 sôi 2 lạnh, rửa sạch gà, thả vào nồi rồi mới vặt lông. Để cho ráo, ướp xì dầu trong ngoài đầy đủ. Trước khi ăn, cho vào chảo mỡ ngập, rán vàng hết hai mặt, khi chặt ra trong xương gà còn hơi hồng hồng... hoặc gà luộc Quảng Đông, lấy gà nhỏ khoảng 7-800 gr, rửa gà cho vào nước 3 sôi 2 lạnh. Vặt lông, để ráo, rắc muối gia vị lên con gà sau đó luộc lên đến độ sôi khoảng 80 độ thì bắc ra, để nguyên trong nồi 15 phút, Sau đó cho con gà vào nồi nước thật lạnh, để 15 phút nữa. Khi chặt thịt bên trong vẫn còn nước hơi hồng hồng, như thế khi ăn thịt sẽ mềm và da gà vẫn giòn. Thái lát, bỏ xương, lấy nước dùng pha thêm ít mì chính (bột ngọt) rồi ăn. Cá bóng kho tộ lấy cá bóng sông rửa sạch, lấy khăn thấm khô, ướp gia vị rồi tưới nước màu lên. Sau đó cho vào nồi đất, có nước luộc gà xâm xấp, đun sôi đến chín rồi để nhỏ lửa khoảng 60 độ, chờ cho cá săn lại là ăn được. Cuối bữa ăn tráng miệng với một quả táo nướng, lấy quả táo Trung Quốc, đem bỏ đôi, bỏ ruột, nướng xém, phết một ít đường và bơ, cầm thìa nhỏ xúc ăn.

HỒ TẬP CHƯƠNG NHẬP VAI HỒ CHÍ MINH XÂM NHẬP HÀNG NGŨ QUỐC GIA

Đầu thập niên 40, Hồ Chí Minh, đã lân la tới cụ Nguyễn Hải Thần, lãnh tụ của Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội (VNCMĐMH)²⁸ Vì nhu cầu thống nhất các tổ chức cách mạng của người Việt quốc gia trên đất Trung Hoa, năm 1942 Thượng Tướng Quốc Dân Đảng Trương Phát Khuê (张发奎) chỉ đạo các tổ chức của người Việt quốc gia thành lập một tổ chức lấy tên là Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội viết tắt là VNCMĐMH để qui tụ hết các người yêu nước VN chống Pháp và chống cộng, tổ chức này gọi tắt là Việt Cách hay Đồng Minh Hội ở Liễu Châu. Tổ chức này do Trương Bội Công, một người quốc gia yêu nước cầm đầu, với sự tham gia của Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Hoàng Lương và nhóm Kiến Quốc Quân khoảng 500-600 người của Thượng sĩ Lương Văn Ý. Việc làm này được đánh giá là một sai lầm lớn của Trương Phát Khuê (张发奎) trong việc lựa chọn người lãnh đạo trong cộng đồng Việt Nam sống lưu vong tại Trung Quốc, để liên minh với Quốc Dân Đảng Việt Nam, ông vô tình tạo cơ hội tốt để cộng sản len lỏi rất tự nhiên vào tổ chức chính trị của cộng đồng Việt Nam.

Thượng Tướng Trung Hoa Dân Quốc (THDQ) Trương Phát Khuê, bề ngoài theo Quốc Dân Đảng nhưng thân cộng, ông này đã can thiệp để thả Hồ Chí Minh đang ở tù ở tỉnh Quảng Tây và còn giới thiệu Hồ Chí Minh vào VNCMĐMH, là uỷ viên dự khuyết trong ban chấp hành của tổ chức này.²⁹ Việt Cách là một tổ chức của người Việt Quốc Gia chống Pháp và cộng sản, chủ trương của Việt Cách là hoạt động bên cạnh đồng minh trong việc chống lại sự có mặt của quân Nhật tại Đông Dương, được sự ủng hộ của Trung Hoa Quốc Dân Đảng nhờ vào uy tín của cụ Nguyễn Hải Thần, một người quen biết rộng với BS Tôn Dật Tiên linh hồn của cuộc cách

²⁸ Xin đừng lầm lẫn tổ chức này với tổ chức Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội viết tắt là Việt Minh (cộng sản).

²⁹ sách Đại Cương về các Đảng Phái Chính Trị VN của Nguyễn Khắc Ngữ trang 36,37,38.

mạng Tân Hợi 1911 và các lãnh đạo cao cấp của Trung Hoa Quốc Dân Đảng. ông còn là giáo sư dạy trường sĩ quan Hoàng Phố của THQDD. Vào thời điểm này, đất Trung Hoa là hậu cứ của nhiều tổ chức hoạt động cách mạng của người Việt Quốc Gia lẫn thân cộng, để tránh sự đàn áp của thực dân Pháp. Khi Trung Hoa Quốc Dân Đảng muốn giúp các tổ chức này hoạt động, cần phải có sự thống nhất các tổ chức cách mạng. Tướng Trương Phát Khuê ((Zhang Fakui- 张发奎), phái tướng Tiêu Văn triệu tập một cuộc đại hội để chinh đốn Việt Cách. Lúc này Hồ Chí Minh tham gia Việt Cách, núp dưới danh nghĩa của người Việt quốc gia để hoạt động. Cuối năm 1943 vì nhu cầu thành lập cơ sở trong nước nên Nguyễn Hải Thần đã giao cho Hồ Chí Minh nhiệm vụ mang người trở về VN để lập đầu cầu cho cách mạng VN. Chính từ thời điểm đó Hồ Tập Chương lấy tên là Hồ Chí Minh, để giấu thân phận với mật vụ Pháp và mật vụ của Tưởng. Với tên Hồ Chí Minh dẫn đầu nhóm cách mạng người Việt về lập chiến khu ở Việt Nam, dưới sự hỗ trợ của Trung Hoa Quốc Dân Đảng.

Giữa năm 1944 Hồ Chí Minh lên đường trở lại VN với danh nghĩa một người quốc gia trong tổ chức của cụ Nguyễn hải Thần, một lãnh tụ cách mạng rất uy tín với Trung Hoa Quốc Dân Đảng.³⁰ Hồ Chí Minh hoạt động ở VN với tư cách là một thành phần lãnh đạo của Việt Cách, nên được Trung Hoa Quốc Dân Đảng hỗ trợ và giúp liên lạc với OSS của Mỹ. Đến tháng 5 năm 1945, Hồ Chí Minh chính thức hoạt động dưới danh nghĩa Việt Minh, tổ chức tiền thân của đảng Lao Động VN, tức đảng Cộng sản Việt Nam. Mỹ và Trung Hoa Quốc Dân Đảng đã không biết được thân phận thật sự của họ Hồ nên đã lầm lẫn hợp tác, giao cho Hồ lập căn cứ nội địa cho Việt Nam Cách mạng Đồng Minh Hội ở Việt Bắc và huấn luyện đội tuyên truyền giải phóng quân, tiền thân của cái gọi là Quân đội Nhân dân sau này. Mối quan hệ giữa hồ và Mỹ (OSS) bắt đầu vào tháng 11 năm 1944, khi trung úy Shaw, phi công thuộc Phi đội 51 Không quân Mỹ phải hạ cánh xuống Cao Bằng do máy

³⁰Wikipedia:https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam_C%C3%A1c_h_m%E1%BB%87nh_%C4%90%E1%BB%93ng_minh_H%E1%BB%99i

bay trực trực động cơ. Shaw được Việt Minh che chở, sau mấy ngày tạm trú trong căn cứ của Việt minh, sau đó Hồ đã thân hành đưa Shaw về Trung Hoa để bàn giao lại cho OSS, lập công với Mỹ và đồng minh để xin tiền và súng đạn. Sau lần này, hồ đã tiếp xúc được với Đại tá Paul Helliwell, Giám đốc OSS (Secret Intelligence SI) Branch ở Bách Sắc, ngày 27-4-1945, và Hồ đã được giao nhiệm vụ là tìm kiếm và giải cứu các phi công Mỹ các phi công đồng minh bị bắn rơi và các phi công bị Nhật bắt và giam trên lãnh thổ Việt Nam. Sau đó Paul Helliwell cử Đại úy Archimedes Patti, Phụ tá đặc trách Đông Dương, nghiên cứu việc cứu thoát phi công Mỹ bị rơi và bị Nhật nhốt ở Việt Nam và giao nhiệm vụ này cho Hồ Chí Minh. Đồng thời, các sĩ quan Mỹ trong nhóm Con Nai(Deer Team) sẽ huấn luyện cho Trung đội Vũ Trang Tuyên Truyền của Võ Nguyên Giáp.



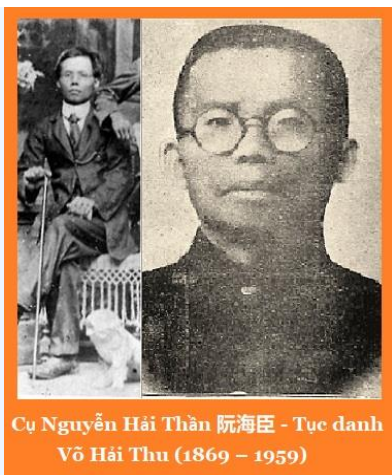
Võ Nguyên Giáp chụp ảnh với Thiếu tá Archimedes Patti và toán OSS

Đây là sự hợp tác chính thức của OSS với Việt Minh đầu tiên. Nhóm này đã nhảy dù xuống Việt Nam vào cuối tháng 4/1945. Hai nhân viên tình báo Mỹ là Frank Tan, đại diện AGAS, và Mac Shin cùng tháp tùng để giúp Hồ Chí Minh trong việc giải cứu các phi công Mỹ bị rơi và nhốt ở Việt Nam. Hồ Chí Minh chỉ là một điệp viên, nhận tiền và vũ khí để đánh mướn cho Trung Hoa Quốc Dân Đảng và Mỹ. Thế nhưng, ban Tuyên giáo của đảng Cộng sản

Việt Nam rêu rao tuyên truyền là "Hồ Chí Minh, người chủ động và nhiệt thành thiết lập quan hệ Việt - Mỹ". Trong chuyến về Việt Nam vào cuối tháng 4-1945, Hồ nhận được số tiền tài trợ ít nhất 1 triệu quan TH (500 USD) một tháng. Trong lúc đó tại Côn Minh, Đội Con Nai được hình thành vào tháng 5, tháng 6 năm 1945, dưới sự chỉ đạo của Archimedes Patti. Đội trưởng là Thiếu tá Allison Thomas, trước đó từng là công tố viên ở bang Michigan trước khi làm việc với tình báo Anh trong thời chiến. Các thành viên khác ngoài Prunier còn có một điệp đài viên người Mỹ là thượng sĩ William Zielski, và để thử nghiệm xem lực lượng cách mạng Việt Nam có chấp nhận sự giúp đỡ của người Pháp hay không, người ta đưa vào một sĩ quan Pháp cùng hai sĩ quan người Pháp gốc Việt.

Việc tình báo Mỹ và Trung Hoa chấp thuận sử dụng Việt Minh để thu thập tin tình báo vô tình đã tạo cho Việt Minh sức mạnh tinh thần và một vũ khí tuyên truyền có lợi cho Hồ Chí Minh và được sự hỗ trợ của Mỹ cho các lực lượng yêu nước ở Việt Nam. Tuy OSS không biết rõ Hồ Chí Minh là ai, nhưng họ đồng ý huấn luyện một đơn vị nhỏ. “Phía Đồng minh cho rằng Nhật Bản đang muốn dùng Đông Dương làm bàn đạp tấn công phía Nam của Trung Quốc”, Prunier nói. “Nhiệm vụ của chúng tôi là giúp lực lượng du kích quấy rối quân Nhật. Chúng tôi đã cùng họ phá hủy đường ray tàu hỏa, các cơ sở viễn thông. Nhưng không đối đầu trực tiếp với quân Nhật vì chúng tôi không đủ hỏa lực”. Ngày 16-7-1945, toán biệt kích Con Nai [Deer Team] của Thiếu tá Allison K. Thomas nhảy dù xuống căn cứ Kim Lung (Luông). Biệt Đội Con Nai - The Deer Team là tên một toán đặc nhiệm của cơ quan tình báo chiến lược Mỹ OSS (The Office of Strategic Services), tiền thân của CIA sau này. Biệt Đội Con Nai được hình thành vào tháng 5, tháng 6 năm 1945, dưới sự chỉ đạo của Thiếu tá Archimedes Patti, Đội trưởng là Thiếu tá Allison Thomas. Nhiệm vụ của Biệt Đội là nhảy dù xuống Tuyên Quang, chuẩn bị cơ sở và huấn luyện cho đội võ trang tuyên truyền của Việt Minh. Từ đầu tháng 8/1945, khi Đội Con Nai bắt đầu huấn luyện đội quân Việt Minh khi ấy mới được thành lập, những vũ khí duy nhất mà quân nổi dậy có khi ấy là súng hỏa mai nòng ngắn (musketoons) và một số ít súng thu được của Pháp. “Họ không được

vũ trang tốt và thiếu khả năng sử dụng vũ khí”, Prunier nói. OSS thả xuống những thùng chứa súng trường M-1, bazooka, súng cối 60 mm, và súng máy loại nhẹ, vừa đủ để trang bị cho 80 người. “Người Việt háo hức và học được cách tháo lắp súng M-1 sau ít giờ đồng hồ”, Prunier kể.



THANH TOÁN CÁC LÃNH TỰ ĐẢNG PHÁI QUỐC GIA

Để nắm quyền thống trị, đảng Cộng sản Việt Nam đã tiêu diệt phe Trosky và các đảng phái Quốc gia. Chỉ thị của Hồ Chí Minh là *“không thỏa hiệp, không nhượng bộ, phải dùng mọi cách để vạch mặt chúng, phải tiêu diệt chúng...”*. Thủ lĩnh đệ tứ quốc tế (Trosky) là Tạ Thu Thâu bị ủy ban Việt Minh hành quyết vào tháng 9 năm 1945 tại Mỹ Khê Quảng Ngãi năm 39 tuổi... Tất cả các lãnh tụ tên tuổi của nhóm Đệ Tứ như Trần Văn Thạch, Phan Văn Hùm, Phan Văn Chánh, Nguyễn Văn Sô, và 64 cán bộ Đệ Tứ đều bị sát hại. Linh mục Bửu Dưỡng, sau này là Viện trưởng Viện Đại Học Minh Đức có nói rằng năm 1946, khi qua Ba Lê và ký Thỏa hiệp án 14-9-1946 với Pháp, bị sinh viên Việt Nam Nam chát án ráo riết về cái chết của Tạ thu Thâu, ông Hồ Chí Minh đã bực mình, mà nói trắng ra rằng: *“Tất cả những ai đi sai với đường lối của tôi đều phải bị tiêu diệt”*.

Thật vậy, chính Hồ Chí Minh đã thanh toán Trần Đình Long là người tham gia Đảng Cộng sản Đông Dương từ năm 1930, tốt nghiệp học viện Stalin. Tháng 8 năm 1945 Trần Đình Long cùng nhóm Xứ ủy Bắc Kỳ và Thành ủy Hà Nội tổ chức cướp chính quyền tại Hà Nội ngày 19-8-1945 và được Đặng Xuân Khu sắp xếp giữ chức Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trong Chính Phủ Lâm thời. Nhưng sau đó Hồ Chí Minh về tới và đề nghị các đảng viên Cộng sản nên nhường bớt ghế cho các đảng phái khác, do đó Trần Đình Long rút lui. Sau khi Đảng Cộng sản Đông Dương giải tán, tháng 11 năm 1945 nhà của ông Long tại chợ Đồng Xuân bị một nhóm người có vũ trang đột nhập, bắt ông mang đi rồi từ đó mất tích luôn. Sau này Việt Minh loan tin ông ta bị Quốc dân Đảng ám sát. Tuy nhiên cuộc đột nhập bắt ông Long có sự chứng kiến của bà Long, cho nên qua đối thoại giữa chồng bà với những người đột nhập bà biết đó là những người của Việt Minh.³¹ Hồ Chí Minh cũng triệt hạ Nguyễn Thế Vinh là người cùng làng Hành Thiện với Trường Chinh, ông là con nhà giàu được du học tại Pháp cùng với người anh họ là Nguyễn

³¹ Bùi Anh Trinh: HCM thanh toán đảng CS, trích dẫn Hồi ký của Vũ Thư Hiên

Thế Rục. Cả hai ông được một người anh họ khác là Nguyễn Thế Truyền đưa vào làm việc cho tờ báo Le Paria là cơ quan tuyên truyền của Liên đoàn Lao động Thuộc địa, một nhánh ngoại vi của Đảng Cộng sản Pháp. Sau đó Vinh và Rục lại được Truyền gửi sang học tại học viện Stalin, tuy nhiên Vinh chỉ học được nửa chừng thì bị bệnh nên phải bỏ học và trở về Pháp.

Cuối năm 1929 Nguyễn Thế Rục cùng với Trần Phú, Bùi Công Trừng, Ngô Đức Trì, Bùi Lâm được CSQT chỉ định về Việt Nam thành lập một đảng Cộng sản cho Đông Dương. Ngang qua Paris, Rục rủ Vinh cùng về Việt Nam hoạt động, hai ông đi cùng một chuyến tàu. Sau đó Rục bị bắt sau vụ nổi dậy của phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh. Đến năm 1936 Rục được tha ra khỏi tù, Vinh lại gia nhập đảng Cộng sản và hoạt động bí mật trong ngành báo chí dưới vỏ bọc là một công chức của Pháp. Đến năm 1938 Rục bị chết vì bệnh lao. Vinh tiếp tục hoạt động với Đặng Xuân Khu. Tháng 8 năm 1945 Vinh cùng với nhóm Trần Đình Long, Nguyễn Quyết, Xuân Thủy, Văn Tiến Dũng... tổ chức cướp chính quyền tại Hà Nội trong khi Đặng Xuân Khu và Hồ Chí Minh đang còn ở tại Tuyên Quang. Sau khi nhóm ông Long cướp chính quyền được 3 ngày thì Đặng Xuân Khu (Trương Chinh) mới về đến Hà Nội. Qua hôm sau được tin Bảo Đại thoái vị, Trương Chinh cấp thời đề cử một chính phủ lâm thời, sắp xếp cho Hồ Chí Minh làm chủ tịch và Trần Đình Long làm Bộ trưởng bộ Ngoại Giao, Nguyễn Thế Vinh Bộ trưởng Bộ thông tin. Tuy nhiên sau đó 2 ngày thì Hồ Chí Minh về tới Hà Nội, nhìn vào danh sách chính phủ lâm thời ông đề nghị rút bớt người của Đảng Cộng sản ra khỏi danh sách nội các nhưng thực tế là đánh lừa công luận rằng chính phủ không có nhiều đảng viên Cộng sản, đồng thời triệt hạ các đảng viên đảng Cộng sản Việt Nam để Hồ Chí Minh (Hồ Tập Chương) thu tóm quyền hành. Do đó Nguyễn Thế Vinh phải nhường chức Bộ trưởng Thông tin cho Trần Huy Liệu. Riêng chức Bộ trưởng bộ Ngoại giao của Trần Đình Long thì Hồ Chí Minh kiêm luôn.³²

³² Bùi Anh Trinh: HCM thanh toán đảng CS, trích dẫn Hồi ký của Vũ Thư Hiên

Đối với nội bộ phe phái cùng theo Mác Xít mà Hồ Chí Minh và đảng Cộng sản còn tiêu diệt huông chi là các đảng phái Quốc gia đối lập với Cộng sản. Trước sức mạnh của Mặt Trận Quốc Dân Đảng còn gọi là Việt Nam Quốc Dân Đảng là một tập hợp của các chính đảng quốc để đối phó với Cộng sản. Đặc biệt là sau khi ký kết với Pháp đồng ý cho thực dân Pháp trở lại Đông Dương, các đảng phái quốc gia chống lại hành động thỏa hiệp bán nước này nên Hồ Chí Minh tìm cách tiêu diệt các đảng phái quốc gia. Hồ Chí Minh đã dàn dựng cái gọi là “Vụ án Ôn Như Hầu” trước khi đi Pháp rồi lệnh cho Võ Nguyên Giáp thi hành để tuyên truyền xuyên tạc Quốc Dân Đảng giết người.

Theo nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa thì 7 giờ sáng ngày 12-7-1946, tại nhà số 7 phố Ôn Như Hầu, công an tìm thấy một tù nhân bị trói, dụng cụ tra tấn và 7 xác chết được chôn sơ sài ở sân sau và kết án Việt Nam Quốc Dân Đảng giết người. Thế nhưng, nhà sử học quân sự người Mỹ Cecil B. Currey trong quyển tiểu sử Võ Nguyên Giáp Victory at any Cost cho rằng việc này là do chính Võ Nguyên Giáp dựng lên. Sau khi chiếm lấy căn nhà, Võ Nguyên Giáp đã cho người xây dựng căn phòng tra tấn, đào lên xác chết trong mộ và đặt vào trong căn nhà, rồi tuyên bố đã khám phá ra hốt chôn tập thể của người bị Việt Nam Quốc dân Đảng giết chết. Currey cũng cho rằng, nhiều xác chết thực ra chính là thành viên Việt Nam Quốc dân Đảng bị lực lượng an ninh của Võ Nguyên Giáp giết chết. Hồ Chí Minh gian xảo quỷ quyệt đã đưa nhân sĩ Huỳnh Thúc Kháng lên làm quyền chủ tịch nước chịu trách nhiệm trước khi đi Pháp rồi ngầm cho lệnh Võ Nguyên Giáp dàn dựng rồi ra tay thanh toán Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Tháng 9 năm 1945, lãnh tụ Trương Tử Anh đưa ra kế hoạch bốn điểm nhằm chống lại Việt Minh trong việc bầu cử Quốc hội và thành lập Chính phủ Liên Hiệp.³³

³³ Theo Wikipedia thì Trương Tử Anh tên thật là Trương Kháng, sinh năm 1914 tại huyện Tuy Hòa tỉnh Phú Yên. Cha là Trương Bội Hoàng (Trương Bội Công). Năm 1934, ra Hà Nội theo học Luật khoa Viện Đại học Đông Dương. Là một

Phát động phong trào toàn dân bắt hợp tác với Việt Minh.
Tách rời cựu hoàng Bảo Đại ra khỏi Việt Minh và vô hiệu hóa Quốc hội Việt Minh.
Thành lập một Trung tâm Chính trị Hải ngoại.
Củng cố các chiến khu, tăng cường khối Quốc Dân Quân, mở rộng địa bàn hoạt động.

Ngày 15 tháng 12 năm 1945 Đại Việt Quốc dân đảng hợp nhất với Việt Nam Quốc dân đảng, lãnh tụ là Vũ Hồng Khanh và Đại Việt Dân Chính đảng, lãnh tụ là Nguyễn Tường Tam thành Mặt trận Quốc dân đảng Việt Nam. Trương Tử Anh làm Chủ tịch, Vũ Hồng Khanh làm Bí thư trưởng và Nguyễn Tường Tam làm Tổng thư ký. Trương Tử Anh thành lập trường Lục quân Yên Bái (Chapa- Yên Bái) và chiến khu Di Linh ở Thanh Hóa. Chính vì vậy, đêm 12 tháng 7 năm 1946, Nha Công an Việt Minh đột nhập vào trụ sở Việt Nam Quốc dân đảng tại 132 phố Duvigneau (Đuy-vi-nhô) (nay là phố Bùi Thị Xuân, Hà Nội) thu giữ nhiều tài liệu như truyền đơn, khẩu hiệu, thông cáo trong đó có một tài liệu đặc biệt do Trương Tử Anh soạn thảo là "Kế hoạch đảo chính Chính phủ Hồ Chí Minh". Sau khi Pháp tái chiếm Đông Dương, ngày 19 tháng 12 năm 1946 thì Trương Tử

người có tinh thần dân tộc, trong thời gian học tập, ông chú ý nghiên cứu nhiều về các triết thuyết, các chủ nghĩa chính trị đang thịnh hành trên thế giới thời bấy giờ. Ngày 10 tháng 12 năm 1938, Trương Tử Anh công bố một chủ thuyết tư tưởng về triết học và chính trị, gọi là Chủ nghĩa dân tộc sinh tồn. Năm 1939, Trương Tử Anh tuyên bố thành lập Đại Việt Quốc Dân Đảng và lấy Chủ nghĩa Dân tộc sinh tồn làm nền tảng lý thuyết.

Ngày 4 tháng 10 năm 1941, Trương Tử Anh bị mật thám Pháp bắt ở Hà Nội bị tra tấn dã man, đến tháng 7 năm 1942 thì bị đưa về nguyên quán Phú Yên để quản thúc. Tháng 1/1943 ông trốn ra Bắc hoạt động, đến tháng 7 năm 1943, lại bị Pháp bắt giam tại Hà Nội. Sau đó được lực lượng của Đại Việt Quốc Dân Đảng tổ chức cứu thoát.

Ngày 21/7/1944, Thống sứ Bắc Kỳ cho lệnh bắt Trương Tử Anh, ông tuyệt thực phản đối cộng với sự can thiệp của người Nhật nên được trả tự do. Cũng trong năm 1944, Trương Tử Anh cho Đại Việt Quốc Dân Đảng kết hợp với Đại Việt Quốc xã của Nguyễn Xuân Tiếu và Đại Việt Duy Dân của Lý Đông A và Đại Việt Dân Chính của Nguyễn Tường Tam thành lập một mặt trận chung với tên gọi là Đại Việt Quốc gia Liên Minh.

Anh bị chính quyền Việt Minh xử tử.³⁴ Theo Phó Tiến sĩ Sử học Nguyễn Tố Uyên: "Ngày 16-12, lực lượng công an đã bắt được Trương Tử Anh ở gần Quảng Bá, sau khi khai thác, chính quyền nhân dân đã quyết định xử tử tên phản động nguy hiểm này".

Ngoài Trương Tử Anh lãnh tụ Đại Việt Quốc Dân Đảng thì Việt Minh cũng được lệnh Hồ Chí Minh thủ tiêu Lý Đông A, lãnh tụ của Đại Việt Duy Dân Cách Mạng Đảng. Lý Đông A (1921-1947) là một nhà triết học, học giả và nhà cách mạng, chính trị gia Việt Nam. Sau khi âm mưu tập hợp lực lượng lật đổ chính quyền Việt Minh bất thành, Lý Đông A bị lực lượng vũ trang Việt Minh tiêu diệt tại Bến Chương thuộc xã Hiền Lương - Mai Đà, tỉnh Hòa Bình.

Lý Đông A tên thật là Nguyễn Hữu Thanh, cha là Nguyễn Chi Phương, sinh năm 1920 hoặc 1921 tại làng Yên Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, tốt nghiệp sơ học yếu lược Pháp và học chữ Nho với các thầy đồ, nhà sư có học trong vùng. Theo một số tài liệu, từ nhỏ ông đã là một thần đồng, biết chữ vào năm ba tuổi.

Năm 15 tuổi, Nguyễn Hữu Thanh là đệ tử của nhà cách mạng Phan Bội Châu. Khi Phan Bội Châu bị chính quyền thực dân Pháp quản thúc ở Huế, Nguyễn Hữu Thanh tìm đến nhà để phục dịch cho nhà cách mạng. Sau này, Nguyễn Hữu Thanh vào ở chùa Yên Tử tu học và thai nghén học thuyết duy dân rồi lấy tên hiệu là Lý Đông A, với ý nghĩa biểu tượng thời đại phục hưng dân tộc như thời triều Lý, triều Trần (Đông A ghép lại là Trần). Năm 1940, Lý Đông A làm ủy viên chính trị cho Phục quốc quân của Việt Nam Quang phục Hội. Lý Đông A cùng với Đoàn Kiếm Điểm và Trần Trung Lập chỉ đạo cuộc khởi nghĩa ở Lạng Sơn. Khởi nghĩa thất bại, Lý Đông A chạy thoát sang Trung Quốc. Ở Trung Quốc, Lý Đông

³⁴ Wikipedia dẫn Penniman, Howard R. Elections in South Vietnam. Stanford, CA: Hoover Institution on War, Revolution and Peace, 1972. tr 166. Nguyễn Tố Uyên, Công cuộc bảo vệ và xây dựng chính quyền nhân dân ở Việt Nam trong những năm 1945-1946, Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, 1999, tr. 213-214.

A tiếp tục liên lạc với nhà cách mạng Việt Nam thuộc nhiều phe phái, nhiều quan điểm chính trị khác nhau như Nguyễn Hải Thần, Hoàng Văn Hoan, Nguyễn Tường Tam, Hồ Chí Minh...

Ngày 1 tháng 1 năm 1943, Lý Đông A thành lập và làm tổng thư ký Đại Việt Duy dân Cách mệnh Đảng đấu tranh chống Pháp. Trong thời gian quân Tưởng vào miền Bắc, Đại Việt Duy dân tìm cách thâm nhập gây cơ sở ở Hòa Bình, xây dựng Hòa Bình thành căn cứ. Đại Việt Duy dân liên kết với một số lang đạo người Mường ở thượng du Bắc Việt chống thực dân Pháp. Cơ sở Đại Việt duy dân phát triển khá nhanh bao gồm một số huyện của tỉnh Hà Đông (cũ), Ninh Bình, Hà Nam, Hòa Bình. Đảng Đại Việt Duy dân chọn Mường Diêm làm căn cứ chính của Đại Việt Duy dân ở Hòa Bình. Được các lang đạo giúp đỡ, Đại Việt Duy dân đã tích cực xây dựng lực lượng vũ trang bằng cách đưa thành viên từ miền xuôi lên, tập hợp thành viên ở địa phương, thành lập được một số đơn vị, mở một vài lớp huấn luyện quân sự... Giữa năm 1946, Đại Việt Duy dân bị Việt Minh Cộng sản tấn công mạnh tại Hà Nội và các tỉnh ở đồng bằng. Đảng trưởng Đại Việt Duy dân Lý Đông A phải rời Hà Nội về Gia Viễn (Ninh Bình).

Tại đây, Lý Đông A lại bị truy đuổi phải chạy lên Hòa Bình và về vùng Diêm. Nhiều thành viên Đại Việt Duy dân ở các nơi khác bị truy quét cũng chạy lên Hòa Bình cùng nhau xây dựng lực lượng với đơn vị vũ trang dự định đánh chiếm Lương Sơn, Lạc Sơn, Chợ Bờ, Suối Rút rồi tiến lên đánh chiếm thị xã Hòa Bình, làm chủ toàn bộ tỉnh Hòa Bình. Lấy Hòa Bình làm bàn đạp chiếm Sơn La, xây dựng Hòa Bình - Sơn La thành một căn cứ rộng lớn ở miền núi rừng Tây Bắc để chống lại chính quyền do Việt Minh lãnh đạo. Thế nhưng kế hoạch của Đại Việt Duy dân đã bị chính quyền Việt Minh phát giác đã chỉ đạo lực lượng vũ trang, công an tiêu diệt các toán vũ trang của Đại Việt Duy dân ở Lạc Sơn, Kỳ Sơn, Cao Phong, Lương Sơn, thị xã Hòa Bình. Lực lượng công an Bộ đội đã tiêu diệt và bắt sống đại bộ phận lãnh đạo và lực lượng vũ trang của Đại Việt Duy dân tại căn cứ của Lý Đông A vùng Mường Diêm, Bền Chương.

Đảng trưởng Lý Đông A đã anh dũng hy sinh tại Bến Chương thuộc xã Hiền Lương - Mai Đà.

Lý Đông A là một lý thuyết gia sáng lập triết lý Chủ nghĩa Duy dân bao gồm ba thành phần biện chứng tạo nên quan điểm thống nhất, đại đồng, chân xác về con người là vũ trụ (duy nhiên, vô nguyên), nhân loại (duy nhân, nhất nguyên) và dân tộc (duy dân, đa nguyên tương đối). Lý Đông A để lại những tác phẩm vô cùng quý giá gồm Việt sử thông luận, giải thích lịch sử Việt Nam theo cái nhìn dịch học, và nhân chủng học, Huyết hoa, Đạo trường ngâm, Chu tri lục, Duy nhân cương thường, Thiết giáo phương pháp, Chìa khóa thắng nghĩa.³⁵

Trong cuốn hồi ký nổi tiếng có tên Một cơn gió bụi, sử gia Trần Trọng Kim đã viết như sau về chính sách của Việt Minh đối với các chính đảng quốc gia: *“Cái thủ đoạn của Việt Minh là dùng mọi cách bạo ngược, tàn nhẫn, giả dối, lừa đảo để cho được việc trong một lúc. Ngay như họ đối với Việt nam Quốc dân đảng nay nói là đoàn kết, mai nói đoàn kết, nhưng họ vẫn đánh úp, vẫn bao vây cho tuyệt lương thực. Khi họ đánh được, thì giết phá, đánh không được thì lại đoàn kết, rồi cách ngày lại đánh phá. Dân tình thấy thế thật là ngao ngán chán nản, nhưng chỉ ngậm ngậm trong bụng mà không dám nói ra. Nên dân gian người ta thường có câu “nói như Vẹm. Vẹm là do hai chữ Việt Minh viết tắt V.M đọc nhanh mà thành ra.”*

Song hành với việc loại bỏ các đảng phái quốc gia, lãnh đạo uy tín của các tôn giáo như Phật Giáo Hòa Hảo, Cao Đài cũng bị thủ tiêu. Đức Huỳnh Giáo Chủ khai sáng Phật Giáo Hòa Hảo và là Chủ tịch của Ủy Ban Kháng Chiến Nam Bộ được toàn thể người dân miền Tây tôn sùng ngưỡng mộ nên Cộng sản dàn dựng vụ án “Độc Vàng” thủ tiêu Đức Huỳnh Phú Sổ... Sau khi quân phiệt Nhật đảo chánh Thực dân Pháp rồi phong trào Việt Minh cướp chính quyền ngày 19-8-1945 thì ở miền Nam, các tổ chức chính trị xuất hiện như

³⁵ Wikipedia.

nắm trong đó lực lượng Việt Minh Cộng sản được vũ trang nắm phần chủ động. Trong tình thế đó, Đức Huỳnh Giáo Chủ thành lập Việt Nam Dân Xã Đảng vì: "*Việt Minh tranh đấu chính trị. Nếu đem Đạo ra tranh đấu thì không thể được, vì Đạo chỉ lo tu hành chơn chất, nên Thầy phải tổ chức đảng chánh trị mới đủ điều kiện tranh đương kíp. Các nhà ái quốc chơn chánh trong nước mặc dù nhìn nhận Thầy là nhà ái quốc chơn chánh nhưng không thể hiệp chung với Thầy lo việc Quốc gia bởi lẽ anh em ấy không thể tu hành như mình, hoặc giả đã có đạo rồi nên không thể bỏ đạo quy y theo Phật Giáo Hòa Hảo. Vì vậy Thầy phải tổ chức đảng chánh trị để anh em ấy có điều kiện tham gia vì rằng tham gia họ chỉ chịu kỷ luật đảng mà thôi, còn tôn giáo thì của ai nấy giữ... Tất cả các tín đồ nếu thấy mình còn nặng nợ với non sông Tổ Quốc, thương nước thương dân hãy tham gia mà tranh đấu. Đây là phương tiện để anh em tín đồ hành xử "Tứ Ân"... Đó là sứ mạng của chúng ta phải gánh vác, tức là: Lập Đạo cứu đời và xây dựng Đảng để cứu nước, đó là nhiệm vụ thiêng liêng cao cả của tất cả con dân đất Việt .."*

Phật Giáo Hòa Hảo với lập trường chống Pháp, Đức Huỳnh Giáo Chủ với sự tham gia của một số nhà trí thức như Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Hoàng Bích, Trần Văn Ân đã thành lập Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng là một lực lượng chính trị, có lập trường dân tộc. Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng còn gọi tắt là Dân Xã Đảng do Huỳnh Phú Sổ làm thủ lãnh, công bố ngày 21 Tháng Chín, 1946, với tôn chỉ cách mạng con người, cách mạng dân tộc, và cách mạng xã hội. Tiền thân của đảng Dân Xã là tổ chức các tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo do giáo chủ Huỳnh Phú Sổ đứng đầu tham gia vào Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất thành lập ngày 14 Tháng Tám, 1945. Giáo Sư Nguyễn Hoàng Bích bí danh Nguyễn Bảo Toàn, một tín đồ Thiên Chúa Giáo, được cử làm tổng bí thư. Phật Giáo Hòa Hảo căn bản lấy Tứ Đại Trọng Ân mà Đức Thầy đã xây dựng một lực lượng Dân Quân lấy tên là Bảo An để bảo vệ đất nước giữ gìn trật tự trị an ở mỗi địa phương nên các đơn vị Bảo An đã tích cực tham gia Dân Xã Đảng hầu đền đáp Ân Đất Nước và Ân Đồng Bào...

Tình hình Việt Nam có những biến chuyển tạo ra một bước ngoặt lịch sử. Chỉ sau hơn 6 tháng kể từ ngày Việt Minh cướp chính quyền và Hồ Chí Minh tuyên bố Độc lập và khai sinh nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa thì vì quyền lợi của đảng CSVN, để thanh toán Việt Nam Quốc Dân Đảng Hồ Chí Minh ký kết hiệp ước sơ bộ 6 Tháng Ba năm 1946 xin gia nhập Liên Hiệp Pháp và cho phép 15 ngàn quân Pháp vào miền Bắc. Trước hành động phản bội lại quyền lợi của dân tộc, các chính đảng cách mạng quốc gia thấy cần thiết phải có một giải pháp khác để lấy lại chủ động đối với Pháp. Cựu Hoàng Bảo Đại được xem là có vị thế tốt nhất để tiêu biểu cho giải pháp quốc gia, đại diện dân tộc mà đứng ra thương thuyết với Pháp.

Trước sự lớn mạnh của Việt Nam Dân Xã Đảng với lực lượng Bảo An trải đều khắp miền Tây không cho Việt Minh CS lộng hành, Hồ Chí Minh quyết định thủ tiêu Đức Huỳnh Giáo Chủ bằng mọi giá. Hồ Chí Minh chỉ thị cho Lê Duẩn và Ủy Ban Hành Chánh Nam Bộ, Tướng Nguyễn Bình thừa lệnh sai Bửu Vinh dàn dựng việc thủ tiêu Đức Huỳnh Giáo Chủ tại Dốc Vàng với 2 chứng cứ rõ rệt:

- Quyết định ngày 28-4-1947 của Ủy Ban Hành Chánh Nam Bộ do Phó Chủ Tịch Phạm Ngọc Thuần ký: Cách chức Ủy viên Đặc biệt và truy tố Huỳnh Phú Sổ về tội phản bội.
- Thông cáo ngày 20-5-1947 của Ủy Ban Hành Chánh Nam Bộ cho biết một phiên tòa đặc biệt được thành lập ngày 25-4-1947 đã lên án tử hình. Thông báo cũng cho biết đã xử tử Huỳnh Phú Sổ. (Bibliothèque Nationale de Paris - Centre des Hautes Études sur l’Afrique et l’Asie Moderne, Note sur le PGHH, tác giả Savani).

Đối với Cao Đài, Cộng sản cũng quyết tâm tiêu diệt hàng ngàn chiến sĩ quốc gia, tín đồ Cao Đài.³⁶

³⁶ Trong Bạch Thư gửi cho Tổng Thư Ký LHQ, tổ chức Cao Đài giáo Việt Nam ở hải ngoại nói: Trong suốt 3 tuần lễ, kể từ ngày 19 tháng 8 năm 1945, chỉ riêng tỉnh Quảng Ngãi đã có 2.791 chức sắc, chức việc và đạo hữu Cao Đài bị những người Cộng Sản Việt Nam sát hạ bằng đủ cách. Như chém đầu, chôn sống, thả

Sau khi chiếm toàn bộ lãnh thổ Trung Quốc, thành lập nhà nước Cộng Hòa Nhân dân Trung Hoa, Mao Trạch Đông chỉ thị Hồ Chí Minh thực hiện kế hoạch từng bước sáp nhập Việt Nam vào Trung Quốc. Năm 1950, Hồ Chí Minh sang Bắc Kinh xin viện trợ vũ khí và đề nghị Hồng quân Trung Cộng sang tham chiến. Hồ Chí Minh đã ký cam kết chấp nhận Việt Nam là 1 quân khu như quân khu Quảng Châu của Trung Quốc ngày 12-6-1953 tại Quảng Tây. Hồ Chí Minh đã ký thỏa thuận giao quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho Trung Quốc, sau đó là cả Việt Nam trở thành một bang của Trung cộng theo mô thức Cộng Hòa Liên Bang Xô Viết sau khi chiếm được toàn cõi Việt Nam.³⁷

biển, và cả hình thức “tùng xẻo” như trong thời Trung cổ. Trong đó có những vị chức sắc cao cấp như Đức Liễu Tâm Chơn Huỳnh ngọc Trác, Giáo sư Lê Đường, Lê quang Viện, Nguyễn Sử, Nguyễn Kinh, Bùi Phụng, Nguyễn Tổng, Trần lương Hiếu... tại Quảng Ngãi và giáo sư Nguyễn hồng Phong cùng 5 nhân sĩ khác bị giết tại làng Bầu ở Quảng Nam.

³⁷ Đảng Chí Hùng 6/11/2013: Giao ước có tên “Ghi nhớ hợp tác Việt Trung” - số hiệu (VT/GU- 0212) ký ngày 12/06/1953 tại Quảng Tây giữa Hồ và Mao như sau: “Trước tình hình quân đội thực dân Pháp đang củng cố xâm lược Việt Nam. Đảng cộng sản nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa và đảng Lao động Việt Nam dân chủ cộng hòa nhận thấy cần có sự tương trợ và giúp đỡ lẫn nhau để giữ tình đoàn kết hai đảng, chính phủ và nhân dân hai nước như sau:

Điều 1: Chính phủ Trung Quốc sẽ đồng ý viện trợ vũ khí theo yêu cầu chi viện của quân đội nhân dân Việt Nam. Ngoài ra sẽ gửi các cố vấn, chuyên gia quân sự để giúp đỡ quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 2: Đảng Lao động do đồng chí Hồ Chí Minh lãnh đạo đồng ý sáp nhập đảng Lao Động Việt Nam là một bộ phận của đảng cộng sản Trung Quốc.

Điều 3: Hai bên thống nhất Việt Nam dân chủ cộng hòa là một bộ phận của cộng hòa nhân dân Trung Hoa với quy chế của một liên bang theo mô hình các quốc gia nằm trong Liên Bang Xô Viết (Phụ lục đính kèm).

Điều 4: Trước mắt, đảng và chính phủ hai nước cần tập trung đánh đuổi thực dân Pháp và giành lại chủ quyền lãnh thổ cho Việt Nam. Các bước tiếp theo của việc sáp nhập sẽ được chính thức thực thi kể từ ngày hôm nay 12/06/1953.

Điều 5: Chính phủ cộng hòa nhân dân Trung Hoa đồng ý cung cấp viện trợ kinh tế cho chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa theo thỏa thuận đã bàn giữa chủ tịch Mao Trạch Đông và chủ tịch Hồ Chí Minh (Phụ lục đính kèm).

Ký tên: Hồ Chí Minh và Mao Trạch Đông”

Lâm Đức Thụ, theo ghi nhận của Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, đã khoe đó là thành tích do chính mình đạt được. Vào năm 1925, Lâm Đức Thụ là người thân tín của Hồ Chí Minh được dành cho vai trò lãnh đạo cao nhất của tổ chức Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội nên không thể không bàn bạc với Hồ Chí Minh về mọi công việc. Ngoài ra, những người từng có mặt trong tổ chức trên như Lê Du, hoặc quan trọng hơn nữa như Vương Thúc Oánh đều cho biết sự việc đã diễn tiến ra sao. Cho nên chỉ dựa vào việc Phan Bội Châu nghi ngờ Nguyễn Thượng Huyền thay vì Hồ Chí Minh chưa thể đủ lý do để kết luận. Đối với Phan Bội Châu, cả Nguyễn Thượng Huyền lẫn Hồ Chí Minh đều xem như con cháu nên đều được tin cậy. Phan Bội Châu nghi Nguyễn Thượng Huyền chỉ vì Nguyễn Thượng Huyền đang ở kề cận biết rõ hành trình của mình và đã có người tới nói rằng Nguyễn Thượng Huyền làm việc đó.

Dù biện minh của Duiker được đánh giá ra sao thì vẫn cho thấy Duiker không nhìn vấn đề như Halberstam mà coi hành vi bán người là điều không thể chấp nhận. Duiker vốn ngưỡng mộ Hồ Chí Minh nên cố đẩy hành vi này cho kẻ khác. Tuy nhiên, Duiker không thể phủ nhận một sự việc hiển nhiên là lời cáo buộc của Hà Huy Tập về trách nhiệm của Hồ Chí Minh trong việc đẩy hàng trăm người vào tay mật thám Pháp. Trong tác phẩm của mình, Duiker đã ghi: "...Hà Huy Tập nhân dịp báo cáo gửi Mạc Tư Khoa về kết quả của đại hội đảng, đã tán công thêm mấy đòn vào Nguyễn Ái Quốc. Trong thư ngày 31-3-(1932) gửi cho Dalburo, ông đã ghi là các đảng viên ở Đông Dương và Xiêm đang công khai đấu tranh chống di sản của ý thức hệ "cách mạng Dân tộc" của Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội và lãnh tụ của tổ chức này là Nguyễn Ái Quốc. Tập đề xuất buộc Quốc phải tự kiểm điểm để nhìn nhận đã phạm sai lầm trong quá khứ..."

"Mấy tuần sau Tập trở lại tấn công Quốc, bảo nhiều đại biểu của đại hội Macao đã quy trách, ít nhất một phần, cho Quốc về vụ hơn 100 đảng viên của Đông Dương Cộng sản Đảng, và của Thanh Niên Đồng Chí Hội bị Pháp bắt. Vì Quốc đã biết Lâm Đức Thụ là

gián điệp mà vẫn dùng. Tập cũng cáo buộc Quốc đã bắt cần bắt mỗi học viên ở học viện Quảng Đông phải nộp cho Quốc một tấm ảnh, cũng như tên, họ, địa chỉ của thân nhân. Những tài liệu này sau rơi vào tay Pháp. Vì vậy “Quốc không bao giờ có thể cho là mình không có trách nhiệm về những hành động đó”. Nguyên văn một đoạn trong báo cáo của Hà Huy Tập gửi Quốc Tế 3 đề ngày 20-4-1935 như sau: “Trước và sau đại hội của đảng, một số đồng chí khi nói chuyện với nhau thường bàn về đồng chí Nguyễn Ái Quốc (tức Hồ). Họ cho rằng Quốc chịu trách nhiệm về việc mật thám bắt hơn 100 hội viên đoàn thanh niên, bởi vì:

- Quốc biết rõ Lâm Đức Thụ là một tên khiêu khích nhưng vẫn làm việc với hắn.
- Quốc đã phạm sai lầm khi yêu cầu mỗi thanh niên nộp hai bức ảnh, ghi rõ tên thật, địa chỉ, tên cha mẹ, ông bà, cụ kỵ cùng với tên của từ 2 đến 10 người bạn.
- Ở trong nước, ở Xiêm (Thái Lan) và ở trong tù, người ta vẫn còn bàn tán đến trách nhiệm của Quốc, trách nhiệm mà anh ta không dám chối.”

Theo Hà Huy Tập, Hồ Chí Minh đã sai lầm khi đòi hỏi những người gia nhập tổ chức phải khai rõ lý lịch, nộp hình ảnh và tin cậy Lâm Đức Thụ nên những tài liệu này rơi vào tay mật thám Pháp khiến hàng trăm người đã bị bắt. Hà Huy Tập cũng cho rằng Hồ Chí Minh thiếu trung thành với tinh thần quốc tế vì tỏ ra nghiêng theo chủ nghĩa Dân tộc. So nguyên văn báo cáo của Hà Huy Tập với lời tường thuật của Duiker có một khác biệt là Hà Huy Tập không nói Đông Dương Cộng sản Đảng mà chỉ nói hội viên đoàn thanh niên trước đó tức Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội do Hồ Chí Minh giao cho Lâm Đức Thụ lãnh đạo một thời gian. Về việc này, Duiker viết: “*Có lẽ Nguyễn Ái Quốc đã được đọc những báo cáo như thế của Hà Huy Tập khi chúng đã tới Mạc Tư Khoa. Ông ta nghĩ gì về lời phê bình của Tập đối với hành động của ông thì không biết. Nhưng thái độ chung của ông được bộc lộ trong một lá thư gửi cho ai đó ở Bộ Phương Đông vào tháng 1-1935: Ông than phiền rằng trình độ hiểu biết về chủ nghĩa lý thuyết của các học viên*

Đông Nam Á từng theo học ở Mạc Tư Khoa rất thấp. Nhiều người không hiểu thế nào là cách mạng dân chủ tư sản, hay thế nào là sự liên hệ của cách mạng ruộng đất với chính nghĩa chống đế quốc...”

Hồ Chí Minh chê những sinh viên Đông Nam Á, trong đó có Trần Phú, Hà Huy Tập đã phê bình Hồ Chí Minh vì quá tình họ không hiểu cách hành động của Hồ Chí Minh và cũng chưa nắm vững quan điểm chiến lược sách lược liên minh giai đoạn của Lênin. Vận dụng chiêu bài chủ nghĩa Dân tộc trong thời điểm đó là một bước đi sách lược cần thiết. Vì chỉ bằng bước đi này mới có thể xâm nhập các tổ chức và cuốn hút quần chúng để gây dựng lực lượng. Bước đi cần thiết thứ hai là không nương tay với những phần tử cản đường và Hồ Chí Minh đã trù liệu đối phó bằng sự mượn tay mật thám Pháp nên kết thân với Lâm Đức Thụ là người đang cộng tác với Pháp. Dù đã nắm được tổ chức Tâm Tâm Xã xoay chuyển thành Việt Nam Thanh Niên Đồng Chí Hội, Hồ Chí Minh vẫn hiểu hầu hết hội viên của tổ chức này thuộc hàng ngũ quốc gia yêu nước. Do đó, yêu cầu khai rõ lý lịch với các chi tiết về nơi ở, người thân khi có việc cần và nộp hình không phải khuyết điểm như Hà Huy Tập đã nghĩ mà là một việc được tính kỹ để thanh toán các phần tử sẽ biến thành trở ngại như phản đối chủ nghĩa Cộng sản hoặc thiếu trung thành với Đệ Tam Quốc Tế. Khi xảy ra các sự việc này, Hồ Chí Minh chỉ cần nhắc Lâm Đức Thụ cung cấp tài liệu cho mật thám Pháp. Cho nên, mặc dầu có những báo cáo trên, Hồ Chí Minh vẫn được tin cậy ở vai trò cán bộ đại diện Đệ Tam Quốc Tế tại Đông Nam Á, còn những người như Trần Phú, Hà Huy Tập dù nói tiếp nhau giữ chức tổng bí thư Đông Dương Cộng sản Đảng vẫn chỉ là cán bộ thuộc một chi bộ địa phương. Những báo cáo của Hà Huy Tập không tác hại tới vị thế của Hồ Chí Minh nhưng là chứng liệu cụ thể về tương quan giữa Hồ Chí Minh với mật thám Pháp vào những năm cuối thập niên 1920 đầu thập niên 1930. Mọi tương quan này đã khiến hàng trăm người yêu nước rơi vào vòng tù tội do bàn tay của Hồ Chí Minh. Vì thế, việc bán Phan Bội Châu cho mật thám Pháp có thể coi là sự việc khơi gợi cho một phương pháp hành xử của Hồ Chí Minh và cũng có thể coi là hành vi mở đầu cho một phương pháp đã được trù tính trước.

Trong sự biện bạch, Duiker cố loại Hồ Chí Minh khỏi vụ bán Phan Bội Châu và có những lời lẽ lấp lửng để người đọc thấy hàng trăm người bị bắt về sau chỉ do Hồ Chí Minh làm tin Lâm Đức Thụ. Nhưng cũng chính Duiker đã quả quyết Hồ Chí Minh luôn nắm vững đường lối đấu tranh Lênin tức là Tín đồ cuồng nhiệt của chủ thuyết bá đạo Sergey Nechayev. Mọi lời biện bạch trở nên không cần thiết vì với một người như thế, việc gì cũng có thể xảy ra. Riêng với Phan Bội Châu dù tên tuổi luôn được các tác giả Cộng sản Việt Nam nhắc đến như một vết son tô điểm thêm cho huyền thoại Hồ Chí Minh, nhưng chính Hồ Chí Minh từng nêu rõ ý mình như sau: “*Cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp. Điều đó rất nguy hiểm, chẳng khác gì “đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau”*”. Đây một kẻ “rước beo cửa sau” vào tù ngục hoặc vào cũi chết đâu có phải điều khó khăn với một người đã chọn bá đạo làm phương châm hành động. Và lại, từ sau khi qua các lớp huấn luyện tại Mạc Tư Khoa, Hồ Chí Minh đã chọn con đường không chấp nhận tinh thần yêu nước là yêu Dân tộc. Từ giữa năm 1923, đối với Hồ Chí Minh, yêu nước là phải yêu xã hội chủ nghĩa. Phan Bội Châu đã quay lưng lại với xã hội chủ nghĩa ngay từ cuộc gặp gỡ đại diện Nga tại Bắc Kinh năm 1920 do tinh thần yêu Dân tộc. Vì thế, nếu Phan Bội Châu bị đối xử như cách đối xử dành cho những phần tử thuộc Tâm Tâm Xã không chấp nhận Cộng sản sau năm 1925 cũng là chuyện bình thường.

Trong Việt Sử Tân Biên, Phạm Văn Sơn đã ghi lại cảnh hàng trăm bà già buôn thúng bán bưng quỳ dọc theo phố hàng Đường, Hà Nội dâng thỉnh nguyện thư xin ân xá cho Phan Bội Châu vào lúc Toàn Quyền Alexandre Varenne vừa nhậm chức đi thị sát qua khu phố này. Đây là lần đầu chính quyền thuộc địa Pháp đứng trước một phong trào đấu tranh quyết liệt và có quy mô bao trùm toàn cõi Việt Nam. Kết quả, Tòa chỉ đưa ra một án tù treo và Toàn Quyền Varenne phải cử Khâm Sứ Trung Kỳ Pierre Pasquier đích thân tới phòng giam Hỏa Lò gặp Phan Bội Châu, sắp xếp việc đưa đi an trí tại Huế. Phan Bội Châu bị bắt khiến hàng ngũ Dân tộc yêu nước mất một điểm tựa mang tính chỉ đạo nhưng đã củng cố thêm niềm tin đặt vào

các phong trào đấu tranh và hun nóng nhiệt tình của mọi giới ở trong nước.

Riêng Phan Bội Châu cho tới khoảng 1928-1929 khi ngồi viết Phan Bội Châu niên biểu vẫn không hiểu vì sao mật thám Pháp lại biết rõ hành trình của mình để chờ sẵn tại Bắc trạm Thượng Hải, ngoài một mối nghi ngờ: *“Ai dè lúc tôi ra đi, thì cái thời giờ hành động của tôi đã có kẻ nhất nhất mật báo với người Pháp mà cái người mật báo đó lại chính là người ở chung với tôi, từng nhờ tôi nuôi nấng... Người ấy nghe nói tên là Nguyễn Thượng Huyền... gọi cụ Thượng Hiền bằng ông chú, thông chữ Hán, đã từng đậu cử nhân, chữ Pháp, chữ quốc ngữ cũng đủ xài. Tôi nhân yêu tài nó, lưu nó làm thư ký còn như nó làm ma (mật thám) cho Pháp thì tôi có nghĩ tới đâu!”*. Phan Bội Châu không cho biết đã được nghe ai nói Nguyễn Thượng Huyền làm ma (tức mật thám) cho Pháp và báo rõ hành trình của ông, tuy nhiên có vẻ tin theo. Vào lúc Phan Bội Châu được nghe nói như thế thì tại Hà Nội, năm 1928, nhà xuất bản Nam Đồng Thư Xã cho phát hành tập tài liệu của tác giả Nhượng Tống nêu đích danh người báo cho mật thám Pháp bắt Phan Bội Châu là nhóm Lý Thụy, Lâm Đức Thụ. Nhượng Tống phát giác sự việc trên dựa theo nhiều nguồn tin từ những người xung quanh Phan Bội Châu tại Trung Hoa.

Vào thời điểm đó, Lý Thụy cũng như Lâm Đức Thụ không phải những nhân vật tên tuổi trong hàng ngũ đấu tranh và cũng chưa tiêu biểu nổi cho một xu hướng chính trị rõ rệt nào ngoài tư cách người của tổ chức Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội vừa được thành hình. Điều mọi người biết về Lâm Đức Thụ chỉ là còn có tên Trương Béo hoặc Hoàng Chấn Đông, tên thật là Nguyễn Công Viễn, từng tham gia Tâm Tâm Xã của Phan Bội Châu và có liên quan với tòa lãnh sự Pháp tại Hong Kong. Như vậy, những nguồn tin mà Nhượng Tống nhận được chắc chắn không do dụng ý chống Cộng nhắm xuyên tạc về lãnh tụ Hồ Chí Minh như các tác giả Cộng sản Việt Nam sau này nêu ra. Trên thực tế, cái tên Hồ Chí Minh chỉ xuất hiện từ tháng 8-1945 và năm 1928 không ai biết Lý Thụy là Nguyễn Ái Quốc. Hơn nữa, dù năm 1949 Nhượng Tống bị Cộng sản

ám sát tại Hà Nội, nhưng vào năm 1928, Nhượng Tổng chưa hề đặt Cộng sản vào thế thù địch.

Nhượng Tổng bước vào làng báo năm 1924 chuyên hoạt động về văn hóa cho đến cuối tháng 12-1927 mới gia nhập Việt Nam Quốc Dân Đảng của Nguyễn Thái Học. Tập tài liệu Ai bán đứng cụ Phan Bội Châu? có thể được viết từ trước thời điểm này để ẩn hành kịp vào năm 1928 và như thế Nhượng Tổng không những chưa biết Lý Thụy là cán bộ Đệ Tam Quốc Tế mà thậm chí còn không biết Lý Thụy là ai nữa. Người ta đã biết tới cuối năm 1929, Việt Nam Quốc Dân Đảng còn cử người qua Thái Lan liên lạc với Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội đề nghị giúp đỡ vũ khí để khởi nghĩa. Thực ra, không chỉ riêng Nhượng Tổng nhận được các tin tức cho biết Lý Thụy và Lâm Đức Thụ chủ mưu bán đứng Phan Bội Châu. Năm 1948, trên tạp chí Cải Tạo tại Hà Nội số tháng 10-1948 được Joseph Buttinger trích lại, Đào Trinh Nhất đã viết bài Một bí mật chưa ai nói ra nêu tên Hồ Chí Minh là kẻ chủ mưu bán đứng Phan Bội Châu cho mật thám Pháp.

Đặc biệt hơn, chính Kỳ Ngoại Hầu Cường Để là người từng có Lâm Đức Thụ bên cạnh nhiều năm ở Trung Hoa cũng ghi lại sự việc này như sau: *“Cuối tháng 5 năm 1925, Lâm Đức Thụ viết thư và gửi tiền lên Hàng Châu cho ông Phan Bội Châu, mời về Quảng Châu nhân dịp kỷ niệm Phạm Hồng Thái ngày 19 tháng 6, làm một cuộc tuyên truyền lừng lẫy cho cách mệnh Việt Nam”*. Ông Phan nhận được thư và tiền, liền đi Thượng Hải để đáp tàu thủy về Quảng Châu. Ông Phan đi rồi, mãi không thấy có thư từ gì về, bọn Hồ Học Lãm ở Hàng Châu lấy làm lạ, viết thư hỏi các đồng chí ở Quảng Châu. Thư trả lời nói không thấy ông Phan xuống đó, ai cũng lo. Hơn một tháng sau, Lâm Chi Hạ, chủ nhiệm Quân Sự Biên Tập Xứ, tiếp được một phong thư từ Sán Đầu gửi tới, có kèm theo một mảnh thư do ông Phan viết, mới biết là ông bị bắt rồi. Gửi thư ấy đến Lâm Chi Hạ là một học sinh Tàu. Người này cho biết rằng nhân dịp nghỉ hè, từ Thượng Hải về Sán Đầu thăm nhà, gặp ông Phan ở trên tàu thủy, ông Phan thừa lúc người đi kèm không ở cạnh, nói chuyện với y và viết mảnh giấy ấy, nhờ y gửi đi Hàng

Châu cho Lâm Chi Hạ. Cứ như lời ông Phan nói trong mảnh giấy ấy thì khi ông đi xe lửa từ Hàng Châu đến Thượng Hải, vừa ra khỏi cửa ga, liền bị mấy người cảnh sát tô giới Anh núp lầy, điệu lên xe hơi đưa đến tô giới Pháp giao cho người Pháp. Ông bị giam ở đó ít lâu, rồi bị giải về nước bằng tàu thủy.

Lâm Đức Thụ ở Quảng Châu, lúc đầu cố phao vu cho người này người khác để che lấp tội ác của mình nhưng về sau thấy ông Phan bị bắt về đến trong nước, thành ra một cuộc tuyên truyền có hiệu lực cho cách mệnh, Lâm Đức Thụ mới khoe với mọi người đó là công hấn, vì chính hấn bắt cụ Phan. Hấn lại nói “ *Sở dĩ bắt cụ Phan là vì hấn nghĩ ông đã trở nên già hủ, không thích hợp với thời đại mới nữa, ở ngoài bất quá biết làm mấy câu văn tuyên truyền hão bằng chữ Nho, chẳng được chuyện gì, không bằng đưa Phan Bội Châu về nước lấy bản thân ra làm lợi khí tuyên truyền, lại có ích hơn*”

Những ý kiến mà Cường Để ghi là của Lâm Đức Thụ đã được Hoàng Văn Chí dựa theo tài liệu của nhạc phụ là Sở Cường Lê Dur xác nhận là ý kiến của Hồ Chí Minh. Lúc đó, nhóm Lâm Đức Thụ rất tin theo Hồ Chí Minh và đang tính toán biến Tâm Tâm Xã thành tổ chức riêng. Một vấn đề khiến cả nhóm ưu tư là có thể gặp trở ngại khi Phan Bội Châu không đồng ý, vì Phan Bội Châu đang tiến hành việc cải tổ Việt Nam Quang Phục Hội thành Việt Nam Quốc Dân Đảng theo khuôn mẫu Trung Hoa Quốc Dân Đảng. Lê Dur theo Phan Bội Châu hoạt động trong Tâm Tâm Xã nhưng gần gũi với Lâm Đức Thụ. Vì thế, Lê Dur đã được nghe nhắc tới ý kiến của Hồ Chí Minh, lúc đó mang tên Lý Thụy và biệt danh Vương Sơn Nhị. Theo Lê Dur, Hồ Chí Minh đã nói: “*Cụ đã gần đất xa trời mà chẳng nên công việc gì, chi bằng bán cụ cho Pháp lấy tiền cho Đảng ta*”.

Một người trực tiếp nghe Hồ Chí Minh phát biểu như trên là Vương Thúc Oánh. Vương Thúc Oánh là người thứ 7 trong 9 hội viên bí mật của Cộng sản Đoàn thành lập vào tháng 2-1925. Lúc đó, Vương Thúc Oánh rời Thái Lan theo Hồ Tùng Mậu về Quảng Châu

và luôn có mặt trong mọi phiên họp bàn bạc về hoạt động của nhóm. “Trong cuốn sách tự thuật in vào năm 1962, Vương Thúc Oánh cho biết trong phiên họp khoảng đầu năm 1925 của Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, một hội vừa mới được Lý Thụy móc nối và thành lập, và Vương Thúc Oánh có hiện diện trong buổi họp đó, Lý Thụy nói: “Cụ Phan ái quốc thật, nhưng cụ đã quá già, đầu óc rất khó hấp thụ những trào lưu tư tưởng mới. Cụ lại quá thành thực, dễ tin người ...” Lý Thụy đã lý luận hãy để cho cụ Phan trở thành biểu tượng đấu tranh bằng cách để người Pháp bắt giam cụ Phan xong rồi Hội tổ chức các cuộc đấu tranh cho cụ. Song song, khi bán tin cho người Pháp bắt cụ, người Pháp phải gọi lại cho Hội một số tiền và Hội dùng số tiền này để phát triển lực lượng. Lý luận “nhất cử lưỡng tiện” này đã được các thành viên trong Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội biểu quyết chấp thuận”.

Vương Thúc Oánh là con rể Phan Bội Châu cũng không thể phản đối và số tiền nhận được từ người Pháp trong vụ này, theo Vương Thúc Oánh, là 10 vạn quan, tức 100 ngàn quan. Vụ “bán người” này được hầu hết các tác giả khác nhắc tới trong số có Đào Văn Hội, tác giả Ba nhà chí sĩ họ Phan, cho biết thêm một chi tiết khác: “Sau khi Phan Bội Châu đi Hàng Châu, Lý Thụy và Lâm Đức Thụ đã triệu tập các nhà cách mạng tại Quảng Châu lại, trừ Nguyễn Hải Thần, để bàn về vấn đề tài chánh. Không ai đưa ra được giải pháp nào về vấn đề này. Lâm Đức Thụ đã đề nghị hy sinh cụ Phan Bội Châu ... Và hội nghị đã ủy cho Lâm Đức Thụ và Phan Vị đến tiếp xúc với tòa tổng lãnh sự Pháp ở Hương Cảng để thương lượng”.

Về phía các tác giả ngoại quốc, David Halberstam và J. P. Honey là những người rất có thiện cảm với Hồ Chí Minh cũng xác nhận việc “bán người” trên. Honey viết: “Việc Hồ Chí Minh bán đứng nhà ái quốc nổi tiếng Phan Bội Châu cho Pháp lúc ấy đang sống lưu vong ở Trung Hoa minh họa chân dung (cả tính) đích thực của con người đó (tức HCM). Sau này ông ta đã chứng minh cho đồng chí thấy việc làm đó là chính đáng bằng cách nêu lên 3 lý do thúc đẩy ông ta làm:

Một, Phan Bội Châu không phải cộng sản mà là người “quốc gia” và có thể sẽ là đối địch với cộng sản trong kế hoạch kiểm soát phong trào kháng chiến chống Pháp. Phản Phan Bội Châu là loại bỏ được một đối thủ tương lai.

Hai, món tiền thưởng nhận được của Pháp có thể được dùng một cách tối ưu để phát triển phong trào cộng sản Việt Nam.

Ba, việc Pháp xử tử Phan Bội Châu sẽ tạo nên một không khí phấn nộ mạnh trong nước lúc ấy đang cân có. Biện luận kiểu đó chứng tỏ không còn nghi ngờ rằng Hồ cực đoan, tàn nhẫn và có óc tính toán.”

Khác với J. P. Honey, David Halberstam không nhìn sự việc như một biểu hiện tính chất cực đoan, tàn nhẫn của con người Hồ Chí Minh mà đặt trên căn bản những cái lợi thu được cho hoạt động của Hồ Chí Minh: “Nhà ái quốc già Phan Bội Châu, bạn của thân phụ Hồ, lúc ấy đang ở Quảng Đông. Tại đây ông đã thu hút một số đồng thanh niên Việt đang sống lưu vong. Còn Hồ Chí Minh thì nay là một chiến sĩ cách mạng chuyên nghiệp được rèn luyện tại Mạc Tư Khoa. Ông ta coi Châu chẳng có chút hy vọng nào và còn là một vấn đề trở ngại. Châu đối với Hồ chỉ còn là thứ di tích của quá khứ để tôn thờ. Xem ra Châu không phải một nhà cách mạng mà chỉ là một kẻ chống đối trong một địa phương hạn hẹp muốn có chút thay đổi. Đối với nhóm của Hồ, cụ Phan là con người chỉ biết an phận ngồi bàn chuyện đầu đầu trong khi thế giới đang biến chuyển và thời cuộc đang hối thúc phải hành động. Một phụ tá của Hồ bỗng nảy ra ý kiến có thể cho đoàn thể có một tài khoản lớn đồng thời làm phần chấn lòng yêu nước trong nước. Anh ta đề nghị với Hồ nên hy sinh Châu cho đại nghĩa quốc gia. Lúc ấy Châu là lãnh tụ quốc gia nổi tiếng nhất tại Quảng Đông. Bán Châu cho Pháp, bọn họ sẽ được thưởng, trong khi đó, việc bắt giữ và xử án Châu sẽ dấy động lòng dân và kéo chú ý của quốc tế. Phản ứng của quốc tế sẽ rất mãnh liệt nên Pháp sẽ không thể xử tử Phan Bội Châu. Ông Hồ đồng ý và vào tháng 6 năm 1925, Châu nhận được giấy mời dự buổi họp đặc biệt của những nhà cách mạng Việt Nam. Khi ông tới Thượng Hải thì bị

mấy người lạ mặt bắt cóc đưa về sở của người Pháp rồi từ đó về Hà Nội”.

Người ta tin rằng kẻ trung gian của Hồ đã nhận được 150 ngàn đồng của người Pháp trao cho. Châu bị xử khổ sai chung thân, nhưng mấy tuần sau được ân xá. Toàn quyền Pháp lúc ấy mời Châu đến tư dinh nghỉ đêm, nhưng vị ái quốc lão thành ngay cả lúc ấy cũng còn khước từ không chịu hợp tác với thực dân. Tuy nhiên, ông đã bị loại khỏi sân khấu chính trị, và tại Quảng Đông, Hồ Chí Minh nhanh chóng thu dụng một số những thanh niên Việt lưu vong từng quây quần xung quanh Phan Bội Châu. Từ đó Hồ Chí Minh bắt đầu thành lập nhóm riêng của ông ta.”.

Theo Halberstam, Hồ Chí Minh quyết định theo gợi ý của một phụ tá và số tiền nhận được là 150 ngàn. Đây là hai chi tiết tương đối dị biệt so với các tác giả khác. Ngoài ra, mọi chi tiết đều phù hợp, đặc biệt về lý do chủ yếu thúc đẩy hành động bán người là thanh toán trở ngại trên đường phát triển ảnh hưởng Cộng sản. Halberstam ngưỡng mộ Hồ Chí Minh như một thần tượng nên không thể có dụng ý xuyên tạc để bôi xấu thần tượng. Ngược lại, Halberstam còn coi hành động này phản ánh tài trí hơn người của Hồ Chí Minh vì vừa loại trừ được một trở ngại vừa có thêm tài chính, có thêm điều kiện nhân tâm thuận lợi và có động cơ cụ thể thúc đẩy việc đấu tranh. Tuy nhiên có thể chính Halberstam vẫn không tin lý lẽ của mình đủ thuyết phục mọi người nhìn sự việc theo hướng đã mở, vì nhiệt tình yêu nước của Phan Bội Châu và cái án tử hình khiếm diện đã có từ 1913. Bởi lẽ, bất kỳ lý do nào cũng không cho phép đặt một người nhiệt tình yêu nước dưới máy chém của kẻ thù. Cho nên, Halberstam đã nhấn mạnh về tuổi già vô dụng của Phan Bội Châu và sự tin tưởng Pháp không dám ra tay sát hại ông. Gần như Halberstam chỉ lập lại những biện bạch do chính Hồ Chí Minh (hoặc một phụ tá) nêu ra trong các buổi họp cho rằng Phan Bội Châu già yếu không còn thích hợp với việc đấu tranh và cho rằng người Pháp không dám xử tử Phan Bội Châu. Lúc đó Phan Bội Châu mới 58 tuổi và là nhân vật nổi bật đối với cả quần chúng trong nước lẫn chính giới Nhật Bản - Trung Hoa nên biện bạch trên không phản ảnh thực tế mà chỉ xuất phát từ dụng tâm cố tình triệt hạ.

Về sự tin tưởng người Pháp không dám xử tử Phan Bội Châu thì có thể coi như cách trấn an để ai còn nghi ngại sẽ xuôi theo chứ không dựa trên cơ sở nào. Thực ra, theo các tác giả khác, Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề hy sinh Phan Bội Châu để tạo một biểu tượng đấu tranh và đã nói hành vi xử tử Phan Bội Châu sẽ gây cảm phần trong quần chúng tức là không che giấu ý định đẩy Phan Bội Châu vào cái chết để khai thác. Dù nhìn sự việc theo cách nào, việc Phan Bội Châu rơi vào tay mật thám Pháp đã đem lại cho Hồ Chí Minh nhiều lợi điểm trong bước đầu phát triển ảnh hưởng. Trước hết là cảnh huống đột ngột mất ngọn đuốc chỉ đạo của những người đang hoạt động chống Pháp tại Trung Hoa - Thái Lan, vì hầu hết những người này đều hưởng ứng phong trào Đông Du hoặc hưởng ứng các hội đoàn chịu ảnh hưởng Phan Bội Châu.

Mất Phan Bội Châu, tất cả trở thành mất phương hướng nên dễ dàng ngã theo tuyên truyền Cộng sản hoặc dễ dàng liên kết với Cộng sản để sẽ trở thành công cụ. Chứng cứ cụ thể là ngay những người từng có nhiều năm tranh đấu như Hồ Học Lãm, Nguyễn Hải Thần... cũng trở thành con cò bị vận dụng từ thập niên 1930. Kế tiếp, sự vắng mặt của Phan Bội Châu đã mở ra khung cửa lớn cho những nỗ lực tiếp cận với chính quyền Trung Hoa Dân Quốc. Cánh cửa đó từ trước gần như bị che khuất bởi uy danh Phan Bội Châu thì lúc này luôn bỏ ngõ cho bất kỳ kẻ nào khôn khéo. Hồ Chí Minh có lợi thế hơn bất kỳ ai hết vì có Quốc Tế Cộng sản yểm trợ sau lưng trong lúc chính quyền Trung Hoa đang thi hành chính sách Liên Nga Dung Cộng. Tình hình này giúp Hồ Chí Minh dễ dàng tranh thủ sự ủng hộ của nhiều nhân vật chính quyền Trung Hoa, thậm chí nhận được cả sự ủng hộ của phu nhân lãnh tụ Tôn Dật Tiên, bà Tống Khánh Linh, Thuận lợi hơn nữa là khung cảnh đấu tranh gần như hoàn toàn mới ở trong nước, nhất là quyết định thủ tiêu Việt Nam Quang Phục Hội do chính Phan Bội Châu đưa ra chưa kịp có bước tiếp nối. Biến cố Phan Bội Châu bị bắt khiến nhiều tầng lớp quần chúng thức tỉnh, đồng thời khó tránh gây hoang mang cho các hội đoàn đấu tranh dưới ảnh hưởng của Phan Bội Châu đang chưa biết tiến lui ra sao. Có thể hình dung địa bàn quốc nội gần như bỏ ngõ cho những ai đã có định hướng khai thác.

Điều này đã giải thích về sự phát triển tương đối mau chóng của Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội là tổ chức do một Tổng Bộ lãnh đạo gồm người Cộng sản nhưng vẫn tuyên truyền đường lối Tam Dân Chủ Nghĩa, vẫn trung hình Tôn Dật Tiên, Phạm Hồng Thái và nhất là vẫn không rời danh nghĩa Phan Bội Châu. Thuận lợi đáng kể hơn hết đối với bản thân Hồ Chí Minh là dẹp xong một trở ngại lớn. Từ tháng 6-1923, Hồ Chí Minh đã có mặt tại Liên Xô, được chọn là ủy viên Quốc Tế Nông Dân, được huấn luyện tại Đại Học Cộng sản Mạc Tư Khoa, được kết nạp vào Đệ Tam Quốc Tế công tác tại Cục Phương Đông và nhất là đặt trọn niềm tin vào lãnh tụ Lênin như đã viết trên báo Pravda ngày 27-1-1924: *“Khi còn sống, Người là cha, là thầy, là đồng chí và cố vấn của chúng ta. Ngày nay, Người là ngôi sao sáng chỉ đường cho chúng ta đi tới cách mạng xã hội. Lênin bất diệt sẽ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta”*.

Với niềm tin này, Hồ Chí Minh nhìn thấy Phan Bội Châu vốn nhiệt thành yêu nước theo chủ nghĩa Dân tộc chắc chắn không bao giờ tôn thờ Lênin. Như thế, dù muốn dù không, Phan Bội Châu đã trở thành kẻ đại địch, nhất là với vị thế và uy tín mà Phan Bội Châu đang có. Nhiệm vụ của Hồ Chí Minh tại Cục Phương Đông sẽ hết sức nặng nề trong trường hợp Phan Bội Châu tiếp tục tồn tại để lãnh đạo các phần tử đấu tranh. Trong quan điểm chiến lược sách lược do Lênin vạch ra, vấn đề liên minh là trọng yếu nhưng chỉ có thể liên minh trong tư thế nắm vững quyền chỉ đạo. Phương sách đối phó duy nhất trong trường hợp gặp những kẻ cản trở thế liên minh này là loại trừ. Việc Phan Bội Châu bị vĩnh viễn loại khỏi chính trường hoàn toàn phù hợp với quan điểm chiến lược sách lược mà Lênin đã vạch ra. Năm 1972, Sử gia kiêm học giả Đài Loan là Tưởng Vĩnh Kính, qua tác phẩm ‘Hồ chí Minh tại Trung quốc’ cũng xác nhận chính Lâm đức Thụ (đại diện của Phan bội Châu tại Hương Cảng) và Nguyễn Ái Quốc (Lý Thụy-Hồ chí Minh), đã bán cụ Phan cho Pháp, rồi cả hai chia đôi số tiền thưởng là 100.000 quan bây giờ. Sau đó, Thụ và Quốc còn hợp tác nhiều năm nữa để bán những đồng chí của cụ Phan cho Pháp.

Tuy vậy, vẫn có những tác giả tránh né đề cập hoặc bác bỏ việc Hồ Chí Minh bán đứng Phan Bội Châu. Trước hết, hết thảy các tác giả Cộng sản Việt Nam đều không bao giờ nhắc đến việc này. Một câu viết gần như trở thành khuôn đối với các tác giả này là gán cho người nhắc đến vấn đề những từ xuyên tạc, vu cáo và cũng không nói rõ xuyên tạc, vu cáo điều gì. Chẳng hạn, trong Phan Bội Châu niên biểu, nơi bài mở đầu, Chương Thâu viết: “Về nguyên văn chữ Hán, Phan Bội Châu niên biểu có khá nhiều bản, trong số này, may mắn còn bảo tồn được hai bản gốc có thủ bút của cụ Phan (bản của Huỳnh Thúc Kháng và bản của Anh Minh)... Ông Nguyễn Văn Xuân ... đã chỉ trích sai lầm đối với giới học thuật miền Nam lúc đó là vì sao lại không tin, không dựa vào Anh Minh? Theo chúng tôi, sở dĩ người ta không thể tin Anh Minh vì chính Anh Minh đã có nhiều việc làm khuất tất, mờ ám, nhất là y đã cố tình xuyên tạc tài liệu Phan Bội Châu để nhắm mục đích chống Cộng một cách khá lộ liễu”. Cũng trong Phan Bội Châu niên biểu, đoạn Phan Bội Châu nhắc đến việc giao dịch với Hồ Chí Minh, Chương Thâu đã nhấn mạnh mấy chữ “ông đã nhiều lần viết giấy cho tôi” và ghi thêm trong chú thích như sau: Ở đây ta chú ý là: đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã trao đổi với cụ Phan bằng thư từ chứ không phải trực tiếp bàn bạc, vì khi đồng chí Nguyễn Ái Quốc về đến Quảng Châu thì cụ Phan đã đi Hàng Châu từ trên dưới một tháng rồi. Có thể Phan Bội Châu không gặp Hồ Chí Minh tại Quảng Đông, nhưng ở đây dụng ý của Chương Thâu chỉ muốn đẩy xa Hồ Chí Minh khỏi vụ án Phan Bội Châu.

Trong khi đó, một tài liệu khác của Cộng sản Việt Nam giao cho UNESCO là tập Bác Hồ những năm tháng ở nước ngoài của Đặng Hòa lại dành nhiều trang tả cuộc gặp gỡ rất thân thiết giữa 2 người như sau: “Với địa chỉ do cơ quan Borodin cung cấp, ông Nguyễn lên Hàng Châu tìm gặp cụ Phan Bội Châu. Sau hai mươi năm trời mới gặp lại, ông thấy cụ vẫn quắc thước và tràn đầy nhiệt huyết như xưa. Còn cụ Phan, cụ rất mừng khi gặp lại ông Nguyễn, con trai cụ Phó Bảng làng Sen thân thiết. Những năm đầu thế kỷ, khi cụ khởi xướng phong trào Đông Du, đã có lần cụ ngộ ý với cụ Phó Bảng để anh Nguyễn lúc đó mới 14 tuổi đi theo con đường của

cụ. Nhưng người thiếu niên của dòng họ Nguyễn Sinh đó đã đi con đường của riêng anh, con đường khác với các bậc cha chú đương thời. Gặp lại nhau, hai bác cháu hàn huyên trò chuyện. Những kỷ niệm của quá khứ được nhắc đến. Ông Nguyễn còn đọc lại cho cụ Phan nghe hai câu thơ trong cuốn Túy Viên mà 23 năm trước, năm 1901 trong bữa rượu say với cụ Phó Bảng tại nhà ông Nguyễn, cụ Phan đã đọc:

Mỗi phận bất vong ghi trúc bạch
Lập thân tối hạ thị văn chương
(Mỗi bữa không quên ghi sử sách
Lập thân hèn nhất là văn chương)

Trong cuộc đàm luận, cụ Phan đã giới thiệu với ông Nguyễn danh sách 14 người yêu nước đã cùng cụ hoạt động bấy lâu. Trong danh sách đó, có một số thanh niên mà cơ quan Borodin đã cung cấp cho ông hôm trước. Vài năm sau cuộc hội kiến lịch sử này, khi Phan Bội Châu đã trở thành Ông Già Bến Ngự để quãng đời cuối cùng trôi qua trên đất Huế, đã có đôi lần khi các thanh niên yêu nước hỏi cụ: Bây giờ cụ về nước thì ở nước ngoài còn có người Việt Nam nào thay cụ dẫn dắt đồng bào được nữa? Cụ đã không ngần ngại mà trả lời rằng: Vẫn còn, còn có Nguyễn Ái Quốc, ông Nguyễn giỏi hơn tôi, ông sẽ làm được việc đó!

Tuy viết dài về cuộc gặp gỡ, Đặng Hòa không nhắc một chữ đến việc Phan Bội Châu bị mật thám Pháp bắt mà còn vẽ ra sự ngưỡng mộ cảm phục của Phan Bội Châu đối với Hồ Chí Minh bằng một chứng liệu vu vơ, nhất là nhắc đến cái tên Nguyễn Ái Quốc mà Hồ Chí Minh giấu kín vào lúc đó.

Sự thật lịch sử đã chứng minh Hồ Chí Minh là một đại gian hùng, một con người muôn mặt thâm độc quỷ quyệt không từ bỏ một thủ đoạn nào. Sau khi cướp chính quyền ngày 19 tháng 8 và tuyên bố độc lập ngày 2 tháng 9 năm 1945 thì đến ngày 6 tháng 3 năm 1946 lại ký với Sainteny một hiệp ước sơ bộ Việt-Pháp trong đó ghi rõ Việt Nam là một nước trong Liên Hiệp Pháp và đồng ý để

Pháp đem 15 ngàn quân ra Hà Nội. Sau đó, nửa đêm Hồ Chí Minh đến nhà viên bộ trưởng bộ thuộc địa xin ký Tạm Ước Việt-Pháp 15 tháng 9 năm 1946 với nội dung hoàn toàn bất lợi cho Việt Nam. Tạm Ước quy định về mặt quân sự giữ nguyên tình trạng chiếm đóng của các phe tham chiến. Tuy nhiên có điều đáng kể là người Pháp tái lập ưu thế kinh tế của họ ở Đông Pháp qua hai điểm:

- a) Các công ty của Pháp được quyền hoạt động trở lại ở Đông Dương sẽ "không phải chịu một chế độ khe khắt hơn chế độ dành cho tài sản và xí nghiệp của người Việt Nam" (Khoản 2 trong tạm ước),
- b) Thuế quan, nguồn lợi tức đáng kể nhất trong ngân sách Liên bang Đông Dương, sẽ do người Pháp tiếp tục đảm nhiệm

BỘ MẶT THẬT CỦA NGUYỄN TẮT THÀNH VÀ HỒ CHÍ MINH

Ngày 18 tháng 6 năm 1919, nhân Hội nghị Versailles đòi quyền tự do cho nhân dân các nước thuộc địa, hội những người An Nam yêu nước sử dụng Nguyễn Tất Thành mới sang Pháp làm liên lạc viên và đưa cho Thành “Thỉnh nguyện thư” bản yêu sách của nhân dân An Nam gồm 8 điểm để kêu gọi lãnh đạo các nước Đồng Minh áp dụng các lý tưởng của Tổng thống Mỹ Wilson cho các lãnh thổ thuộc địa của Pháp ở Đông Nam Á, trao tận tay Tổng thống Pháp và các đoàn đại biểu đến dự hội nghị. Nhân cơ hội này Nguyễn Tất Thành lấy luôn tên Nguyễn Ái Quốc là bí danh hoạt động.

Cộng sản Việt Nam rêu rao tuyên truyền Nguyễn Tất Thành là người yêu nước, thế nhưng chính Nguyễn Tất Thành xác nhận “Dưới ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 và Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, tháng 12/1920, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp và bỏ phiếu tán thành Đảng gia nhập Quốc tế III (Quốc tế Cộng sản), trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Từ một người yêu nước trở thành một người cộng sản, Hồ Chí Minh khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”.

Năm 1920, Nguyễn Tất Thành mới gia nhập đệ tam cộng sản quốc tế tại Pháp, đến năm 1923, Nguyễn Ái Quốc với bí danh Lý Thụy có mặt trong ban thư ký của phái đoàn cố vấn Liên Xô do Borodine làm trưởng phái đoàn bên cạnh chính quyền Quốc Dân Đảng ở Quảng Châu. Trong thời gian này, Lý Thụy vẫn che giấu lý lịch đảng viên quốc tế Cộng Sản để hoạt động nhân danh một người Việt Nam yêu nước nên cùng với Lâm Đức Thụy, Lê Hồng Phong thành lập Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội làm bình phong.

Tháng 6 năm 1923, Nguyễn Ái Quốc từ Pháp sang Liên Xô, làm việc tại Quốc tế Cộng sản. Tháng 10 năm 1923, tại Hội nghị Quốc tế Nông dân lần thứ nhất, Nguyễn Ái Quốc được bầu vào Hội

đồng Quốc tế Nông dân và là đại biểu duy nhất của nông dân thuộc địa được cử vào Đoàn Chủ tịch của Hội đồng. Tiếp đó tham dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V, Đại hội Quốc tế Thanh niên lần thứ IV, Đại hội Quốc tế Công hội đỏ. Tại các đại hội, Nguyễn Ái Quốc kiên trì bảo vệ và phát triển sáng tạo tư tưởng của V.I. Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, hướng sự quan tâm của Quốc tế Cộng sản tới phong trào giải phóng dân tộc.

Năm 1924, đảng viên quốc tế Cộng sản Nguyễn Ái Quốc được chọn là đại biểu tham dự đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ 5 tại Mạc Tư Khoa. Trở về nước với nhiệm vụ thống nhất 3 đảng Cộng sản gồm Đông Dương Cộng Sản đảng của Ngô Gia Tự (85 đảng viên), Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn (Tân Việt Cộng sản liên đoàn có 119 đảng viên) ở Thanh Hóa và An Nam Cộng Sản Đảng ở Nam Việt (61 đảng viên) tại Hồng Kông lấy tên là Việt Nam Cộng Sản Đảng.

Tháng 11 năm 1924, với tư cách là Ủy viên Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản và Ủy viên Đoàn Chủ tịch Quốc tế Nông dân, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc). Tại Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc làm việc trong đoàn cố vấn Bôrôđin của Chính phủ Liên Xô bên cạnh Chính phủ Tôn Dật Tiên.

Năm 1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, trực tiếp mở lớp huấn luyện đào tạo cán bộ cách mạng, ra tuần báo “Thanh niên”, tờ báo cách mạng đầu tiên của Việt Nam nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về Việt Nam, chuẩn bị cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện được tập hợp in thành sách “Đường Kách mệnh”, một văn kiện lý luận quan trọng đặt cơ sở tư tưởng cho đường lối cách mạng Việt Nam.

Tháng 2 năm 1930, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị thành lập Đảng họp tại Cửu Long, thuộc Hồng Kông (Trung Quốc). Hội nghị đã thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt

của Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân và toàn thể dân tộc Việt Nam.

Sau khi Nguyễn Ái Quốc chết vì bệnh lao phổi tại Liên Xô, Quốc tế Cộng sản cho Hồ Tập Chương nhập vai Nguyễn Ái Quốc để thực hiện chủ trương của Quốc tế Cộng sản nhuộm đỏ Việt Nam và các nước Lào, Cambodia.

Tháng 10 năm 1938, Hồ Tập Chương với tên mới Hồ Quang, Thiếu tá Đệ Bát Lộ Quân rời Liên Xô sang Trung Quốc, bắt liên lạc với tổ chức Đảng chuẩn bị về nước.

Ngày 28 tháng 1 năm 1941, Hồ Tập Chương dưới cái tên Nguyễn Ái Quốc về nước sau hơn 30 năm xa cách.

Tháng 5 năm 1941, Hồ Tập Chương triệu tập Hội nghị lần thứ VIII Ban Chấp hành Trung ương Đảng, quyết định đường lối cứu nước trong thời kỳ mới, thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh), tổ chức xây dựng lực lượng vũ trang giải phóng, xây dựng căn cứ địa cách mạng.

Tháng 8 năm 1942, Hồ Tập Chương lấy tên mới là Hồ Chí Minh, đại diện cho Mặt trận Việt Minh và Phân hội Việt Nam thuộc Hiệp hội Quốc tế chống xâm lược sang Trung Quốc tìm sự liên minh quốc tế, cùng phối hợp hành động chống phát xít trên chiến trường Thái Bình Dương. Hồ Chí Minh bị chính quyền địa phương của Tưởng Giới Thạch bắt giam trong các nhà lao của tỉnh Quảng Tây. Tháng 9 năm 1943, Hồ Chí Minh được trả tự do.

Tháng 9 năm 1944, Hồ Chí Minh trở về căn cứ Cao Bằng. Tháng 12 năm 1944, Hồ Chí Minh chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Tháng 5 năm 1945, Hồ Chí Minh rời Cao Bằng về Tân Trào (Tuyên Quang). Tại đây theo đề nghị của Hồ Chí Minh, Hội nghị

toàn quốc của Đảng và Đại hội Quốc dân đã họp quyết định Tổng khởi nghĩa. Đại hội Quốc dân đã bầu ra Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam (tức Chính phủ lâm thời) do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Tháng 8 năm 1945, Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Hồ Chí Minh đọc “Tuyên ngôn độc lập”, tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và trở thành vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam độc lập.

Ngày 6 tháng 3 năm 1946, Hồ Chí Minh ký với Sainteny đại diện của chính phủ thân cộng Felix Gouin một Hiệp Ước Sơ bộ xin nằm trong Liên Hiệp Pháp và cho phép 15 ngàn quân Pháp tới Hà Nội với nội dung “Pháp công nhận Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ riêng, quân đội riêng, tài chính riêng trong liên bang Đông Dương và trong liên hiệp Pháp. Pháp thừa nhận kết quả cuộc trưng cầu dân ý về sự thống nhất ba kỳ.”

Tháng 9 năm 1946, Hồ Chí Minh và Phạm văn Đồng sang Pháp tham dự hội nghị Fontainebleau. Hồ Chí Minh trong 4 tháng ở bên Pháp (từ 2/6 đến 18/9/1946) đã vận động ngoại giao với các thành phần, nhất là các phe nhóm thuộc các đảng phái thân cộng như các ông Sainteny, Leclerc, Raymond Aubrac, Moutet... Sau khi hội nghị thất bại, Phạm văn Đồng về nước. Hồ Chí Minh ở lại tìm mọi cách để ký một tạm ước với Pháp để trấn an dư luận. Hồ Chí Minh tiếp xúc với bộ trưởng thuộc địa Marius Moutet trình ra bản Tạm Ước. Bộ trưởng thuộc địa Marius Moutet sửa lại nội dung rồi đưa cho Hồ Chí Minh. Nửa đêm ngày 14 rạng 15 tháng 9, Hồ Chí Minh nhà riêng của Marius Moutet đưa bản Tạm Ước của Moutet thảo rồi xin Moutet ký tên. Bản Tạm Ước Việt Pháp đã được ký trong phòng ngủ của viên bộ trưởng bộ Thuộc địa.³⁸ Tạm Ước Việt-Pháp quy định dành cho Pháp nhiều ưu tiên hoàn toàn bất lợi cho Việt Nam...

³⁸ Trên thực tế thì tạm ước Modus Vivendi ký ngày 14/9/1946 rạng ngày 15/9/1946 giữa Hồ Chí Minh và bộ trưởng thuộc địa Marius Moutet không

Sau khi thất bại tại hội nghị Fontainebleau vào tháng 9 năm 1946, Hồ Chí Minh viết một lá thư gửi bà Sô Dít, một phụ nữ thân cộng người Pháp lúc đó đang nắm một vai trò trong chính phủ. Thư này được đăng trong cuốn “Hồ Chí Minh – Một Nửa Nhân Loại” tác giả Trần Khuê và Nguyễn Thị Thanh Xuân. Nội dung lá thư ông Hồ cầu khẩn bà Sô Dít hãy giúp ông bằng mọi cách để chính phủ Pháp công nhận “Chính Phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa” được nằm trong liên hiệp Pháp. Hồ Chí Minh viết: *“ Theo như tạm ước ký ngày 15-9 vừa qua giữa chính phủ Pháp và chính phủ Việt Nam thì hai bên phải đình chỉ mọi cuộc xung đột. Về phần tôi, tôi sẽ hết sức mình để cho điều khoản này cũng như các điều khoản khác được thi hành một cách trung thực...Tôi mong rằng về phía những người bạn Pháp của tôi, họ cũng sẽ hành động như vậy...Chỉ cần nước Pháp công nhận nền độc lập của chúng tôi thì tức khắc nước Pháp sẽ tranh thủ được trái tim và tình cảm của tất cả người Việt Nam. Và chúng ta sẽ cùng nhau xây dựng khối liên hiệp Pháp, một khối liên hiệp tự do, vững chắc và anh em...Tán thành tinh thần bốn bể là anh em, cho nên tôi yêu mến...”* Lá thư đề ngày 22 tháng 9 năm 1946, tức chỉ 7 ngày sau khi tạm ước được ký.

Sử gia Trần Trọng Kim đã nhận xét về Hồ Chí Minh như sau: *“Trong những lời tuyên truyền của Việt Minh, thấy luôn luôn nói nào là hạnh phúc, nào là tự do, bình đẳng, mà sự thật thì trái ngược tất cả. Những lối họ dùng là nói dối, đánh lừa cướp bóc, giết hại tàn phá, không kiêng dè gì cả, miễn làm cho người ta mắc lừa hay sợ mà theo mình là được Hồ Chí Minh và đảng Cộng sản Việt Nam là một tập đoàn mafia luôn gây chia rẽ, phá hoại đất nước, tạo ra cuộc nội chiến dai dẳng, không cần thiết trên đất nước VN, làm suy yếu tiềm lực quốc gia, dân tộc bằng sự sát hại các phần tử kháng chiến nhưng không theo Chủ nghĩa Cộng Sản. Những khẩu hiệu mà Cộng sản Việt Nam thường dùng là “độc lập, tự do, hạnh phúc, bình đẳng” chỉ dùng để dối gạt dân Việt Nam mà thôi!”*

phải giữa chính phủ Pháp và chính phủ Hồ Chí Minh, bởi vì Moutet chỉ là một viên chức của Bộ Thuộc Địa, không phải đại diện của quốc hội Pháp.

Theo sách báo của đảng Cộng sản thì Hồ Chí Minh, tạo ra hiện tượng này là để “câu giờ”. Mặt khác, khi trở lại Hà Nội, Hồ Chí Minh mang về cái “tạm ước” giả tạo này để làm tiếng vang trong dân chúng, cho người ta tưởng là Việt Minh đã nằm trong liên hiệp Pháp rồi. Trong khi đó, chính phủ Pháp do Bidault cầm đầu là một chính phủ cực hữu. Ngay trong ngày Quốc Khánh Pháp, Hồ Chí Minh mon men tới tham dự nhưng Thủ Tướng Pháp chỉ cho ngồi ở hàng ghế thứ hai chứ không được ngồi ở hàng ghế đầu dành cho nguyên thủ các quốc gia. Thời kỳ này, với phong trào Giải thực nước Pháp không còn chủ trương thực dân như trước nên đã trả lại độc lập cho 2 quốc gia Lebanon và Syria vào 1946. Hoa Kỳ đã giúp Pháp trở lại Việt Nam là để ngăn chặn sự bành trướng của chủ nghĩa Cộng sản. Cựu Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ McNamara cho rằng Pháp cần thiết trở lại Đông Dương, làm bàn chặn, và có sự liên kết thừa nhận của Hoa Kỳ cũng chỉ vì để kiềm hãm làn sóng đỏ của thế giới cộng sản. Hơn nữa, sau thế chiến thứ hai, các nước có thuộc địa bị thế giới ràng buộc phải trả lại độc lập cho bản xứ. Pháp đã trả độc lập cho Lebanon và Syria vào 1946 trước khi xảy ra cuộc chiến với Việt Minh tháng 12 năm 1946. Tạm ước Việt - Pháp dành nhiều ưu tiên cho Pháp và hoàn toàn bất lợi cho Việt Nam. Tạm Ước quy định Việt Nam là một nước Tự do (Chứ không phải độc lập) trong Liên Hiệp Pháp, con quy định về mặt quân sự giữ nguyên tình trạng chiếm đóng của các phe tham chiến. Tuy nhiên có điều đáng kể là người Pháp tái lập ưu thế kinh tế của họ ở Đông Pháp qua hai điểm:

- Các công ty của Pháp được quyền hoạt động trở lại ở Đông Dương sẽ "không phải chịu một chế độ khe khắt hơn chế độ dành cho tài sản và xí nghiệp của người Việt Nam" (Khoản 2 trong tạm ước).

- Thuế quan, nguồn lợi tức đáng kể nhất trong ngân sách Liên bang Đông Dương, sẽ do người Pháp tiếp tục đảm nhiệm.

Như vậy, chính quyền Pháp vẫn bắt người Việt Nam đóng thuế nộp cho ngân sách Liên Bang Đông Dương. Cái gọi là nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa chỉ được gọi là nhà nước Tự do chứ không độc lập, chỉ là trên danh nghĩa mà thôi. Sự thật lịch sử này chứng

minh Hồ Chí Minh là một tên gian hùng quỷ quyệt bắt nhân hại dân bán nước để mưu sự tồn tại của đảng Cộng sản là trên hết.

Khi Hồ Chí Minh lâm bệnh nặng sắp chết thì Chu Ân Lai đã gửi các bác sĩ giỏi sang cứu chữa, gửi vịt Bắc Kinh cho Hồ ăn và trước lúc chết, họ Hồ còn muốn nghe các y tá hộ lý Tàu hát nhạc Tàu... Ngày nay, đối chiếu tự dạng chữ viết, nhân dáng, chiều cao cũng như các tài liệu chứng cứ lúc gần chết, tất cả đã chứng minh rõ ràng Hồ Chí Minh không phải là Nguyễn Tất Thành bí danh Nguyễn Ái Quốc. Đặc biệt, chính Văn Kiện Toàn Tập Đảng Cộng sản Việt Nam, mục văn kiện Đảng: Kỷ niệm 3 năm ngày thành lập đảng Cộng sản Đông Dương đã ghi rõ: *“Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã bị ám sát vào giữa năm 1932 trong những nhà tù của địa ngục Hồng Kông...”*. Sự kiện Nguyễn Ái Quốc chết năm 1932, hiện còn lưu trên trang báo điện tử của đảng Cộng sản Việt Nam. Như vậy, rõ ràng là Nguyễn Ái Quốc và Hồ Chí Minh là 2 người hoàn toàn khác nhau. Vấn đề quan trọng là chúng ta phải nhận thức rằng là Đại họa Mất Nước đã bắt đầu từ khi Trung Cộng tạo dựng ra nhân vật Hồ Chí Minh để từng bước Hán hóa, Tàu hóa dân tộc chúng ta. Đại họa đến với dân tộc Việt từ thời đó vì lòng yêu nước nhiệt tình nên khi đảng Cộng sản núp dưới danh nghĩa Việt Minh đưa ra chiêu bài phong trào kháng chiến giành độc lập dân tộc là toàn dân Việt Nam tin theo không một chút nghi ngờ. Hàng triệu người dân yêu nước đã hy sinh cho một cuộc chiến vô nghĩa vì nó không phải là một cuộc chiến giành độc lập dân tộc mà là một cuộc chiến tranh bành trướng chủ nghĩa Cộng sản, đồng thời cũng là cuộc chiến tranh xâm lược mở đường xuống Đông Nam Á của Trung Cộng do một tên Tàu Cộng Hồ Chí Minh lãnh đạo, dưới sự chỉ huy của đảng cộng sản Trung Quốc.

Mầm đại họa của dân tộc khởi đầu từ Nguyễn Ái Quốc đem chủ nghĩa Cộng sản vô thần, phi nhân vào Việt Nam để kẻ thù truyền kiếp của dân tộc mới nhân cơ hội này thực hiện quỷ kế Hán hóa dân tộc Việt. Chính Đệ tam Quốc tế Cộng sản đã chủ trương, tài trợ và thành lập đảng Cộng sản Việt Nam sau khi cho ra đời đảng Cộng Sản Pháp năm 1920 tại Tours và đảng Cộng Sản Trung Quốc năm

1921 tại Thượng Hải để bành trướng chủ nghĩa cộng sản tại Tây Âu và Á châu. Theo chỉ thị của Tổng Bí thư đảng Cộng Sản Liên Xô Josef Stalin, Nguyễn Tất Thành, bí danh Nguyễn Ái Quốc (bút danh chung của Nhóm Trí thức yêu nước ở Paris) từ Thái Lan đến Quảng Châu rồi qua Hong Kong tham dự việc thành lập đảng Cộng Sản Việt Nam ngày 3-2-1930 tại một sân đá banh. Tham dự buổi họp thành lập Đảng có 6 người Việt (Nguyễn Ái Quốc, Hồ Tùng Mậu, Trình Đình Cửu, Nguyễn Đức Cảnh, Lê Hồng Sơn và Lê Tấn Anh) và một đại biểu Quốc tế Cộng sản. Tài liệu cộng sản Việt Nam không nói tên của người đại biểu Quốc tế Cộng sản nhưng các tư liệu tham khảo cho biết nhân vật ngoại quốc này tên Hồ Tập Chương, phái viên Cục Đông phương Quốc tế Cộng sản. Nguyễn Ái Quốc và Hồ Tập Chương đều là cán bộ của Cộng sản Quốc tế, thành viên Ban Trù bị thành lập đảng Cộng Sản Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc và Hồ Tập Chương đã từng làm việc chung với nhau từ năm 1929 đến khi cả hai bị bắt giam năm 1931: Nguyễn Ái Quốc bị Cảnh Sát Anh bắt giam tại Hong Kong, Hồ Tập Chương bị Trung Hoa Quốc Dân Đảng bắt giữ tại Quảng Châu, một thành phố lớn của tỉnh Quảng Đông.

Chính Hồ Chí Minh với thủ đoạn nham hiểm ác độc đã giết nhà cách mạng Tạ Thu Thâu thuộc nhóm Trotsky Đệ tứ quốc tế cộng sản. Trong hồi ký Bên dòng Lịch Sử của Linh mục Cao Văn Luận viết: “Đảng cộng sản Đông Dương ở Pháp, và cán bộ Việt Minh đi lôi kéo số Việt kiều, khoảng vài trăm người kéo đến quanh Hotel Royal biểu tình hoan hô tình thân thiện Pháp Việt, lúc cụ Hồ tiếp các chính khách, trí thức, nhân sĩ, báo giới Pháp bên trong khách sạn. Trong buổi tiếp tân này một đảng viên cộng sản Pháp, thuộc hệ phái Trotsky, tức là đệ tứ quốc tế, có hỏi trường hợp cái chết của Tạ Thu Thâu. Cụ Hồ làm mặt buồn rầu, thiểu não, đã trả lời rằng: Ông Thâu là một nhà ái quốc lớn, và chúng tôi rất buồn lòng khi hay tin ông mất. Bị hỏi dồn, ai là thủ phạm thủ tiêu ông Thâu, cụ Hồ đã trả lời gượng gạo: Tất cả những ai đi sai con đường tôi đã vạch, đều phải bị tiêu diệt. Con người cộng sản giáo điều ở cụ Hồ hiện rõ trong câu nói đó, và câu nói tàn bạo đó giải thích được những hành động sau này của chính phủ Việt Minh ở vùng gọi là giải phóng.

Linh mục Cao văn Luận là một người yêu nước mến mộ Hồ Chí Minh đã viết trong hồi ký "Bên Dòng Lịch Sử" như sau: "*Một giai thoại được giới Việt kiều thời bấy giờ nhắc đến hoài, làm cho tôi phải nhớ lại. tạp chí Le Paria là một tạp chí cộng sản cực đoan do chính cụ Hồ sáng lập và làm chủ nhiệm, chủ bút, kiêm nhiếp ảnh viên kiêm bình luận gia, trong những năm sau đệ nhất thế chiến, cùng với cụ Nguyễn Thế Truyền. Sau khi cụ Hồ rời nước Pháp, nó chuyển giao cho một đảng viên cộng sản Pháp và Đông Dương. Nó không sáng giá như ngày xưa, nhưng vẫn sống lây lất, và trong những ngày cụ Hồ sang Pháp lần này tạp chí Le Paria đăng một bức thư ngỏ lời cụ Hồ, nói là của những đồng chí do cụ đào tạo, nhưng thấy cụ phản bội nên nhất định chửi cụ, chống cụ: "Chúng tôi là nhóm đồng chí ít ỏi còn lại do đồng chí (Hồ) đào tạo năm 1925. Những tư tưởng của đồng chí đã thấm sâu vào chúng tôi. Chúng tôi xem đồng chí như biểu tượng cho tất cả những tầng lớp thợ thuyền Việt Nam trẻ. "Chúng tôi không ngờ lại phải mất hết mọi hy vọng sau thỏa ước ngày 8 tháng 3 (giữa cụ Hồ và D'Argenlieu, để Pháp trao tống Nam bộ). Đồng chí đã ký kết một thỏa ước chấp nhận tự trị mà không phải độc lập. Sức mạnh của lòng tin tưởng của chúng tôi đặt vào nơi cụ là lãnh tụ phong trào cách mạng phản đế ngày nay cũng ngang ngửa với lòng căm phẫn của chúng tôi. Chúng tôi lấy làm xấu hổ là ngày xưa đã chọn làm lãnh tụ. "Nhưng nhân dân Việt Nam không bao giờ tuyệt vọng... Họ sẽ tiếp tục con đường cụ đã vạch nhưng đã không noi theo cho đến cùng".*



Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đại biểu Anh, Mỹ, Trung Quốc tại lễ ký kết Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946. (Nguồn: Bảo tàng Hồ Chí Minh, chi nhánh TPHCM)

“Số báo *Le Paria* này đã gây nên một vụ tạt gọi là xì căng đan. Cụ Hồ phản đối chính phủ Pháp, cho rằng chính phủ Pháp cố tình làm rắc rối cho cụ, hạ nhục cụ, chế nhạo cụ. Cụ đòi gặp đại diện nhóm chủ trương tờ *Le Paria*. Trong một lần gặp gỡ với đại diện bộ ngoại giao Pháp, cụ Hồ đã làm mặt nổi giận, chua cay, trách móc chính phủ Pháp. Đại diện bộ ngoại giao Pháp, chính phủ Pháp đã mắc bẫy, xin lỗi cụ Hồ bao nhiêu lần về vụ này, và những mật vụ Pháp, cán bộ thông tin mật của Pháp sau đó đã phải đi căn dặn các báo cần dè dặt trong mọi bài bình luận, chỉ trích gì đề cập đến cụ Hồ và vấn đề Việt Nam. Trong lúc cụ Hồ ở Pháp, các báo Pháp tuy gọi là tự do, nhưng thông cảm với chính phủ, nên riêng các đề tài Việt Nam, thì coi như có kiểm duyệt. Nhưng mà ý cụ Hồ khi làm mặt giận vì bài báo *Le Paria* không phải chỉ có như vậy đâu. Cụ muốn lấy cái lập trường quá khích ở *Le Paria* để làm một tiêu chuẩn so sánh với lập trường thật là ôn hòa, mềm dẻo của cụ, và như thế chứng minh với người Pháp rằng ngày nay cụ và dân tộc Việt Nam đã chọn nước Pháp làm một đồng minh đàn anh, nghĩa là cụ chịu nhượng bộ nhiều lắm, nhưng Pháp cũng nên hiểu cho cụ, đừng bắt cụ nhượng bộ hơn nữa, bởi vì sau lưng cụ, còn những thành phần quá khích không thể nào cho phép cụ lùi thêm bước nữa.

Mấy tháng liền, nghĩa là từ ngày 22 tháng 6 đến 13 tháng 9, hội nghị Fontainebleau vẫn tiếp tục. Cụ Hồ bất mãn và thất vọng. Sau mấy phiên nhóm đầu, cụ hoàn toàn giao phó cho các đại diện. Nguyễn Mạnh Hà thường đi dự với nhiều nhiệm vụ, một trong các nhiệm vụ đó là thông ngôn, vì Hà giỏi tiếng Pháp, mà cũng giỏi tiếng Việt. Đôi lúc Hà trở lại gặp tôi và kể cho nghe những chuyện xảy ra trong hội nghị. Cụ Hồ có vẻ không gấp gáp kỳ bất cứ một hiệp ước gì với Pháp. Người ta có cảm tưởng cụ Hồ cố tình kéo dài hội nghị. Người Pháp thì cũng muốn kéo dài tình trạng nhập nhằng này, có lẽ để cho sự phân chia Nam bộ trở thành vững chắc và tự nhiên hơn. Bên Sài-gòn, chính phủ Nguyễn Văn Thinh trở thành bù nhìn thực sự của Pháp. Cả những cơ quan hành chính cũng do người Pháp làm trưởng sở.

Người Pháp có cảm tình với cụ Hồ nhiều lắm. Nhưng có một điều bất ngờ cụ Hồ lúc sang Pháp không tính đến: những lãnh tụ cộng sản ngày nay ít ai biết đến và thân thiết với đảng viên cộng sản kỳ cựu trong những đảng viên sáng lập đảng cộng sản Pháp, sau để nghị thế chiến là Nguyễn Ái Quốc, nay là Hồ Chí Minh. Vì vậy sự hỗ trợ, hay thiện cảm của đảng cộng sản Pháp mà cụ Hồ đã mong mỏi không xảy ra.

Ngày 13 tháng 7, cụ Hồ mở cuộc họp báo, và các bài tường thuật được đăng trên một vài báo Pháp. Lúc đó báo chí quốc tế chưa chú ý mấy đến vấn đề Việt Nam, vì họ xem đây là một vấn đề nội bộ của nước Pháp. Bộ ngoại giao Pháp cũng đang vận động với các Tòa đại sứ đồng minh, nhất là với Mỹ và Anh, để thu hẹp tầm quan trọng của vấn đề này thành chuyện nội bộ của Pháp. Cuộc họp báo ngày 13-7 đã không có tiếng vang như cụ Hồ mong ước. Trong cuộc họp báo này, cụ Hồ đã xác nhận cụ là Nguyễn Ái Quốc. Cụ trả lời báo Le Monde, đã hỏi cụ về lai lịch của cụ, trong câu hỏi có nêu thắc mắc cụ Hồ có phải là Alias Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc hay không? Cụ Hồ mỉm cười, trả lời một cách mập mờ, nước đôi: “Tôi đã phải sống lén lút, chui rúc, cho nên cái việc đổi tên này tên nọ không có gì đáng ngạc nhiên. Và tôi chỉ thực hiện công khai kể từ ngày 2 tháng 9 năm 1945” (ngày tuyên cáo độc lập)”.

Cụ Hồ lên Ba-Lê ngày 22 tháng 6, nhưng mãi đến ngày 2 tháng 7, tức 10 ngày sau, cụ mới gặp thủ tướng Pháp Beorbed Bidault. Cuộc gặp gỡ ngắn ngủi và Bidault có vẻ khinh thường cụ Hồ. Trong thông cáo chung cụ Hồ đã hết sức nhún nhường, mềm dẻo: Chúng ta sẽ thành tâm hợp tác với nhau theo tinh thần nhân bản mà các triết gia Khổng giáo cùng các triết gia Tây phương đều chia sẻ, để thiết lập một mối liên hệ mới giữa những con người cùng tự do, và cùng tương quan với nhau. Như chúng ta thấy, bản thông cáo đã cố tình bỏ sót cái ý: giữa hai quốc gia tự do độc lập, tương quan.

Ngày 14 tháng 7 năm 1946: Cụ Hồ thành Quốc Khách của Pháp Nhờ những cuộc vận động khôn khéo, dần dà cụ Hồ trở thành thượng khách của chính phủ Pháp, của nước Pháp. Chúng ta thấy

cụ đã đi từ chỗ ở kín đáo tại thành phố Biarritz, đến Ba-Lê, và vào ngày 14 tháng 7 tức là ngày quốc khánh Pháp, cụ Hồ đã được xếp chỗ ngồi trên hàng ghế danh dự, ngang hàng thủ tướng Bidault. Trong cuộc lễ hôm đó, cụ Hồ đã nhân danh quốc trưởng Việt Nam đặt vòng hoa tưởng niệm lên mộ chiến sĩ vô danh. Từ đây cụ có tư thế một quốc khách của Pháp rồi. Như nói trên ông Bidault là một người có tinh thần thực dân và khinh miệt người Việt Nam lộ liễu. Trong việc sắp xếp chỗ ngồi trong ngày quốc khánh Pháp, cụ Hồ đòi ngồi ngang hàng với ông Bidault, nhưng ông Bidault nhất định không chịu như vậy. Cuối cùng ban nghi lễ phải sắp nhiều khán đài gần nhau, nhưng cái cao cái thấp, hơn kém nhau vài phân. Cụ Hồ được sắp ngồi cũng tạm gọi là ngang hàng với ông Bidault trên khán đài riêng, thấp hơn khán đài ông Bidault vài phân, nhưng ở xa thì thấy ngang nhau. Cụ Hồ được xếp ngồi chung với các lãnh tụ cộng sản như Thorez và các bộ trưởng cộng sản như Tillon (bộ trưởng không quân).

Những ngày ở Ba-Lê kéo dài mà không ích lợi gì. Hội nghị Fontainebleau, theo lời kể của Nguyễn Mạnh Hà, thì chỉ là một phiên họp để Pháp ra điều kiện và phái đoàn Việt Minh từ chối cách nào cho khéo léo, để không tan vỡ ngay là được rồi. Cụ Hồ chán nản, và nhân một hôm gặp lại một người bạn Pháp quen thân lâu năm, vợ chồng ông Raymond Aubrac, hiện sống trong một biệt thự rộng rãi ở vùng quê phụ cận Ba-Lê, cụ Hồ để phái đoàn của ông lại Hotel Royal, trong lúc cụ và vài thơ ký dờn đến ở nhà ông Aubrac. Vợ ông này là bà Lucie Aubrac, là dân biểu cộng sản trong quốc hội Pháp. Cụ Hồ dờn về nhà gia đình Aubrac từ ngày 12 tháng 8 và ở lại đó cho đến ngày 15 tháng 9 tức là ngày cụ rời Pháp trở về Việt Nam.

Chính phủ Pháp dành cho cụ Hồ và phái đoàn Việt Minh vài chiếc xe du lịch, tôi nhớ hình như là mấy chiếc Citroen, loại ba hàng ghế, với tài xế và cận vệ cùng một đội cảnh sát. Lúc dờn về nhà Aubrac, cụ Hồ đem theo chiếc xe, nhưng yêu cầu khỏi có cảnh sát. Mỗi sáng cụ dậy sớm, duyệt qua các báo Pháp, các bản tường thuật

phiên họp hôm trước, rồi dùng sáng với gia đình Aubrac và lên Ba-Lê.

Càng kéo dài, hội nghị Fontainebleau càng lâm vào tình trạng bế tắc, đò vỡ. Fontainebleau là một nơi tuy chẳng xa Ba-Lê lắm, nhưng khí hậu lại lạnh, và phòng họp thì thiếu tiện nghi. Những người Việt Nam tham dự hội nghị có lẽ vì cái rét lạnh không quen ở Pháp, đâm ra làm lì. Phía phái đoàn Pháp chỉ gồm những chuyên viên cè vắn đề thuộc địa, mà không có một nhân vật chính trị có hạng nào cả. Vì vậy vấn đề được đặt ra đều không thể giải quyết tại chỗ, mà phải chờ phúc trình lên. Điểm bất đồng lớn nhất giữa hai phái đoàn, hai quốc gia, là phía Việt Minh thì muốn đứng trên lập trường một quốc gia độc lập, chủ quyền, để thương thuyết về mối liên hệ theo pháp lý quốc tế, với một quốc gia bạn. Trong lúc phía Pháp muốn coi hội nghị này như một cuộc họp nội bộ giữa chủ và tớ, mà chủ dĩ nhiên là nước Pháp. Họ chỉ muốn phái đoàn Việt Minh chấp thuận những ân huệ của Pháp, nếu có sửa đổi thì chỉ sửa đổi đôi chút thôi. Điểm bất đồng quan trọng thứ hai, là phái đoàn Việt Minh quan niệm nước Việt Nam thống nhất từ Cà Mau đến Nam Quan, do một chính phủ và dĩ nhiên là chính phủ Việt Minh cai trị.

Phái đoàn Pháp theo chỉ thị của chính phủ và dựa theo thỏa ước tháng 3, thì coi vấn đề lãnh thổ Việt Nam chưa được giải quyết: Nam bộ đã có chính phủ tự trị dưới nhãn hiệu giả Nguyễn Văn Thinh, nhưng được hứa là sẽ có tổ chức trưng cầu dân ý để quyết định sát nhập hay tách riêng. Trung và Bắc kỳ thì có thể trao Hồ Chính phủ Việt Minh, nhưng chính phủ này phải công nhận tính cách chuyển tiếp, lâm thời và phải chờ sau cuộc trưng cầu dân ý toàn cõi Việt Nam mới dứt khoát. Tuy nhiên có một điều mà chính phủ Pháp không biết và nếu biết thì có lẽ hội nghị Fontainebleau không tan vỡ, chính phủ Việt Minh coi việc thống nhất ba miền quan trọng hơn vấn đề độc lập. Do đó nếu Pháp chịu để cho ba miền thống nhất, thì Việt Nam có thể chấp nhận qui chế tự trị trong liên hiệp Pháp. Nhưng lúc bấy giờ Pháp theo chủ trương và mưu kế của D'Argenlieu, đã tách Nam bộ thành cộng hòa Nam bộ tự trị, cho nên bây giờ nhượng bộ điểm này ngay, khi chưa có trưng cầu dân ý

thì có vẻ Pháp chịu thua sao. Cho nên Pháp không nhượng bộ về vấn đề thống nhất lãnh thổ.

Đến ngày 12 tháng 9, hội nghị Fontainebleau kể như tan vỡ. Một phần phái đoàn Việt Minh đã rời nước Pháp trở về Hà Nội. Một thông cáo của phái đoàn Việt Minh được phổ biến, cố che dấu sự thất bại, cố mở rộng cửa thương thuyết. Thông cáo không có nói đến những điều gì đã thỏa thuận được, mà chỉ nói rằng hai chính phủ “mong ước” sẽ tiếp tục nói chuyện nhau ở những cấp bộ địa phương về những thỏa ước giới hạn. Tại Hà Nội những phân tử quá khích rục rịch nổi lên chống lại Việt Minh. Khi hay tin hội nghị Fontainebleau thất bại, các đảng phái cách mạng đã công khai chỉ trích chính phủ Việt Minh và cụ Hồ. Vì vậy cụ Hồ muốn mang về nước ít ra một thỏa ước nào minh bạch hơn là một bản thông cáo không có giá trị gì hết. Cụ chỉ còn trông cậy vào một con đường: ký với Bộ Pháp Quốc Hải Ngoại, tức là bộ Thuộc Địa Pháp, một thỏa ước kiểu đó. Dĩ nhiên đây là một thiệt thòi nhục nhã cho Hồ Chí Minh: quốc trưởng một quốc gia, dù nhỏ bé không thể nào hạ mình ký kết với một bộ trưởng, lại là bộ trưởng bộ Thuộc Địa. Làm như vậy đương nhiên cụ Hồ nhận chịu cho Việt Nam làm xứ thuộc địa, chấp nhận uy quyền của thực dân Pháp và riêng cụ trở thành bề dưới của Marius Moutet, bộ trưởng bộ Thuộc Địa Pháp.

Những ngày cuối cùng của hội nghị Fontainebleau, tức là ngày đầu tháng 6, trong lúc phái đoàn Việt Nam vẫn còn tham dự hội nghị thì Hồ Chí Minh lúc bấy giờ đang ở trong nhà gia đình dân biểu cộng sản Raymond Aubrac, mỗi sáng khoảng 10 giờ, đi xe lên Hotel Royal Monceau, duyệt lại các tài liệu, phúc trình, hội nghị ngày hôm trước, rồi theo chương trình đã sắp xếp trước, cụ đến Bộ Pháp Quốc Hải Ngoại, tức là Bộ Thuộc Địa, hội đàm với ông Bộ trưởng Marius Moutet. Những cuộc họp riêng và kín này bắt đầu vào khoảng ngày 7 tháng 9, lúc hội nghị Fontainebleau không còn hy vọng gì đi đến một giải pháp mà cả Pháp lẫn Việt Minh có thể chấp nhận. Những gặp gỡ giữa cụ Hồ và ông Marius Moutet hình như do ông Jean Sainteny và một nhân vật cộng sản trong chính phủ Pháp thời bấy giờ là ông Tillon, Bộ trưởng Không Quân sắp xếp và khuyến khích,

với mục đích vừa không làm mất lòng đồng chí cộng sản Hồ Chí Minh, tức Alias Nguyễn Ái Quốc, và từng là sáng lập viên đảng cộng sản Pháp, mà lại không đi ngược lại quyền lợi và chính sách của nước Pháp.

Những người gặp cụ Hồ lên xe đến bộ Pháp Quốc Hải Ngoại thời bấy giờ đều kể lại với tôi rằng: mặt cụ dăm dăm, trán cau lại thành những vết nhăn không lúc nào phai được. Cụ lặng lẽ bước lên xe, người như gập đôi lại trên chiếc ghế sau. Người cận vệ duy nhất của cụ bước lên cạnh ghế tài xế, và lập tức người tài xế là một đảng viên cộng sản Pháp do ông Aubrac giới thiệu, rồ máy xe, từ từ chạy đến bộ Thuộc địa. Không một người nào khác tham dự những buổi họp kín này. Theo lời một vài người kể lại với tôi, thì có nhiều buổi sáng cụ Hồ như ngần ngại, lo sợ đến thăm bộ Thuộc Địa, và khi gần đến, bỗng cụ ra hiệu cho tài xế đi lòng vòng trong thành phố Ba-Lê vài chục phút, rồi đột ngột cụ chép miệng, bảo tài xế thôi hãy đến bộ Thuộc địa.

Vài ký giả chực trước cửa bộ Thuộc địa để xin phỏng vấn, đều bị từ chối đôi lúc một cách khéo léo, đôi lúc một cách cứng rắn. Những ai nhìn thấy mặt cụ Hồ lúc bấy giờ dù rất muốn săn tin, cũng không nở nài ép. Trong mấy ngày, trông cụ già thêm mười tuổi. Không ai biết rõ những điều được thảo luận giữa cụ Hồ và ông Marius Moutet. Lúc đó có ý định của Pháp trong vấn đề Việt Nam đã khá rõ rệt, Pháp muốn thành lập 3 vùng riêng biệt, nếu có thể thì biến thành ba quốc gia không liên hệ gì với nhau. Nam kỳ tự trị, gọi là Cộng hòa Nam kỳ, hoàn toàn do Pháp chi phối qua những bù nhìn kiểu Nguyễn Văn Thinh. Nước Việt Nam, mà trong mọi danh từ chính thức Pháp vẫn cố tình gọi là Annam, có thể gồm từ phía Bắc Phan Thiết ra đến biên giới Hoa-Việt, có thể giao cho Chính phủ Việt Minh, và một cao nguyên tự trị, và một cao nguyên tự trị, chạy đi từ vùng Đà Lạt, Tuyên Đức, lên đến Ban Mê Thuộc, Kontum. Lúc bấy giờ có nhiều tin đồn nói rằng Pháp đã tìm thấy trong vùng Cao Nguyên này, và phần Cao Nguyên thuộc lãnh thổ Lào tiếp giáp với vùng này những khoáng sản quý báu: than đá, dầu hỏa, Uranium ...

Nhìn nét mặt cụ Hồ sau buổi họp kín với bộ trưởng Thuộc Địa Marius Moutet, người ta đoán được rằng cụ Hồ đã nhượng bộ thêm một chút. Lúc bấy giờ cũng có nhiều tin đồn trong giới Việt kiều ở Pháp, đồn rằng nước Pháp thấy không thể buộc cụ Hồ chấp nhận một giải pháp hoàn toàn có lợi cho Pháp, đang muôi ý định bắt cóc, hay giam lỏng cụ Hồ không cho về nước, nếu cụ không ký kết với Pháp một thỏa hiệp công nhận Cộng Hòa Nam Kỳ, và Cao Nguyên tự trị. Tất cả chỉ là những tin đồn bởi vì cho đến hôm nay lịch sử vẫn không cho biết rõ những cuộc thảo luận tại bộ Thuộc Địa Pháp đã diễn ra như thế nào, tranh luận về những vấn đề nào. Nhưng càng ngày người ta càng thấy cụ Hồ mất bình tĩnh, buồn thảm chán ngán hơn một chút.

Sau buổi tiếp tân tại nhà Aubrac, chiều tối đó tôi đi xe lửa sang Louvain, Bỉ, dự một buổi thuyết trình của Hội Thừa Sai. Hai hôm sau tôi trở lại, và ngày nào cũng có một vài Việt kiều đến nói chuyện với tôi về số phận hội nghị Fontainebleau, và những cuộc gặp gỡ giữa cụ Hồ với ông Moutet. Nhờ đó, tuy không gặp lại cụ Hồ một lần nào trước khi cụ rời nước Pháp, tôi cũng biết được, như mọi người lúc bấy giờ có thể biết, những gì xảy ra quanh cụ Hồ. Nguyễn Mạnh Hà ở lại cho đến ngày cuối cùng, trong lúc một phần phái đoàn Việt Minh tham dự hội nghị Fontainebleau về, đã rời Pháp, đi tàu thủy từ Marseille về Sài Gòn, ghé Cap, rồi ra thẳng Hà Nội.

Những cuộc hội đàm giữa cụ Hồ và Moutet không hề được văn kiện hóa. Cụ Hồ là người có trí nhớ phi thường, và để giữ bí mật hoàn toàn về nội dung những cuộc mật đàm này cụ không muốn lập một văn kiện gì về những cuộc mật đàm đó. Một lần gặp Nguyễn Mạnh Hà, sau khi từ Louvain về Ba-Lê, tôi có hỏi về nội dung những cuộc họp ở bộ Thuộc Địa, Hà lắc đầu, nói rằng Hà cũng chỉ biết qua những tin đồn, qua nét mặt càng ngày càng buồn thảm của cụ Hồ, sau mỗi lần gặp ông Moutet. Và Hà đoán rằng những cuộc gặp gỡ mật đó không thể nào gọi là một thành công đối với cụ Hồ. Hà cùng tôi thảo luận về những giả thuyết, những tin đồn và hỏi nhau liệu người Pháp có dám bắt cóc hay giữ cụ Hồ lại không. Không ai có thể trả lời được.

Một việc mà Hà cho tôi biết vào những ngày đầu tháng 9, là những điện tín theo mật mã hay ám ký, từ Hà Nội đánh sang. Đại loại thì những điện tín đó đều tỏ ra sốt ruột, lo lắng, thúc giục cụ Hồ mau trở về nước, vì hiện có nhiều biến chuyển trọng đại tại nước nhà đòi hỏi sự có mặt của cụ. Một điện tín đề cập đến tình trạng căng thẳng ở Hải Phòng, Bắc Ninh, Lạng Sơn. Vụ Bắc Ninh xảy ra đầu trong tháng Tám: một toán quân tự vệ Việt Minh phục kích một đoàn quân tải lương của Pháp, giết gần trọn đoàn quân này và cướp được lương thực, súng ống. Hình như vụ này do chính Võ Nguyên Giáp và Chu Văn Tấn bày ra khi hay tin Hội nghị Fontainebleau kể như bế tắc để làm áp lực với chính phủ Pháp. Tại Lạng Sơn, đồn binh Pháp sống trong tình trạng bị bao vây và cô lập. Quân Pháp không dám ra ngoài, sợ bị ám sát, bắt cóc, và sợ dân chúng đánh đập. Hải Phòng xảy ra vài vụ lộn xộn giữa lính Pháp và các thanh niên tự vệ thành. Tại Nam bộ, người Pháp than phiền rằng tướng Nguyễn Bình đang mộ quân, lập căn cứ, xây dựng hạ tầng cơ sở trái với thỏa ước tạm thời 8 tháng Ba giữa D'argenlieu, (Jean Sainteny ký thay) Hồ Chí Minh và Vũ Hồng Khanh. Nguyễn Bình không chịu tập trung quân vào khu chỉ định chờ một giải pháp chính thức, trái lại Nguyễn Bình mở đường sang Cao Miên và Lào, tìm cách liên kết với các nhóm cách mạng chống Pháp khác, như Hòa Hảo của Huỳnh Phú Sổ.

Đối với những vụ này, cụ Hồ luôn luôn tìm cách trấn an người Pháp, và cụ có lúc dựa vào những điều đó, để yêu sách Pháp thêm một chút, nhưng hình như cụ không thành công. Có tin tướng Leclerc được thay thế bởi tướng Valluy. Cụ Hồ và các lãnh tụ Việt Minh rất tin tưởng vào tướng Leclerc, và lo sợ tinh thần thực dân quá khích của tướng Valluy và những bộ hạ của ông như đại tá Debès, đô đốc Battet. Tất cả những tin tức từ nước nhà làm cho cụ Hồ buồn phiền thêm, và linh cảm một sự đổ vỡ trầm trọng trong bang giao Pháp Việt. Cụ Hồ là người biết rõ một cuộc chiến tranh sẽ tai hại đối với dân tộc Việt Nam như thế nào. Cụ lại đặt nặng vấn đề thống nhất ba vùng lên trên cái danh từ độc lập, hay chủ quyền. Nhưng người Pháp đã quyết liệt không muốn cho Việt Nam thống

nhất. Lúc bấy giờ Pháp lại đã thỏa thuận được với Lào và Cao Miên, để đặt lại một chế độ bảo hộ mới, trá hình dưới chiêu bài Liên Hiệp Pháp. Phe De Gaulle thì gần như bị loại ra hết khỏi chính phủ, và tướng De Gaulle đã trở về trại mát Colombeydes Deus Eglises trí sĩ và viết hồi ký, không tham dự gì vào chính trị nước Pháp, do đó những lời hứa hẹn của ông trong diễn văn đọc ở Brazaville được coi như vô giá trị.

Trong bầu không khí đó, cuộc họp buổi chiều kéo dài mãi đến 9 giờ tối, cụ Hồ mới rời bộ Thuộc Địa ra về. Trông cụ càng thiếu ngủ hơn bao giờ. Vài phút sao thì Moutet cũng ra xe về tư dinh, và người ta thấy nét mặt ông Moutet cũng chẳng tươi tắn gì hơn. Ông Moutet theo tiết lộ một vài người thì tối đó đã không dùng bữa, vào ngay phòng ngủ, đóng kín cửa và lên giường liền. Về sau người ta được biết ông Moutet bị cảm và vì đó, trong cuộc họp chiều 14-9, cụ Hồ và ông ta đã trao đổi những lời xằng giọng gần như là cãi lộn với nhau. Câu cuối cùng của ông Moutet hình như là một câu từ chối. Về đến Hotel Royal, cụ Hồ cũng về ngay phòng riêng nhưng người ngoài vẫn thấy cửa sổ phòng cụ Hồ sáng đèn, và cụ Hồ ngồi làm việc cho đến gần nửa đêm.

Gần nửa đêm cụ Hồ đích thân gọi điện thoại cho ông Moutet. Ông Moutet đang ngủ, yêu cầu có chuyện gì dù khẩn cấp mấy cũng xin chờ cho đến sáng mai, ông mệt và bị cảm không thể nói chuyện gì được nữa. Cụ Hồ nài nỉ rằng cụ sẽ đến gặp ông tại nhà riêng ngay lập tức, chỉ 5 phút nữa thôi, và không để cho ông Moutet kịp từ chối, cụ Hồ cúp điện thoại. Theo người Pháp kể lại, thì ông Moutet cũng không ngờ là cụ Hồ sẽ đến gặp ông ngay, cho nên ông lên giường ngủ lại. Nhưng quả thực cụ Hồ đã rời Hotel Royal, cùng với một cận vệ và tài xế đến nhà ông Moutet ngay.

Ông Moutet kể lại rằng ông vừa chợp mắt, thì gác cửa báo là cụ Hồ đến, và đã đến, và đã lên thẳng phòng ông. Khi cụ Hồ vào thì ông Moutet còn nằm trên giường, tung chăn ngồi dậy bận áo ngủ, ngồi trên giường. Cụ Hồ và người cận vệ bước vào. Cụ Hồ đến ngồi vào chiếc ghế đầu giường ông Moutet, cố lấy nét mặt vui tươi cười

mở nói rằng cụ đến để ký kết những điều được thảo luận lúc chiều, chỉ xin thay đổi vài chi tiết nhỏ. Ông Moutet lại yêu cầu cụ Hồ ngày mai sẽ họp và ký cũng chẳng vội gì. Đại ý là cụ Hồ đã nói rằng cái gì đã xong hãy cho xong luôn, không nên chờ sáng ngày mai những việc có thể làm xong đêm nay. Ông Moutet khoác thêm chiếc áo choàng, gọi bồi đem cà phê đậm lên, rồi hai người cùng ra ngồi đối diện nơi chiếc bàn trong phòng ngủ. Ông Moutet gọi thợ ký riêng soạn lại văn kiện đã được dùng làm căn bản trong cuộc thảo luận lúc chiều, rút ra một bản đúc kết, đánh máy thành nhiều bản, và trao cho cụ Hồ. Cụ Hồ chỉ đọc qua, không sửa đổi gì đặt bút ký ngay. Ông Moutet ký vào bên cạnh, và đó là bản thỏa ước được gọi là *Modus Vivendi* ngày 14 tháng 9 với những điều khoản căn bản được công bố trên báo chí ngày sáng 15 tháng 9:

1. Chính phủ Việt Minh công nhận giá trị thỏa ước tạm thời 8 tháng và thỏa hiệp Đalat, tức là công nhận Cộng Hòa Nam Kỳ cho đến lúc có một cuộc trưng cầu dân ý tại Nam bộ để quyết định sự thống nhất hay tách rời Nam bộ khỏi Việt Nam.
2. Mọi lực lượng Việt Minh tại Nam bộ được tập trung vào những khu chỉ định, được giải giới, chờ đợi trưng cầu dân ý. Chính phủ Việt Minh hứa không gửi thêm quân, cán bộ và Nam bộ.
3. Chính phủ Việt Minh công nhận người Pháp có quyền tiếp tục khai thác các cơ sở kinh tế có sẵn khắp Việt Nam.
4. Hai chính phủ cùng thỏa thuận coi người Pháp và người Việt Nam ngang hàng, tuy nhiên chính phủ Việt Minh phải dành một số độc quyền cho Pháp, cố vấn Pháp, nhân viên văn hóa Pháp.
5. Về vấn đề tiền tệ, hai chính phủ cam kết sử dụng một loại giấy bạc duy nhất, lấy đồng quan Pháp làm căn bản.
6. Chính phủ Việt Minh bằng lòng cứu xét việc gia nhập Liên Hiệp Pháp theo chiều hướng thuận, và đổi lại chính phủ Pháp bằng lòng giúp đỡ Việt Nam về kinh tế, văn hóa và quân sự.
7. Một hiệp ước chính thức và vĩnh viễn sẽ được thảo luận và ký kết trong một hội nghị mới sẽ được mở sau, do sự tham

khảo giữa hai chính phủ.

Trên thực tế, thỏa ước 14-9 cũng như thỏa ước tạm thời 8 tháng 3, là những nhượng bộ lớn của Việt Minh đối với Pháp, nhưng trên nguyên tắc thì Việt Minh dành được một vài điều gọi là thắng lợi chẳng hạn như đã được chính phủ Pháp coi là một phe đối thoại có thẩm quyền, và hứa hẹn sẽ có một hội nghị chính thức quan trọng để thảo luận tiếp. Thỏa ước 14-9 đã được ký âm thầm, vào nửa đêm. Nguyên văn bản thỏa ước này đã không được phổ biến ngay trong những ngày sau đó. Cụ Hồ đã họp báo. Chính phủ Pháp đã không tổ chức tiếp tân hay tiệc đưa nào. Các báo Pháp thời bấy giờ chỉ đăng thành vài tin. Sau ngày 15 tháng 9 nhiều anh em Việt kiêu tỏ vẻ buồn cụ Hồ. Vì bất đồng rõ rệt quá, tôi không có ý định, cũng chẳng muốn tìm cách gặp lại cụ Hồ. Cụ Hồ cũng từ chối tiếp bất cứ ai”.³⁹

³⁹ Cao văn Luận “Bên Dòng Lịch Sử”.



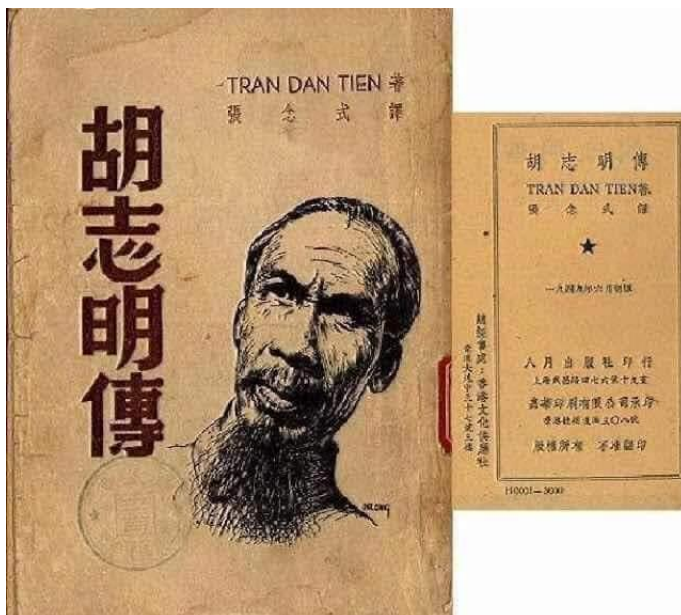
Thủ tướng Pháp Georges Bidault chào đón Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm Cộng hòa Pháp.



Hồ Chí Minh và Marius Moutet Bộ Trưởng Bộ Thuộc Địa Pháp
ký Tạm ước Việt – Pháp 25-9-1946



Nguyễn Ái Quốc (hàng đầu thứ 2 bên phải) tham dự Đại Hội 5 Quốc Tế Cộng Sản tại Maxcova năm 1924. Nguồn: tài liệu Huỳnh Tâm.

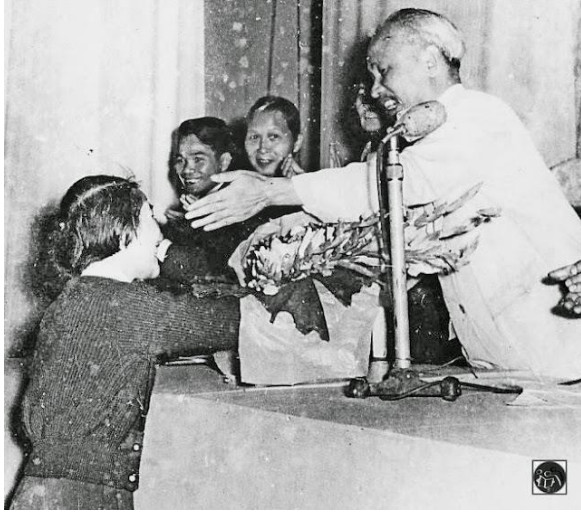




Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc. Kỷ niệm ngày “Hồ” dâng Vịnh Bắc Bộ. Và ngày 07 tháng 7 năm 1955, Hồ Chí Minh đã ký hiệp ước, gọi tắt là “Hiệp ước Vạn Lịch” hay “Hiệp ước khu tự trị Việt Nam muôn năm” (điều ước tự trị khu việt nam vạn niên) (1000 Năm). Nguồn: tài liệu Huỳnh Tâm.



Tháng 6 năm 1958 Bắc Kinh, các nhà lãnh đạo Hồ Chí Minh, Đặng Tiểu Bình, Lưu Thiểu Kỳ, Chu Đức thân mật lo toan chuyện bán nước Việt Nam. Nguồn: Tài liệu Huỳnh Tâm.



Những diễn viên múa Bắc Kinh được Hồ Chí Minh đặc biệt nhiệt tình chiếu cố. Nguồn: Tài liệu Huỳnh Tâm.



Ngày sinh nhật hằng năm của Hồ Chí Minh tổ chức trên đất Trung Quốc, tại sao không ở Việt Nam, chứng tỏ ông chưa bao giờ sinh tại Nghệ An, một chuyện lạ không ai biết, Hồ không có giấy chứng minh khai sinh.
Nguồn: Tài liệu Huỳnh Tâm.



Ngày 8/9/1942. 胡志明 (Hu Zhiming) đang tắm trong khuôn viên nhà tù của quân Tưởng Giới Thạch tại Quảng Tây.



Chủ tịch Hồ Chí Minh với các đồng chí Trần Canh ,La Quý Ba trong Đoàn cố vấn Trung Quốc .



Trung Hoa Dân Quốc đề cập danh sách bí ẩn tình báo Chính trị và Quân sự của Hồ Tập Chương, bút hiệu Hồ Cẩm có bí danh Hồ Quang, Hồ Đê, Lý Thụy....và bí danh cuối cùng là Hồ Chí Minh. Nguồn MSS, tài liệu ảnh lưu: Huỳnh Tâm.



Thư ngày 20/01/1958 của Hồ Chí Minh gửi Chủ tịch Lưu Thiệu Kỳ. Nguồn: Lưu trữ Trung Quốc.



Đề cương giới thiệu tình hình hoạt động cách mạng tại Liễu châu của Chủ tịch

Hồ Chí Minh thời kỳ kháng chiến chống Nhật gửi đoàn đại biểu chính đảng Khu tự trị Việt Bắc nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.





Ngày 18- 1-1950, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thiết lập quan hệ ngoại giao .Cuối tháng 1 ,Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm bí mật TQ hội kiến với lãnh đạo Trung Quốc Chu Đức cùng các vị lãnh đạo khác hội kiến với Chủ tịch Hồ Chí Minh.



Phó Thủ tướng Trần Vân (Chen Yun) Đảng trưởng Việt Minh Hồ Tập Chương. Nguồn: tài liệu ảnh Huỳnh Tâm.



Ngày 3 đến 5-7-1954 tại Liễu Châu Quảng Tây Trung Quốc, Thủ tướng Chu Ân Lai hội đàm với Chủ tịch Hồ Chí Minh về những vấn đề liên quan đến Hội nghị Giơ-ne-vơ giải quyết hoà bình vấn đề Đông Dương. Đây là nơi hội đàm trong khách sạn Liễu Châu và tờ Nhân Dân nhật báo đưa tin về cuộc Hội đàm hồi đó.



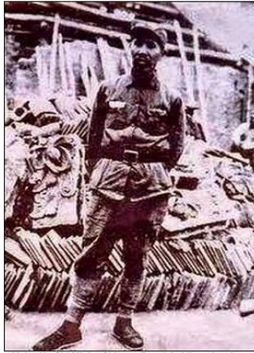
Ngày 1-10-1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến dự chiêu đãi nhân dịp Quốc khánh Trung Quốc tại Khu giải phóng Việt Bắc do Đại sứ Trung Quốc đầu tiên tại Việt Nam La Quý Ba tổ chức.



Ngày 23-6 đến 8-7-1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu Đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam sang thăm Trung Quốc. Ngày 25-6, Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc Mao Trạch Đông, Thủ tướng Quốc vụ viện Trung Quốc Chu Ân Lai tháp tùng Chủ tịch Hồ Chí Minh duyệt Đội danh dự Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc.



Ngày 7-7-1955, bản Thông cáo chung giữa Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ký tại Bắc Kinh.



Major Ho Chi Minh - Chinese People's Liberation Army
主要胡志明 - 解放军



北海365越南語愛好者CLAD

Ngày 3-10-1959 , các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước Trung Quốc Mao Trạch Đông, Lưu Thiểu Kỳ , Chu Đức đã hội kiến với Chủ tịch Hồ Chí Minh nhân dịp Hồ Chủ tịch nhận lời mời sang dự hoạt động chào mừng 10 năm Ngày thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.



Tháng 5-1960, Thủ tướng Quốc vụ viện Trung Quốc Chu Ân Lai và Phó thủ tướng Quốc vụ viện Trung Quốc Trần Nghị đi thăm Việt Nam. Trong buổi chiêu đãi đáp lại do phía Trung Quốc tổ chức, Phó Thủ tướng Trần Nghị đã tức cảnh làm thơ tặng Chủ tịch Hồ Chí Minh.



Ngày 2-11-1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đường đi dự Lễ chào mừng 43 năm Ngày Cách mạng Tháng Mười Liên Xô, đã đến Bắc Kinh. Tối hôm đó, Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc Mao Trạch Đông mở tiệc chiêu đãi Chủ tịch Hồ Chí Minh.



Tháng 2-1964, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc Đặng Tiểu Bình đi thăm Việt Nam. Tổng Bí thư Đặng Tiểu Bình nói chuyện thân mật với Chủ tịch Hồ Chí Minh.



Ngày 7-11-1991 tại nhà khách Chính phủ Điều Ngự Đài Bắc Kinh ,Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc Giang Trạch Dân ,Thủ tướng Quốc vụ viện Trung Quốc Lý Bằng và Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Đỗ Mười ,Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Việt Nam Võ Văn Kiệt đã tham gia lễ ký Hiệp định thương mại và Hiệp định tạm thời về giải quyết công việc biên giới giữa hai nước Trung Quốc và Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- An Nam Chí Cao Hùng Trung.
- An Nam Thông Sử Nham Thôn Thành Doãn.
- A History of China Wolfram Eberhard London 1955.
- Bách Việt Tiên Hiền Chí Âu Đại Nhậm.
- Báo cáo Khoa học về Kết quả Chứng tộc học, Tiền sử học toàn cõi Á Châu 1962 G. Coedès.
- Các Chứng tộc trên trái đất J. Deniker.
- Chánh tả Việt ngữ Lê Ngọc Trụ.
- Chiến Quốc sách Lưu Hướng.
- Chữ viết trong các nền văn hóa Đặng Đức Siêu.
- Cơ sở Văn Hóa Việt Nam Trần ngọc Thêm.
- Cổ sử Khảo Tiều Chu.
- La première conquête Chinoise du pays Annamistes
Au Rousseau, Hà Nội 1923.
- Đại nam Quốc sử Diễn ca
Lê Ngô Cát trước tác, Hoàng Xuân Hãn dịch.
- Đại Việt Sử Ký Toàn Thư Ngô Sĩ Liên.
- Đại Việt Sử Lược Khuyết Danh.
- Đại Việt Thông Giám Tổng Luận Lê Tung.
- Đạo Phật và dòng sử Việt Thích Đức Nhuận.
- Đạo Trường chung cho Đông Nam Á Kim Định.
- Đế Vương thế kỷ Hoàng Phủ Mật.
- Đất nước Việt Nam Qua Các Đời Đào Duy Anh.
- Địa Lý Biển Đông Vũ Hữu San.
- Đông Kỳ Vỹ Chiếu.
- Eden in the East, The Drowned Continents of Southeast Asia,
Pheonix, London Stephen Oppenheimer.
- État Actuel de La Cranologie Indochinoise
Dr Huard et équipe.
- Genetic relationship of populations in China Chu JY.
- Géographical Society NY David N Keightley.
- Giai phẩm Xuân Kỷ Sửu Nguyễn Đệ & Trần thị Nhung.
- Han Chinese expansion in south China Herold Wiens.

- Hậu Hán Thư Phạm Việp (Đòi Tống).
- Hoài Nam Tử Luu An.
- Histoire de La Chine et de La Civilization Chinoise Tsui- Chi.
- Histoire Ancienne les états Indonésien de L'Indochine B.E.F.E.O 1944.
- Hùng Vương Dựng Nước Tập 1,2,3 Viện KH Xã Hội.
- Kinh Thi Khổng Tử.
- Kinh Thư Khổng Tử.
- Khảo Cổ Học Việt Nam Hà Văn Tấn, Viện Khảo Cổ.
- Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương mục Phan Thanh Giản cùng các sử thần Triều Nguyễn.
- Inner Asian frontiers of China Owen Lattimore edition American.
- Institute of Integrative and Comparative Biology Spencer Wells.
- Mối Liên hệ về ngôn ngữ cổ đại ở ĐNÁ Hoàng Thị Châu.
- Nam Việt chí Thẩm Hoàng Viễn.
- Nguồn gốc Mã Lai của Dân tộc Bình Nguyên Lộc.
- Nguồn gốc Văn hóa Việt Nam Kim Định.
- Nguồn Gốc Việt Mường Tạ Đức.
- Lịch Sử Việt Nam tập I. NXB Đại học Hà Nội.
- Nhànnamphi Blog Đỗ Thành.
- Nước Đại Nam Đối diện với Pháp và Trung Hoa Yoshihara Tsuiboi.
- Nguyenxuangquang Blog BS Nguyễn Xuân Quang.
- Lam Sơn Thực Lục Nguyễn Trãi.
- Le Tonkin, Hanoi 1931 Pierre Gourou.
- Lịch sử Văn minh Trung Hoa Will Durant, Bản dịch của Nguyễn Hiến Lê.
- Les États himdonisés L'Indochine et d'Indonésia G. Coedès 1946.
- Les Mường, Géographie Humaines et Sociologie J.Cusinier, Paris 1946.
- Les paysants du delta Tonkinois, Etude de Geographie Humaine BEFEO, XXVI I, 1936.

- Les Peuples de la peninsula Indochinoise G Coedès.
- Les Races Humaines H. V. VaLois. Paris 1934.
- Les Salvas H. Mansuy, Paris 1944.
- Lịch Sử Dân Tộc Việt Nam Phạm Cao Dương.
- Lịch sử VN Cổ đại Đào Duy Anh.
- Lịch Sử Việt Nam Tập I, Tập II
Viện KH Xã Hội Thành phố HCM, NXB Trẻ 2001.
- Lịch Triều Hiến Chương Loại chí Phan Huy Chú.
- Lĩnh Nam Trích Quái Trần Thế Pháp.
- Lục Độ Tập Kinh và Truyền thuyết Khởi nguyên Dân tộc
Lê Mạnh Thát.
- Origins and Development of the Yueh Coastal Neolithic
William Meacham.
- Records of the Grand Historian of China. Sima Qian.
- Southeast Asian mitochondrial DNA S.W. Ballinger.
- Sở Từ Khuất Nguyên, Bản dịch của Leggs.
- Sử Ký Tư Mã Thiên.
- Sử Học Bị Khảo Đặng Xuân Bảng.
- Sự Tích Ngọc Phả Cổ Truyện Nguyễn Như Đỗ.
- Sử Thế giới Nguyễn Hiến Lê.
- Sử Trung Quốc Tập I, II Nguyễn Hiến Lê.
- The Archeology of Ancient China
By Kwang-Chih-Chang, Yale University Press 1968.
- The Chinese Heritage K.C. Wu.
- The-Ch'unTsen Leggs.
- The Languages of China before the Chinese
by Terrien de la Couperie. Tapei 1970.
- The Origine of Chinese Civilization
University California Press 1983.
- Tả Truyện Tả Khâu Minh.
- Tài liệu 40 năm nước CHXHCNVN NXB Hà Nội.
- Tam Ngũ Lịch Từ Chính.
- Tập san Tư Tưởng Việt Viện Tư Tưởng Việt.
- Tiên Trình Lịch Sử Văn Hóa Việt Hà Văn Thùý.
- The Origins and Early Cultures of Cereal Grains and Food
Legumes Te-Tzu-Chang.

- The Ch'ing-Lien-Kang, Culture and the Chinese Neolithic
Richard Pearson.
- The Descent of Man, 1781, ch.14, The Origin of Species (1859)
Darwin C.
- Thử Tìm lại biên giới cổ VN
Trần Đại Sỹ.
- Tiền Hán Thư
Ban Cố (Đời Tống).
- Theo Dòng Lịch sử
Trần Quốc Vượng.
- Theo Dấu văn Hóa cổ
Hà Văn Tấn.
- Thế thứ các Triều Vua
Nguyễn Khắc Thuần.
- Thời Đại Hùng Vương
NXB KHXHVN, Hà Nội.
- Thủy Kinh Chú Sớ
Lê Đạo Nguyên.
- Tìm về nguồn gốc văn minh VN
Cung Đình Thanh.
- Tội tân Trung Quốc Phân tỉnh đồ
Đài Loan Xuất bản.
- Trung Quốc Lữ du Tri thức Tinh hoa
NXB Bắc Kinh.
- Truyện Kiều Hồn tính Việt ngàn đời
Nguyễn Đoàn Tuân.
- Từ Điển Từ Hải
Từ Hải.
- Từ Điển Hoa Việt
Lý Văn Hùng.
- Về Đông Sơn Hùng Vương
Đoàn Nam Sinh.
- Việt Học Là Gì
Trương Bồn Tài.
- Việt Nam Cội Nguồn Trăm Họ
Bùi Văn Nguyên.
- Việt Nam Thế Kỷ Hai Mươi
Dương Kiên.

MỤC LỤC


- Hồ Chí Minh, CT Nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa	17
- Tiếm Danh Nguyễn Ái Quốc	29
- Sự Thật Của Cái Gọi Là Cách Mạng Tháng Tám	43
- Việt Minh Cướp Kho Thóc Cứu Đói của Chính Phủ TTK	53
- Sự Thật Của Cái Gọi là Cải Cách Ruộng Đất	55
- Con Người Muôn Mặt	58
- Mạo Nhận Tác Giả Ngục Trung Nhật Ký	85
- Hồ Tập Chương Nhập vai Hồ Chí Minh	89
- Lấy Tên Khác Viết Sách Tự Đề Cao Minh	91
- Hồ Chí Minh Không Phải Là Nguyễn Ái Quốc	95
- Hồ Chí Minh Không Phải Là Người Việt	97
- Hồ Chí Minh Là Hồ Tập Chương Người Tàu	101
- Hồ Chí Minh Xâm Nhập Hàng Ngũ Quốc Gia	115
- Hồ Chí Minh Thanh Toán Các Lãnh Đạo Quốc Gia	121
- Bộ Mặt Thật Của Nguyễn Tất Thành và Hồ Chí Minh	147

CÙNG MỘT TÁC GIẢ:

- . NGUỒN GỐC VIỆT TỘC.
- . HUYỀN TÍCH VIỆT.
- . ĐOẠN TRƯỜNG BẮT KHUẤT.
- . SƠN HÀ NGUY BIẾN.
- . HOÀNG SA TRƯỜNG SA,
Chủ Quyền Lịch sử của Việt Nam.
- . CHAN CHỨA BAO TÌNH.
- . QUỐC TỔ HÙNG VƯƠNG.
- . VIỆT NAM THỜI LẬP QUỐC.
- . LƯỢC SỬ VIỆT NAM I & II
- . VIỆT NAM NƯỚC TÔI.
- . VIETNAM, MY COUNTRY.
- . HISTORY OF VIETNAM.
- . KHƠI DÒNG SỬ VIỆT (SINH LỘ VIỆT NAM I).
- . ĐỂ QUỐC MỚI TRUNG CỘNG (SINH LỘ VN II).
- . LỊCH SỬ VIỆT – DANH TƯỚNG VIỆT.
- . VĂN MINH VIỆT – DANH NHÂN VĂN HÓA VIỆT.
- . LỊCH SỬ VIỆT DƯỚI ÁNH SÁNG KHOA HỌC.
- . TÂM TÌNH LỊCH SỬ - NÓI VỚI NGƯỜI BẠN TRẺ
1,2,3,4,5,6,7,8,9.

Quý vị cần mua sách có chữ ký lưu niệm của tác giả
xin liên lạc: Email: phamtrananh2015@gmail.com
Phone: (714-332-9243)

Gửi Money order hay check 25 USD một cuốn.
(Cước phí 7 USD, ngoài Hoa Kỳ cước phí 15 USD)
Thư và check viết tên:
Phạm Trần Anh 14732 Bushard st apt 2 Westminster CA 92683



PHẠM TRẦN ANH

- Tốt nghiệp Học viện Quốc Gia Hành Chính - Sĩ Quan VN.
- Biên Khảo Lịch sử và Văn hóa Dân tộc Việt Nam.
- Hội Ai hầu Tu nhân Chứng tri và Tôn giáo Việt Nam.
- Hội Văn Đẩu Việt Nam Hải Ngoại (VAVPO).
- Hội Nhân sĩ Diên Hồng Thủ Đẩu.
- Hội Quốc Tế Nghiên Cứu Biên Đông Nam Á.
- Mặt Trận Dân Tộc Cứu Quốc.

"Nguồn gốc Việt tộc là một tác phẩm giá trị với những khám phá mới lạ mà từ trước tới nay, những sử gia chưa ai đề cập tới" - **Cố Đại Lão HT Thích Đức Nhuận**

"Đây là một tác phẩm cực kỳ giá trị và hết sức vĩ đại" - **Lê Mạnh Nguyên**, Viện sĩ Hàn Lâm Pháp Quốc.

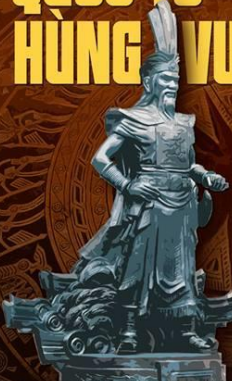
Công trình nghiên cứu công phu của Tác giả Phạm Trần Anh về Huyền Tích Việt đã góp phần đi tìm sự công bằng trên bình nguyên gốc của tộc Việt, đem lại nhiều bằng chứng của dân tộc Việt Nam, giúp chúng ta có những kiến thức vững chắc hơn về nền văn hiến của chúng ta. Chính nền văn hiến đó đã là nền tảng của văn hóa Trung Hoa sau này. Tác phẩm rất xứng đáng có một chỗ đứng quan trọng trong tủ sách của người VN, nhất là cho các thế hệ sau này. - **GS TS Nguyễn Thanh Liêm**, Thủ Trưởng Giáo Dục VNQH.

Tác giả là người có kiến thức về văn học và sử học VN và hơn thế nữa, tác giả là một người yêu quê hương và tự hào về dân tộc VN. Hôm nay, tôi xin phép được nói ngay là với tôi, tác giả là người bạn tâm giao và cuốn sách này là một cuốn sách quý cần có trong tủ sách gia đình. - **Nhà văn Trần Phương**, Khoa học giả Nguyễn Xuân Vinh.

Kết quả mới nhất thuyết phục nhất về phân tích cấu trúc di truyền DNA của Việt tộc đã xác định một lần nữa là Việt tộc là một dân chúng có hoàn toàn khác biệt với Hoa tộc làm sáng tỏ nền văn hiến khác biệt và ngàn xưa. Xin cảm ơn tác giả Phạm Trần Anh đã dày công nghiên cứu để hôm nay chúng ta có một bộ sử đầy đủ nhất, hữu ích nhất cho thế hệ con em Việt Nam chúng ta. - **Tiến sĩ Nguyễn Anh Tuấn** (Khoa học Chính Trị)

History Of Vietnam được viết bởi một học giả nổi tiếng người Việt, một đóng góp vững chắc vào lịch sử nhân loại mà bất cứ ai quan tâm đến lịch sử Đông Nam Á và lịch sử nhân loại đều phải đọc. - **Professor Jerry Livingston Voorhis Ph.D 1968**


QUỐC TỘC HÙNG VƯƠNG



PHẠM TRẦN ANH
QUỐC TỘC HÙNG VƯƠNG

VIỆT NAM NGÀY MÃI 2016

PHẠM TRẦN ANH
VIỆT NAM NGÀY MÃI 2016



PHẠM TRẦN ANH

- Tốt nghiệp Học viện Quốc Gia Hành Chính Sĩ Quan VN.
- Biên Khảo Lịch sử và Văn hóa Dân tộc Việt Nam.
- Hội Ai hầu Tu nhân Chứng tri và Tôn giáo Việt Nam.
- Hội Văn Đẩu Việt Nam Hải Ngoại (VAVPO).
- Hội Nhân sĩ Diên Hồng Thủ Đẩu.
- Hội Quốc Tế Nghiên Cứu Biên Đông Nam Á.
- Mặt Trận Dân Tộc Cứu Quốc.

"Nguồn gốc Việt tộc là một tác phẩm giá trị với những khám phá mới lạ mà từ trước tới nay, những sử gia chưa ai đề cập tới" - **Cố Đại Lão HT Thích Đức Nhuận**

"History Of Vietnam được viết bởi một học giả nổi tiếng người Việt, một đóng góp vững chắc vào lịch sử nhân loại mà bất cứ ai quan tâm đến lịch sử Đông Nam Á và lịch sử nhân loại đều phải đọc". - **Professor Jerry Livingston Voorhis Ph.D 1968**


"Đây là một tác phẩm cực kỳ giá trị và hết sức vĩ đại" - **Lê Mạnh Nguyên**, Viện sĩ Hàn Lâm Pháp Quốc.

Công trình nghiên cứu công phu của Tác giả Phạm Trần Anh về Huyền Tích Việt đã góp phần rất lớn vào công việc tìm hiểu nguồn gốc của tộc Việt, đem lại nhiều bằng chứng cho dân tộc Việt Nam, giúp chúng ta có những kiến thức vững chắc hơn về nền văn hiến của chúng ta. Chính nền văn hiến đó đã là nền tảng của văn hóa Trung Hoa sau này. Tác phẩm rất xứng đáng có một chỗ đứng quan trọng trong tủ sách của người VN, nhất là cho các thế hệ sau này. - **GS TS Nguyễn Thanh Liêm**, Thủ Trưởng Giáo Dục VNQH.

Tác giả là người có kiến thức về văn học và sử học VN và hơn thế nữa, tác giả là một người yêu quê hương và tự hào về dân tộc VN. Hôm nay, tôi xin phép được nói ngay là với tôi, tác giả là người bạn tâm giao và cuốn sách này là một cuốn sách quý cần có trong tủ sách gia đình. - **Nhà văn Trần Phương**, Khoa học giả Nguyễn Xuân Vinh.

Kết quả mới nhất thuyết phục nhất về phân tích cấu trúc di truyền DNA của Việt tộc đã xác định một lần nữa là Việt tộc là một dân chúng có hoàn toàn khác biệt với Hoa tộc làm sáng tỏ nền văn hiến khác biệt và ngàn xưa. Xin cảm ơn tác giả Phạm Trần Anh đã dày công nghiên cứu để hôm nay chúng ta có một bộ sử đầy đủ nhất, hữu ích nhất cho thế hệ con em Việt Nam chúng ta. - **Tiến sĩ Nguyễn Anh Tuấn** (Khoa học Chính Trị)

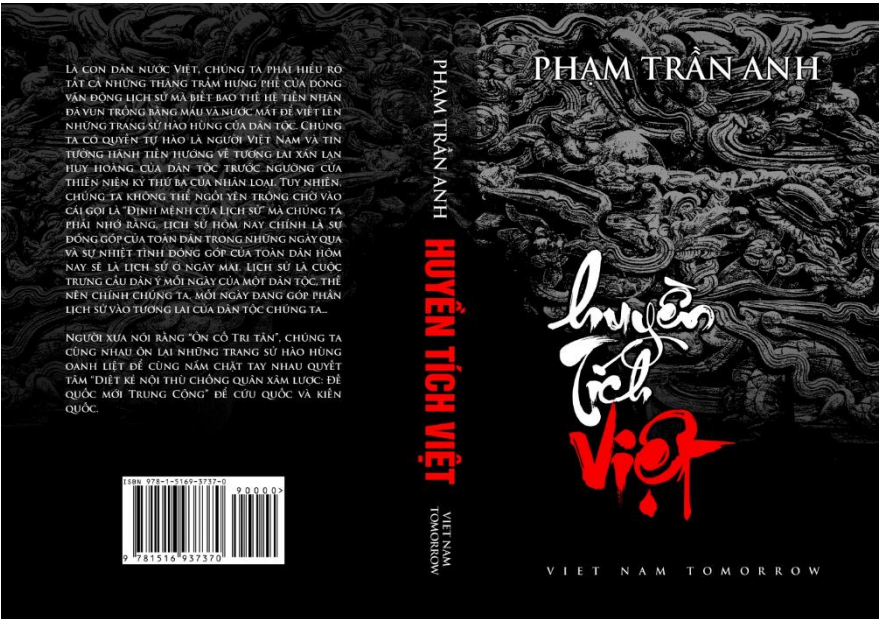
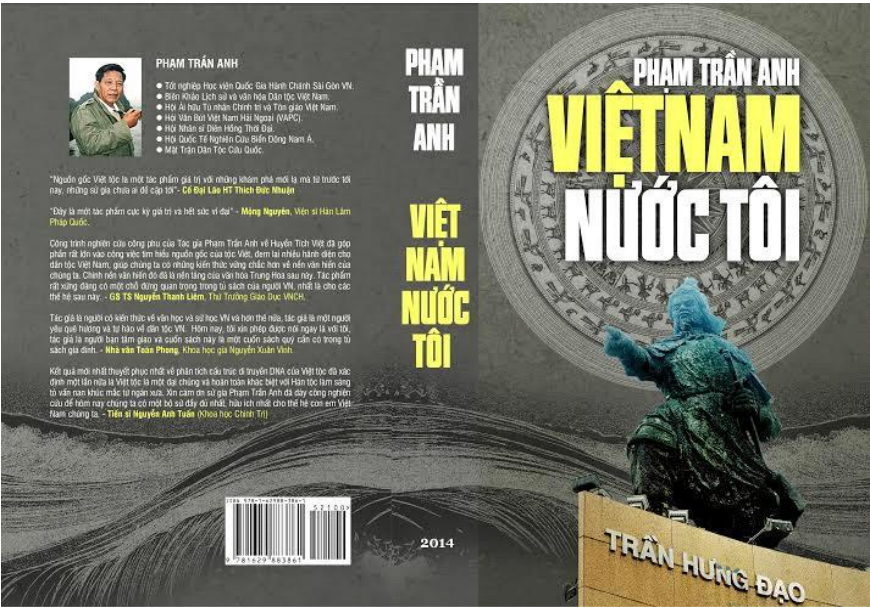
LỊCH SỬ VIỆT NAM NGUỒN GỐC DÂN TỘC VIỆT

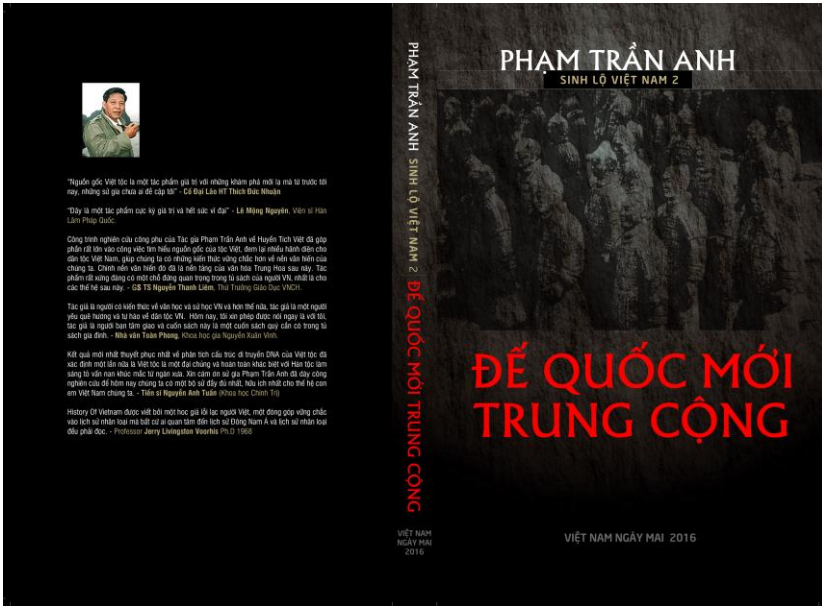


PHẠM TRẦN ANH
LỊCH SỬ VIỆT NAM
NGUỒN GỐC DÂN TỘC VIỆT

VIỆT NAM NGÀY MÃI 2016

PHẠM TRẦN ANH
LỊCH SỬ VIỆT NAM
NGUỒN GỐC DÂN TỘC VIỆT





"Nguồn gốc Việt tộc là một tác phẩm giá trị với những thông tin mới lạ mà từ trước tới nay, không ai敢 đưa ra để công luận". - Các Bà và Ông Sĩ Thanh Bình thành phố Huế

"Đây là một tác phẩm cực kỳ giá trị và hết sức vĩ đại". - Lê Hồng Nguyễn, Viện sĩ Hàn Lâm Pháp Quốc.

Công trình nghiên cứu công phu của Tác giả Phạm Trần Anh về Huyền Tích Việt đã góp phần rất lớn vào công việc tìm hiểu nguồn gốc của tộc Việt, đem lại nhiều niềm tin cho dân tộc Việt Nam. Điều chúng ta có những kiến thức vững chắc hơn về vấn đề huyền diệu chúng ta. Chính niềm vui niềm tin đó là nền tảng của văn hóa Trung Hoa sau này. Tác phẩm đã mang đến cho một chủ đề đang quan trọng trong lịch sử của người VN, nhất là cho các thế hệ sau này. - Ông Sĩ Nguyễn Thành Luân, Thủ Trưởng Giáo Dục VNCS.

Tác giả là người có kiến thức về văn học và sử học Việt và hơn thế nữa, tác giả là một người yêu quê hương và tự hào về dân tộc VN. Hơn này, sở xét pháp được nói ngày là với đất, tác giả là người bạn tâm giao và chân thành này là một cuốn sách quý cần có trong tủ sách gia đình, nhà văn Phạm Thành Bình học tại Nguyễn Thành Luân.

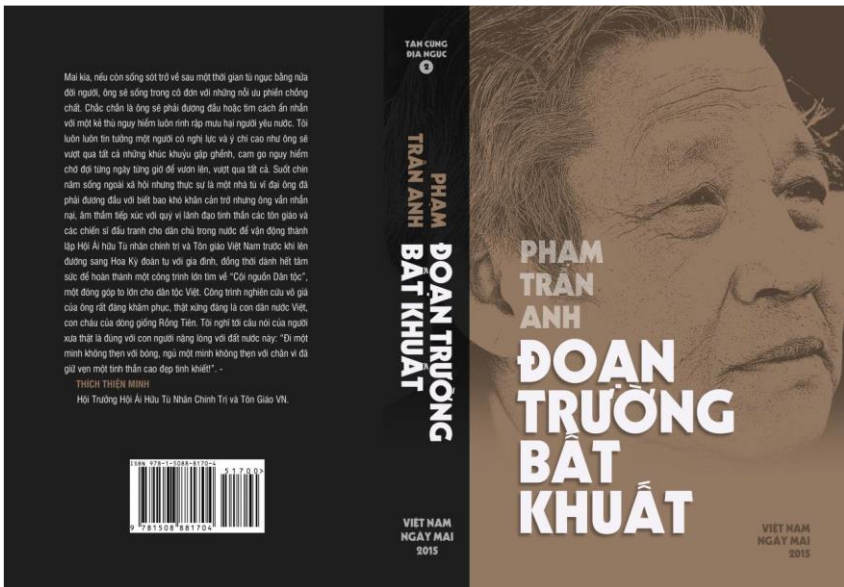
Khi quá một thế kỷ trước nhất về phần lịch sử của tộc Việt của Việt tộc đã xác định một dân tộc là Việt tộc là một đại chúng và hoàn toàn khác biệt với Hán tộc làm sáng tỏ vấn đề nguồn gốc của người Việt. Xin cảm ơn tác giả Phạm Trần Anh đã gây công nghiên cứu để hôm nay chúng ta có một tư duy đa chiều, hòa ái như cha ông ta là con Việt Nam chúng ta. - Tiến sĩ Nguyễn Anh Tuấn (Nhà học Chính Trị)

History Of Vietnam được viết bởi một học giả lỗi lạc người Việt, một đồng góp sức chắc vào lịch sử nhân loại mà bất cứ ai quan tâm đến lịch sử Đông Nam Á và lịch sử nhân loại đều phải đọc. - Professor Jerry Langstaffer (Đại học MIT, USA)

PHẠM TRẦN ANH SINH LỘ VIỆT NAM 2 ĐỂ QUỐC MỚI TRUNG CỘNG

VIỆT NAM NGÀY MAI 2016

VIỆT NAM NGÀY MAI 2016



Mai kia, nếu còn sống sót trở về sau một thời gian tù ngục bằng nửa đời người, ông sẽ sống trong cô đơn với những nỗi đau phần chân chất. Chắc chắn là ông sẽ phải đương đầu hoặc tìm cách ẩn mình với một kẻ thù nguy hiểm luôn rình rập mưu hại người yếu nước. Tôi luôn luôn tin tưởng một người có nghị lực và ý chí cao như ông sẽ vượt qua tất cả những khúc khuỷu gặp phải, cam go nguy hiểm chờ đợi từng ngày từng giờ để vượt lên, vượt qua tất cả. Suốt chín năm sống ngoài xã hội nhưng thực sự là một nhà tù vì đại ông đã phải đương đầu với biết bao khó khăn cản trở nhưng ông vẫn nhẫn nại, âm thầm tiếp xúc với quý vị lãnh đạo tinh thần của tôn giáo và các chiến sĩ đấu tranh cho dân chủ trong nước để vận động thành lập Hội Ái Hữu Tu nhân chính trị và Tôn giáo Việt Nam trước khi lên đường sang Hoa Kỳ đoàn tụ với gia đình. Đồng thời dành hết tâm sức để hoàn thành một công trình lớn tên về "Cội nguồn Dân tộc", một đóng góp to lớn cho dân tộc Việt. Công trình nghiên cứu và giá của ông rất đáng nể phục, thật xứng đáng là con dân nước Việt, con cháu của dòng giống Rồng Tiên. Tôi nghĩ tới câu nói của người xưa thật là đúng với con người nặng lòng với đất nước này: "Đi một mình không theo với bóng, ngồi một mình không theo với chân vì đã gặp vạn một linh thần cao đẹp linh thiêng". -

TRẦN THIỆN HÙNG

Hội Trưởng Hội Ái Hữu Tu Nhân Chính Trị và Tôn Giáo VN.

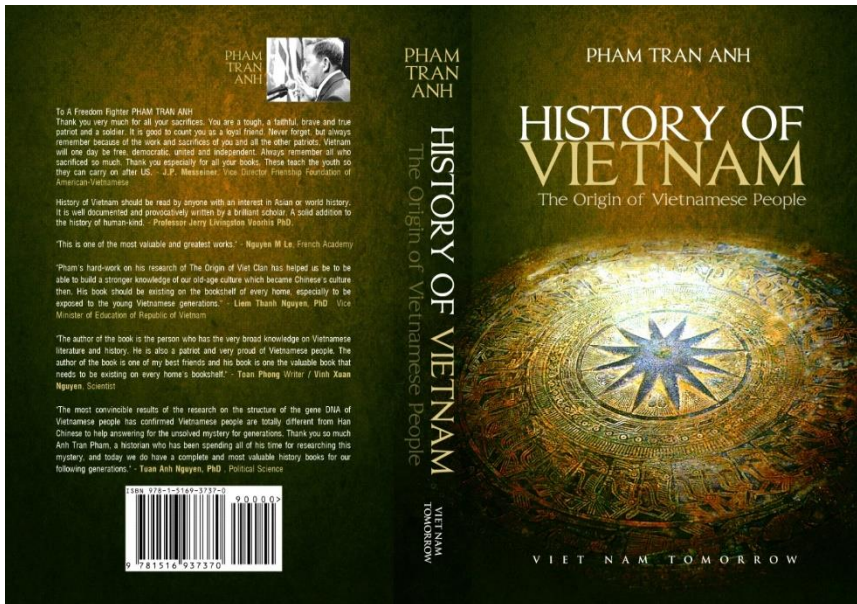
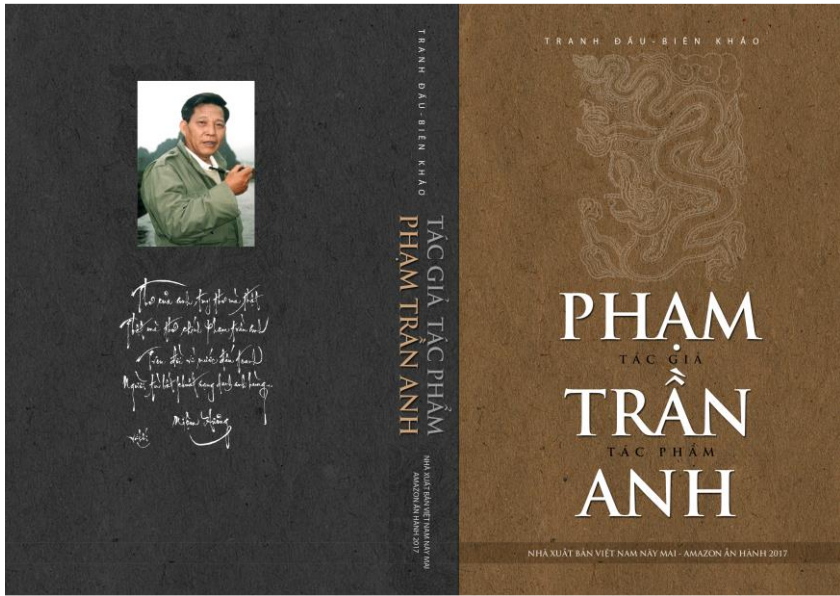
TÀI CÙNG ĐIA NGỤC

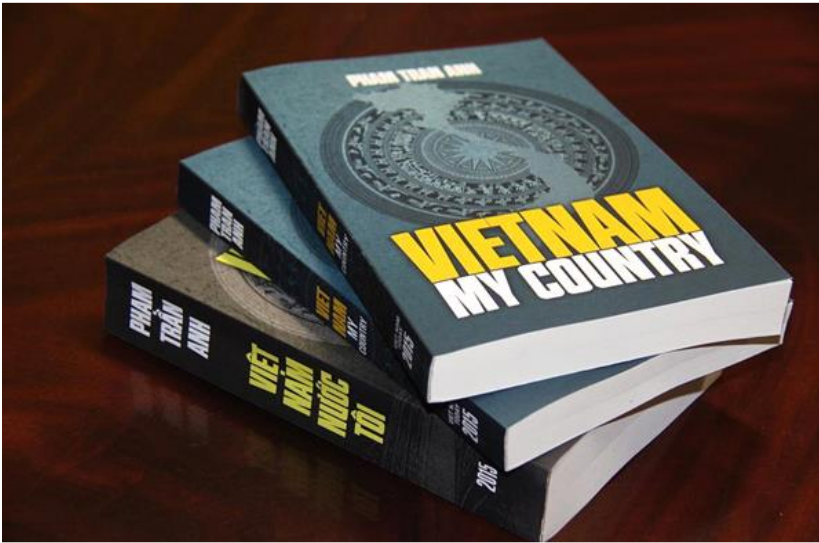
PHẠM TRẦN ANH ĐOÀN TRƯỞNG BẤT KHUẤT


VIỆT NAM NGÀY MAI 2015

VIỆT NAM NGÀY MAI 2015

NHÂN VẬT LỊCH SỬ THỜI ĐẠI II189







PHAM TRAN ANH
National Institute of Administration in Saigon Vietnam
Vietnamese researcher and historian
Member of Political and Religious Prisoner Fellowship Association
Member of Vietnamese Abroad PEN Centre (VAPC), International PEN
Member of Dien Hong Tho Dai Association
Member of International Research on South-East Asia Ocean Association
Member of Peoples National Salvation Front

"The Origin of Viet Clan" is the valuable works with a lot of discoveries that have not been mentioned before."
- **The Most Venerable Thích Đức Nhuận**

"This is one of the most valuable and greatest works."
- **Nguyen M. Le, French Institute**

"Pham's hard-work on his research of The Origin of Viet Clan has helped us to be able to build a stronger knowledge of our old-age culture which became Chinese's culture then. His book should be existing on the bookshelf of every home, especially to be exposed to the young Vietnamese generations."
- **Liem Thanh Nguyen, PhD, Vice Minister of Education of Republic of Vietnam**

"The author of the book is the person who has the very broad knowledge on Vietnamese literature and history. He is also a patriot and very proud of Vietnamese people. The author of the book is one of my best friends and his book is one the valuable book that needs to be existing on every home's bookshelf."
- **Tuan Phung Literature / Vinh Xuan Nguyen, Scientist**

"The most convincing results of the research on the structure of the gene DNA of Vietnamese people has confirmed Vietnamese people are totally different from Han Chinese to help answering for the unsolved mystery for generations. Thank you so much Anh Tran Pham, a historian who has been spending all of his time for researching this mystery, and today we do have a complete and most valuable history books for our following generations."
- **Tuan Anh Nguyen, PhD, Political Science**

PHAM TRAN ANH


**PHAM
TRẦN
ANH**

**VIỆT
NAM
MY
COUNTRY**

PHAM TRAN ANH

**VIETNAM
MY COUNTRY**

2014



NHÂN VẬT LỊCH SỬ THỜI ĐẠI II191

